

Số 149

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O



Chào

buổi sáng tinh mơ

Tr. 28

**Giải hạn
và giải nghiệp**

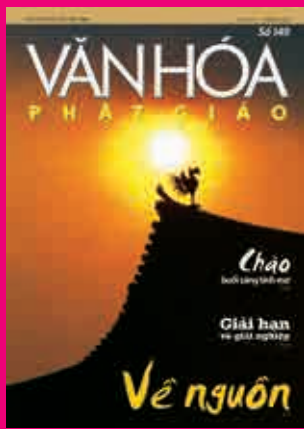
Tr. 19

Về nguồn

Tr. 9

Ngàn năm câu hoa sen vẫn nở
Và bây giờ sen đã nở khắp nơi





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Tình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cố Phương Châu, ĐD: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cố Thu Sương, ĐD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
Tên tài khoản:
Tập chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Huyệt đạo (<i>Hoàng Tá Thích</i>)	3
Sương mai	5
Phật giáo Việt Nam tại Lào (<i>Thích Thái Hòa</i>)	6
Về nguồn (<i>Trần Quang Thuận</i>)	9
Hành thiền tức là sống an lạc (<i>Đạo Tâm</i>)	13
Chân Như huân tập (<i>Nguyễn Thế Đăng</i>)	16
Giải hạn và giải nghiệp (<i>Thích Phước Đạt</i>)	19
Mục tiêu của nền giáo dục Phật giáo (<i>Tỳ-kheo Bodhi</i>)	22
Ta dạy đàn bảy dây (<i>Tấn Nghĩa</i>)	25
Chào buổi sáng tinh mơ (<i>Michael Carroll, Diệu Liên Lý Thu Linh dịch</i>)	28
Chốn bình yên (<i>Chơn Hiền</i>)	30
Bồ-tát hạnh (<i>Phan Minh Đức</i>)	32
Từ bi hỷ xả (<i>Trương Bồi Canh, Nguyễn Phước Tâm dịch</i>)	34
Tháng Hai trồng đậu (<i>Hồ Đăng Thanh Ngọc</i>)	35
Lao về phía trước (<i>Nguyễn Nhật Lâm</i>)	36
Làng tranh kiếng Phước Thuận (<i>Thu Hồng</i>)	38
Bầy chim xóm nhỏ (<i>Hà Thị Hạnh</i>)	40
Đôi bạn già thân thiết (<i>Mai Xuân Hiệp</i>)	42
Thương lắm rau dền (<i>Ngô Thị Hương Quế</i>)	44
Hồn quê (<i>Trương Thanh Liêm</i>)	46
Bếp lửa yêu thương (<i>Đăng Trung Thành</i>)	48
Lời chào (<i>Đào Minh Lâm</i>)	50
Thơ	51
Người tả tở (<i>truyện ngắn của Hải Trình</i>)	53
Tìm về dòng sông tuổi thơ (<i>Nghĩa Huỳnh</i>)	56
Lời cảm ơn cuộc sống	59

Bìa 1: Buổi sáng bình yên . Ảnh: Tạp chí Cổ Tự (Koji).



Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Trong số này, Văn Hóa Phật Giáo có những bài viết về tình quê, về hình ảnh xưa cũ đáng yêu, về những con sông hiền hòa... Chúng tôi muốn tô đậm ý nghĩa Về Nguồn như một lời cảnh tỉnh trước một số tình hình văn hóa hiện nay vẫn được gọi là Về Nguồn. Các lễ hội hoành tráng xa rời tính đơn sơ, tình tự, nhẹ nhàng... của truyền thống; thắng tích, danh lam được tu sửa tùy tiện; chùa to, tượng lớn được tôn tạo tại nhiều nơi... trong khi hệ thống chùa làng dần dần biến mất. Người ta hô hào Về Nguồn nhưng thực ra người ta không về Nguồn mà lại kéo Nguồn về với mình để làm méo mó, biến dạng, hiện đại hóa Nguồn. Đây là những hành động thiếu hiểu biết hoặc vì lợi nhuận mà thương mại hóa ý nghĩa của nguồn cội, của linh hồn dân tộc. Về Nguồn phải là tìm đến sự bình yên, sự an ủi của nguồn cội; là cảm nhận, sống với, hòa hợp với hồn thiêng của dân tộc.

Văn Hóa Phật Giáo luôn chủ trương bảo vệ và phát huy những tinh hoa của truyền thống dân tộc, để cao nét đẹp của quê hương, đất nước, và con người Việt Nam. Trong VHPG số 64 ra ngày 1-9-2008, chúng tôi cũng đã đặt vấn đề Về Nguồn với những yêu cầu bảo vệ Nguồn; bảo vệ truyền thống tốt đẹp của dân tộc; tìm sự ổn định, tự chủ, tự lực; về với đạo đức, luân lý; về với sự hiền thiện của cá nhân, gia đình, thôn xóm. Chương trình Về Nguồn hướng đến việc mỗi làng đều có chùa quê như hàng ngàn năm trước; mỗi chùa quê đều có nơi giữ trẻ ban ngày giúp người dân yên tâm làm việc, để ngay từ đầu đời trẻ thơ đã quen với hình bóng hiền thiện của chư Tăng Ni, đã biết đánh lễ trước tượng Phật, đã cảm nhận được sự ấm áp của mái chùa, tiếng chuông, tiếng mõ.

Với nhận thức đó, VHPG không ngừng thể hiện cái đẹp, cái tốt, cái đúng của truyền thống được thấy trong cuộc sống đơn sơ bình dị của người dân Việt tự ngàn đời, với hy vọng khơi gợi và góp phần làm tỏa sáng cái đúng, cái tốt, cái đẹp khi chúng ta dần bước vào đời sống hiện đại, để đừng làm mai một bản chất Việt trong thời đại toàn cầu hóa.

Cũng với nhận thức đó, VHPG chân thành kêu gọi quý độc giả và cộng tác viên tiếp tục đóng góp tiếng nói trên tinh thần Về Nguồn chân chính, để cùng góp phần bảo vệ, xây dựng, và phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

Thành tâm nguyện cầu Tam bảo gia hộ cho khát vọng Về Nguồn của tất cả chúng ta.

Văn Hóa Phật Giáo



Huyệt đạo

HOÀNG TÁ THÍCH

Một người bạn vừa kể cho tôi nghe có một đạo anh ấy bị tai biến mạch máu não. Sau khi bình phục thì chỉ có một điều không bình thường, ấy là anh rất dễ bị xúc động, hờ một chút là không kềm được nước mắt. Nghe một câu chuyện buồn là khóc. Đến nỗi anh tự thấy mắc cỡ sợ người khác cho mình là giả dối. Mà giả dối thật, vì nước mắt của anh đâu phải chảy tự trong thâm tâm mà ra.

Chuyện đó làm tôi nghĩ đến những huyệt đạo trên cơ thể con người trong chuyện kiếm hiệp: bị điểm trúng huyệt đạo nào đó có thể bị tê cứng bất động và bị sẽ khống chế bởi đối thủ. khắp cơ thể con người có vô số huyệt, nào là “á huyệt,” “tiểu huyệt,” “khấp huyệt”... Bị điểm nhầm á huyệt sẽ bị câm không nói được, bị

điểm trúng khấp huyệt sẽ khóc hoài, và nếu bị điểm trúng tiểu huyệt sẽ phải cười hoài.

Anh bạn tôi, sau cơn tai biến, có lẽ thần kinh bị chạm vào “khấp huyệt” làm anh cứ bị xúc động một chút là khóc. Giá như anh bị ảnh hưởng đến “tiểu huyệt” thì chắc khá hơn, vì nếu động một chút là cười thì vẫn dễ chịu hơn là khóc, dù cười nhiều quá đôi khi cũng có vẻ vô duyên.

Thằng như đã có huyệt cười huyệt khóc thì chắc cũng phải có những huyệt đạo khác, như “yêu huyệt” của nhà văn Chu Tử trước đây đã phát giác ra: Điểm trúng huyệt yêu, chắc chắn là sẽ được yêu. Và không chỉ huyệt yêu mà còn có thể còn rất nhiều huyệt ghét, huyệt khen, huyệt chê... thậm chí có thể có huyệt nịnh, huyệt nói xấu, huyệt “nổ” (người Huế gọi là phách tẩu, nghĩa là nói dóc) và nhiều huyệt linh tinh khác. Có những người bị chạm phải



huyệt khen, nghe ai nói gì cũng khen nức nở, làm người chung quanh nghe phát ngượng. Huyệt khen và huyệt nịnh chắc cũng nằm rất gần nhau. Nhưng như thế cũng vẫn còn tốt, vì ít nhất người được khen cũng không phàn nàn gì, mà có thể lại hãnh diện nếu họ không hiểu rõ chính bản thân họ lắm, nhất là gặp người thích nghe nịnh thì lại được lòng. Nhưng nếu gặp người bị chạm phải cái huyệt chê thì thật lòi thòi. Ai nói ra điều gì cũng chê, cứ như là ganh ghét mới là phiền. Thực trong lòng không phải như vậy, nhưng mở miệng là cứ chê người khác. Thấy người ta nghèo, ăn mặc không chung diện cũng chê; thấy người ta giàu có, ăn mặc chải chuốt cũng chê. Tóm lại cái gì của người khác không giống mình là chê tuốt.

Mới đây báo chí đăng tải chuyện một ông già làm những điều rất đáng hổ thẹn. Các bác sĩ khám nghiệm cho biết ông cụ bị chạm phải một dây thần kinh mà họ gọi là thần kinh "trần". Trần nghĩa là trâng tráo, không biết hổ thẹn. Chẳng phải là một huyệt đạo thì là gì?

Cái huyệt nói xấu lại còn tệ hại hơn. Không thích một người nào đó là đặt điều nói xấu người ta một cách vô tội vạ, chuyện này để ra chuyện kia vô căn cứ.

Có những người trong thâm tâm họ không phải như thế, nhưng lúc phát ngôn thì lại không kiểm soát được lời nói, nói không đúng với sự thật, vì họ cũng bị chạm huyệt, một loại huyệt đạo nào đó. Người khác nghe xong, lại cũng cùng một bệnh, câu chuyện bỗng trở thành tam sao thất bổn mới là chuyện phiền. Có thể gọi đó là bệnh, là tật hay là bất cứ chi chi, cũng đều gây ra những phiền muộn cho người khác. Nhưng khi được hỏi lại tại sao lại nói như thế thì người đó trả lời một cách rất ngạc nhiên: "Tôi đâu có nói gì?".

Trong ca khúc *Tự tình khúc*, Trịnh Công Sơn có câu: "Đôi khi một người dường như chờ đợi, thực ra đang ngồi thành thoir". Thấy một người có vẻ buồn bã, khoan nghĩ họ đang có tâm sự. Thấy một người đang cười, cũng chưa chắc là họ đang vui. Hiện tượng chưa hẳn đã chính xác. Vậy thì nghe một người kể cho mình một câu chuyện, cũng nên dè dặt để nghĩ rằng chưa hẳn sự thật đã hoàn toàn đúng như thế...

Nghe một người nói về một người khác, nhất là chê bai, nói xấu hoặc ngay cả quá khen, cũng cần cần nhắc suy nghĩ. Dùng cảm nhận của mình với đối tượng đang được nói đến để nhận xét có thể khỏi đánh giá sai câu chuyện.

Những huyệt nói trên, dù sao cũng là những huyệt đạo ít nhiều không phải là trầm trọng lắm. Cái huyệt có thể làm cho không những bản thân mình bị hại mà còn làm hại người khác. Đây là huyệt gian. Trên thế giới, không thiếu gì người đã từng bị cảnh sát bắt vì tội ăn cắp trong cửa hàng. Không phải là người nghèo khó mà trái lại là những người giàu có, nổi tiếng. Có khi là một ngài bộ trưởng, có khi là một minh tinh màn bạc, có khi là một người rất học thức. Thực ra bản chất những người này không phải là trộm cắp.

Nghĩ cho cùng, con người chỉ là một cỗ máy của ông Trời. Ông Trời quyền biến vạn hóa, đã cài không biết bao nhiêu là phần mềm huyệt đạo trên cơ thể con người, và dĩ nhiên là không có một thứ tình cảm nào của con người không do ông Trời cài vào. Người xưa nói: "Cha mẹ sinh con, trời sinh tính". Lại cũng thường nghe "Giàu nghèo có số". Cái số ấy chính là ông Trời đấy. Chỉ kẹt một điều là có huyệt đạo được cài vào con người tùy vào vị trí để có thể dễ hay khó bị chạm, có thể "delete" được hay không. Có huyệt nằm dưới da, có huyệt nằm sâu hơn, có huyệt được cài trên hệ thần kinh. Riêng huyệt gian thì lại được cài vào trong máu, thường gọi là máu gian. Gian như là một bản chất, khó mà làm cho biến mất được.

Tuy vậy, thường cũng có câu "Ngọc bất trác bất thành khí". Viên đá quý có đẹp là nhờ được gọt dũa. Con người nếu biết tu tập cũng có thể hủy diệt được phần nào những cái phần mềm tai hại mà ông Trời đã cài vào mình để khỏi vô tình làm hại đến người khác. Nói thế cũng có nghĩa là khi biết một người mang đầy những huyệt đạo lúc nào cũng có thể làm phiền mình, cũng không nên buồn nhiều, vì dù sao, đó cũng là cái nghiệp của mình một phần. Phần khác là lỗi của ông Trời. Chỉ nên trách là ông Trời oái oăm kia đã cài những phần mềm độc địa đó vào những người mà mình không bao giờ ngờ đến, nhất là những người đã từng là bạn bè của mình mới là đau đớn.

Có phần mềm mình tự hủy được, có thứ không dễ dàng gì. Lại có những huyệt đạo hầu như không thể nào giải được, như cái huyệt gian vừa nói trên, có thể gọi là huyệt nan y vậy. Ô hô, Ai tai!

Thôi thì đổ tất cả mọi chuyện vào ông Trời vậy. ■

*Này các Tỳ-kheo, xưa cũng như
nay, Ta chỉ nói lên một điều là Khổ
và sự Diệt khổ.*

Trung Bộ kinh, số 22,
Kinh Xà dụ



Chùa Bảo Quang

Phật giáo Việt Nam tại Lào

THÍCH THÁI HÒA

Đọc các tư liệu nghiên cứu lịch sử liên hệ đến Phật giáo Lào quốc như của Paul Lévy, của Henry Deydier và của Georges Condominas thì thấy Phật giáo mới có mặt tại Lào từ thế kỷ 12, nhưng theo George Coedes thì có thể người Lào đã biết đến Phật giáo từ thế kỷ thứ 8, đều do người thuộc bộ tộc Môn di cư xuống Tây Lào truyền cho người bản địa. Có những nghiên cứu khác cho biết trước đó cũng đã có các Tăng sĩ Phật giáo đến từ Sri Lanka (Tích Lan) để giảng giải Phật pháp qua kinh điển và các hình tượng của Đức Phật cho cư dân vùng này.

Vào thế kỷ 13, khi người Lào Thay chinh phục xong phần đất rộng lớn phía Bắc Lào, họ tiếp thu Phật giáo từ trường phái Theravada, tức là Thượng tọa bộ, rồi phát triển rộng khắp cả Trung Lào và Bắc Lào, nên vào thời điểm này Phật giáo Lào quan hệ rất mật thiết với Phật giáo Thượng tọa bộ của Sri Lanka. Nhưng, bấy giờ ở phía Nam Lào, cư dân Lào lại chịu ảnh hưởng Phật giáo Khmer. Tuy nhiên, cũng có những nghiên cứu cho

biết vào thời kỳ thuộc đế chế Angkor, từ thế kỷ 7 đến 13, Phật giáo Lào cũng đã chịu ảnh hưởng nền Phật giáo Angkor, và nhất là Phật giáo Mật tông.

Vào thế kỷ 14, vua Phà Ngừm (1316 – 1373) thống nhất toàn bộ lãnh thổ Lào và chọn Phật giáo Thượng tọa bộ từ Campuchia để phát triển nền tín ngưỡng tâm linh và văn hóa khắp đất nước Lào. Phà Ngừm đã từng sống lưu vong trên đất Campuchia, làm khách của vương triều Khmer tại Angkor, theo học với một tu sĩ thuộc phái Therevada là ngài Maha Pasanam, giành được sự ủng hộ của đế chế Angkor. Vào khoảng năm 1350, quốc vương Angkor cung cấp cho Phà Ngừm một đạo quân để trở về Lào giành lại quyền thừa kế mà cha của ông đã đánh mất. Năm 1353, Phà Ngừm lên ngôi tại Luang Phabang, bấy giờ gọi là Xiêng đơng, Xiêng thông. Ngay sau đó, ông mời một phái đoàn Therevada của Campuchia sang truyền bá Phật giáo Thượng tọa bộ. Phái đoàn này có mang theo nhiều kinh sách quý báu và cả tượng Phật vàng, Phật ngọc của vương triều Angkor tặng.

Hiện nay Phật giáo Thượng tọa bộ tại Lào chiếm đa số và chia thành hai tông phái là Đại Tông và Pháp Tông. Đại Tông được người Lào tiếp thu từ Thái Lan vào thế kỷ 14. Pháp Tông cũng từ Thái Lan truyền vào. Đây là tông phái Phật giáo được thành lập bởi vua Mongkut (Rama IV) của vương triều Chakri vào thế kỷ thứ 18 khi nhà vua này còn là thái tử của vương quốc Thái Lan. Phái này chủ trương cải cách và được hoàng gia cũng như các thành phần trí thức Lào ủng hộ.

Phật giáo Đại thừa hiện nay cũng có mặt tại Lào, nhưng không phải là đa số.

Cho đến nay, các nhà sư Lào vẫn giữ hạnh khắc thực mỗi ngày một lần vào buổi sáng. Vật phẩm mà Phật tử Lào đặt bát cúng dường các sư phần nhiều là xôi, bánh và hoa quả. Họ cúng dường các sư bằng tất cả niềm tin thuần cần đối với Tam bảo. Nhà sư nhận thực phẩm đặt bát và nói những lời chúc lành đến những Phật tử cúng dường.

Phật tử Lào thọ trì ba pháp quy y và năm cấm giới rất cẩn mật. Họ sống và đối xử với nhau rất chân thật và hiền lành. Thấy máu chảy họ rất sợ hãi; điều đó cho thấy rằng nghiệp sát sanh và tính cách bạo động cũng như gian dối rất hiếm xảy ra đối với dân Lào.

Ở Lào, nhà sư không chỉ đóng vai trò quan trọng trong lãnh vực tâm linh tôn giáo mà còn có những địa vị rất quan trọng ở lãnh vực chính trị, giáo dục, văn hóa và xã hội nữa.

Sau chuyến đi giảng pháp và nghiên cứu về Phật giáo tại ba nước Lào, Thái Lan và Campuchia trong hai tuần đầu năm 2011, tôi xin chia sẻ những gì đã thực tế nghiên cứu, không những chỉ qua tư liệu sách vở mà còn qua sự trực tiếp chứng kiến.

Đến nước Lào, trước hết tôi đến thăm chùa Trang Nghiêm ở thành phố Paksé thuộc tỉnh Champasak.

Chùa Trang Nghiêm ở xóm Tân An, Paksé, do đại sư Nhật Trung khai sơn. Ngài Nhật Trung, tự An Khang, vốn là người họ Đoàn, xuất gia tại chùa Bồ Đề ở đường Chi Lăng – Huế, sau đó tu học tại Tổ đình Quốc Ân Huế và đắc pháp với Hòa thượng Phương trượng thuộc phái Thiền Lâm Tế ở nơi Tổ đình này. Sau khi đắc pháp, ngài sang Lào hành hóa, đến Tân An, Paksé dựng một thảo am vào năm 1938; đến năm 1942, ngôi thảo am này được xây dựng quy mô thành một ngôi chùa lam và đặt tên là Trang Nghiêm tự. Năm 1972, đại sư Thiện Dung đứng ra trùng tu chùa; công việc trùng tu kéo dài đến năm 1973 mới hoàn tất.

Vào thập niên 90, Hòa thượng Thích Tánh Nhiếp đã có cơ duyên đến Lào, trú trì chùa Trang Nghiêm, hướng dẫn quần chúng tu học, sửa sang và tu chỉnh cơ sở tự viện, xây dựng khách đường, Tăng xá, cung thỉnh chư Tăng từ Việt Nam sang tổ chức trai đàn chẩn tế, cầu an và cầu siêu cho Phật tử tại Paksé và Phật tử tại chùa Trang Nghiêm, người còn kẻ mất đều được lợi lạc. Hòa thượng còn cung thỉnh chư Tăng Việt Nam sang chùa Trang Nghiêm để an cư, diễn giảng Phật pháp và hướng dẫn cho Phật tử Việt Nam tại Lào nói chung và Phật tử Việt Nam tại Paksé nói

riêng được tu học theo tinh thần Phật giáo Việt Nam.

Chùa Kim Sơn ở xóm sân bay Bankhuataphan, thuộc Paksé Champasak. Chùa cấu trúc theo dáng dấp của chùa Thái Lan, Lào và Campuchia, có rất nhiều tháp ở phía trước. Chùa có tượng đài Quán Thế Âm, có thờ thổ địa và có xây dựng cổng tam quan theo kiến trúc Việt Nam. Vị tổ khai sáng chùa là ngài Thích Minh Lý (1915-1995). Ngài Thích Minh Lý tên là Nguyễn Phước Ly, là hoàng tử con vua Thành Thái (1879-1888). Lúc ngài mới sinh, thì vua cha là Thành Thái đã bị Pháp bắt đem đi đày.

Năm 15 tuổi hoàng tử Ly theo mẹ đi lánh nạn vào Nam ở Sài Gòn, Châu Đốc, rồi sang Campuchia. Ngài xuất gia ở Campuchia với pháp tự là Thích Minh Lý. Sau đó ngài đi khắp các nước Campuchia, Thái Lan, Lào để học đạo và truyền đạo, xây chùa, đắp tượng, khuyến hóa dân chúng phát khởi niềm tin Tam bảo. Ngài đã xây dựng chùa Châu Giác ở cây số hai Hạ Lào vào năm 1952 và xây dựng chùa Hùng Sơn ở Paksong cũng vào năm 1952. Năm 1962, ngài về Sài Gòn. Đến năm 1963, ngài tham gia đấu cuộc tranh đòi bình đẳng tôn giáo của Phật giáo Việt Nam, yêu cầu chính quyền Tổng thống Ngô Đình Diệm đáp ứng năm nguyện vọng của Phật giáo đồ. Sau khi cuộc đấu tranh thắng lợi, vào 1964 ngài trở lại Lào rồi đến năm 1966 ngài xây dựng chùa Kim Sơn và mất năm 1995, thọ 81 tuổi. Vị trú trì hiện nay là sư Thích Minh Quới.

Chùa Long Vân ở xóm Nhà đèn, Paksé thờ phụng theo hình thức của Phật giáo Bắc tông của Việt Nam, chùa chỉ có một tháp của vị khai sơn, người Việt. Chùa xây dựng cách đây khoảng 70 năm, trên đất của cụ Nan Kíp người Lào phát tâm cúng dường.

Về việc xây dựng chùa Long Vân, có vương vấn đến chút huyền thoại. Chuyện kể rằng cách đây 70 năm, có một người Pháp tạc một hình tượng của Đức Bồ Tát Sư ngồi thiền trên hình rắn Naga. Khi về nước người Pháp này bỏ quên tượng Phật ở một ngôi nhà trong vùng. Ông Trần Quế, quê ở làng Vĩnh Xương, Thừa Thiên, là người giúp việc cho gia đình này, phát hiện pho tượng và ôm tượng Phật đi lang thang khắp nơi, thường ngồi dưới gốc cây bồ-đề. Một hôm, có người trông thấy ở chỗ ông Trần Quế ngồi có phát ra một luồng ánh sáng rất vi diệu. Dân chúng trong vùng cho vùng đất phát ra ánh sáng ấy là đất thiêng, nên cùng nhau xây dựng chùa để thờ Phật. Bà con Phật tử lui tới tu học càng ngày càng đông, chùa đã được Hòa thượng Trung Quán và Hòa thượng Nhật Liên bấy giờ yểm trợ xây dựng nên rất khang trang. Hiện nay phía sau chùa bị sạt lở nặng do nước chảy xiết từ con sông Sê Đôn đổ ra sông Mekong.

Chùa Thanh Quang ở bản Đo-xăm-xi, do một gia đình Việt kiều tu tập tại gia lập nên, nay họ thỉnh một sư cô người Việt trú trì.

Ở Savannakhet, cũng có hai chùa Việt Nam ở đó là chùa Bảo Quang và chùa Diệu Giác. Tôi chưa có dịp để đi đến hai chùa này, nên chưa có tư liệu cụ thể để nghiên cứu về thời gian có mặt của hai ngôi chùa này, nếu có cơ



Chùa Trang Nghiêm

duyên tôi sẽ bổ sung để chia sẻ đến các độc giả.

Qua tiếp xúc, tôi nhận thấy phần nhiều con em của Việt kiều ở Lào không biết nói và đọc tiếng Việt. Khi một người ở tha hương quên đi tiếng mẹ đẻ sẽ không còn khả năng hay ít cơ hội trở về lại quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn của mình để thăm viếng và tiếp xúc với những gì tốt đẹp ở nơi tiền nhân của họ.

Người Việt ở Lào có khuynh hướng muốn biến mình trở thành người Lào, nhưng nói tiếng Lào không bằng người Lào, hiểu Lào cho cận kề cũng không bằng họ được.

Tại Paksé thuộc tỉnh Chămpasăk có bốn ngôi chùa Việt Nam. Phật tử Việt tại Lào cũng không đoàn kết với nhau cho lắm. Họ không đoàn kết vì khuynh hướng tin Phật và đi chùa có nhiều điểm khác nhau.

Tại Lào tôi không hề thấy mổ mả, nghĩa địa đâu hết. Với người chết, họ đem thiêu rồi đưa vào chùa thờ. Tổ tiên của họ do vậy đều được thờ tại chùa cả. Cho nên, hễ chùa tan thì làng nát. Mọi chuyện của họ đều nương vào Tam bảo. Phước đức tổ tiên của họ là nhờ nơi Tam bảo. Nhà sư của Lào phần nhiều là tu kết duyên, dù tu ba tháng, ba năm hay mười năm, nhưng đều rõ ràng hơn một số nhà sư Việt Nam. Một số sư Việt Nam không rõ ràng trong sự tu tập. Một số mượn hình thức tu sĩ, nhưng nội dung thì không phải. Ở Lào các vị tu sĩ hành trì rất nghiêm túc trong thời gian tu tập. Ở Lào, một người muốn đảm nhận một chức vụ nào của hệ thống chính quyền hay thực thi một nhiệm vụ của xã hội, kể cả muốn làm vua, cũng đều trước hết phải có một thời gian đi tu, vì nếu không biết tu tập, thì xã hội không tin tưởng vào đạo đức của vị ấy để giao phó hay ủy cử trách nhiệm.

Tôi cũng đi thăm một số chùa Lào như chùa Mương, trụ sở tỉnh hội Phật giáo Lào ở Chămpasăk để tiếp xúc với cách cấu trúc, thờ phụng, sinh hoạt và tu tập của họ. Ở Paksé và nhất là vùng hạ Lào, có nhiều sư Lào rất giỏi về bùa phép. Qua bùa phép một số nhà sư Lào đã

giúp đỡ cho dân Lào rất nhiều về mặt an ổn tâm linh và bệnh tật. Mật tông chú thuật của một số nhà sư Lào hiện nay có thể do ảnh hưởng và truyền thừa từ nền Phật giáo Angkor ở thế kỷ 8.

Rời Paksé, tôi đến thăm Vientiane, thủ đô của Lào, thăm Tháp Luang, đây là những cấu trúc tiêu biểu cho nền văn hóa dân tộc Lào. Tháp Luang ở giữa thờ xá lợi của Phật và chung quanh là thờ các vua Lào qua các triều đại. Đây là một trung tâm Phật giáo có khả năng chứa tới 100.000 nhà sư cho các lễ hội Phật giáo. Chùa Thiên Mục, Quốc Ân, Từ Hiếu ở Huế, không thể nào sánh kịp về mặt cơ sở, lịch sử. Chùa Từ Đàm ở Huế, chùa Vinh Nghiêm Sài Gòn, và chùa Quán Sứ Hà Nội, lại càng không thể sánh nổi về mặt không gian, cơ sở vật chất cũng như những bảo vật lịch sử.

Đến Vientiane tôi thấy đây là thủ đô thanh lịch và bản chất người dân Lào rất hiền lành. Ngoài đường xe lớn thường nhường xe nhỏ. Đặc biệt không có tiếng còi. Tôi đứng từ tầng trên của chùa Phật Tích, nhìn thủ đô Vientiane rất đẹp, một thành phố thật bình yên so với Sài Gòn, Hà Nội và ngay cả Bangkok.

Chùa Phật Tích là ngôi chùa Việt khá lớn tại thủ đô Vientiane. Chùa được xây dựng khoảng thập niên 1960, và đã được Tăng Ni Phật tử Việt kiều tu học trùng tu vào tháng 4 năm 2008, với diện tích 1.300 mét vuông, chùa cao bảy tầng, kinh phí 450.000 USD và đã khánh thành vào ngày 19/11/2010. Hiện nay do Đại đức Thích Minh Quang trú trì.

Tôi cũng đã đến thăm ngôi chùa Bàn Long của Hòa thượng Nhật Liên. Chùa hiện nay do quý Sư cô đảm trách và hướng dẫn cho Phật tử Việt kiều tu học. Bấy giờ Hòa thượng Nhật Liên là Đạo thống của Phật giáo Việt Nam tại Lào. Tòa đạo thống của ngài hiện nay vẫn còn được bảo quản tại chùa như là một di sản lịch sử. Tôi cũng đã đến thăm ngôi chùa của Hòa thượng Trung Quán và chùa vua Sư ở Vientiane.

Tôi cũng đã đến thăm ngôi chùa Mẹ Xi Mương, chùa thờ tượng Phật Ngọc, đây là một trong những ngôi chùa thiêng của Lào tại thủ đô Vientiane. Tại đây tôi đánh lễ Phật và xin về một viên đá đẹp. Dân Lào theo truyền thống Phật giáo Theravada, nhưng cũng rất chú tâm đến sự cầu nguyện. Người trẻ cũng đi chùa cầu nguyện hướng nũa là người già.

Khi thăm các ngôi chùa Việt tại Lào, tôi nói với các thầy Việt Nam đang hành đạo trên đất nước Lào là làm sao quý thầy tập trung người Việt để dạy tiếng Việt cho họ. Phải xem chùa như một trung tâm tín ngưỡng văn hóa Việt trên đất Lào, nếu không sẽ rất uổng cho sự có mặt của mình tại đây. Điều quan trọng là phải phát triển nền tâm linh và văn hóa của người Việt trên đất nước bạn để đóng góp cái đẹp của đất nước mình cho nhân dân đất nước bạn.

Điều nổi bật mà tôi nhận thấy ở đất Lào là người dân Lào rất hiền lành, chân chất. Họ có hai đặc điểm khiến cho chúng ta kính nể là không có nạn trộm cắp và không có bệnh nhân tâm thần. ■

Về nguồn

TRẦN QUANG THUẬN

Ngày Về Nguồn được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2007 tại chùa Pháp Vân, Canada đã khiến nhiều người bàn tán xôn xao. Họ xôn xao có lẽ một phần bởi ngỡ trước danh từ Về Nguồn, vì một số không được cái may mắn có nguồn để về. Họ không cảm thấy rung động khi nghe câu ca dao:

*Cây có gốc mới xanh cành tươi ngọn
Nước có nguồn mới biển cả sông sâu*

Họ ngỡ vì không được nô nức hội họp đón mừng ngày tưởng niệm Quốc tổ khai sinh dòng giống Việt:

*Dù ai xuôi ngược gần xa,
Nhớ ngày giỗ Tổ tháng Ba thì về*

Họ ngỡ vì đâu được cái may mắn quy tụ trong một ngôi chùa mang danh Pháp Vân, cùng tên với ngôi chùa lịch sử tọa lạc tại xã Hạnh Phúc, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh được xây cất vào thời Sĩ Nhiếp, thế kỷ thứ hai sau Tây lịch tại Trung tâm Phật giáo Luy Lâu, nơi về sau, vào năm 580 Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinītaruci) đã đến đây hoàng đạo thiết lập dòng Thiền mang tên ngài.

Ngày Về Nguồn, ngày Hiệp Kỳ, là ngày chư Tăng Ni Việt Nam tại hải ngoại có dịp trải lòng tri niệm, báo ân chư Phật

chư Tổ, thắt chặt tình pháp lữ, trao đổi kinh nghiệm hoàng đạo tại nước ngoài, theo lời Hòa thượng Thích Như Điển, Viện chủ chùa Viên Giác nói trong lời chào mừng chư Tăng Ni Phật tử về dự lễ tại chùa ở Đức Quốc vào năm 2010. Trong Đạo từ, Hòa thượng Thích Thắng Hoan đại diện Tăng đoàn, đại ý nói, *Vừa rồi, được Tăng sai, tôi đã tuyên đọc Bảy Pháp Bất Thối mở đầu cho các sinh hoạt Tăng đoàn... Trong bảy pháp ấy, tôi đặc biệt lưu tâm ba pháp liên quan trực tiếp đến sinh hoạt của Tăng Ni Việt Nam hải ngoại. Pháp thứ nhất, 'Các Tỷ-kheo phải thường xuyên tụ họp để luận bàn Chánh pháp, thúc liễm thân tâm.' Pháp thứ hai, 'Các Tỷ-kheo phải tụ họp trong tinh thần hòa hợp, giải tán trong tinh thần hòa hợp, và chấp hành Tăng sự trong tinh thần hòa hợp.' Pháp thứ ba, 'Các Tỷ-kheo an trú trong Chánh niệm tạo thành một cộng đồng sinh động làm mẫu mực cho hàng tứ chúng noi theo.'*

Thường xuyên hội họp. Hội họp trong tinh thần hòa hợp để luận bàn Chánh pháp, ôn lại lời Phật dạy, lời Tổ dạy. Đức Phật sau khi thành đạo, bài giảng đầu tiên là *Kinh Chuyển Pháp Luân*. Chuyển Bánh Xe Pháp, khai triển đạo lý Trung đạo. *'Này các Sa-môn, có hai thái cực mà người tu đạo nên tránh: một là lao mình vào khoái lạc nhục thể, hai là hành hạ thân xác cho hao mòn. Hai con*

đường ấy đều đi đến sự phá sản của thân tâm'. Trong lịch sử tư tưởng Ấn Độ, thuyết Trung đạo đã mang lại một sắc thái thực tiễn, sống động, một giải pháp thỏa đáng cho mọi hoang mang, bất ổn thời bấy giờ.

Aristote khi cất nghĩa thế nào là đạo đức hay đức hạnh, trong cuốn *Nicomachean Ethics*, đã nói, đạo đức hay đức hạnh là sự chiết trung giữa hai cực đoan. Lý do ông đưa ra là sự tuyệt hảo của con người có thể bị tổn hại vì quá đà hay không đủ. Ông nói con người ta khó trở thành người tốt vì không biết đứng ở chỗ nào. Rất khó có thể tìm trung tâm điểm của vòng tròn. Với nhiều hạng người, sự trung dung cũng khác biệt. Thí dụ như ăn uống. Người lực sĩ cần phải ăn nhiều, nhưng với người sống chừng mực thì ăn uống cũng phải kiêng dè. Vì vậy, sống một đời sống đức hạnh là cả một nghệ thuật đòi hỏi kinh nghiệm và khả năng phán đoán. Aristote đưa ra nhiều thí dụ về đức hạnh. Chẳng hạn như lòng can đảm. Nó nằm giữa hèn nhát và liều mạng. Khoan hồng nằm giữa keo kiệt và phung phí. Tư cách nằm giữa hạ mình và khoe khoang. Nhạy bén nằm giữa ù lì và lẻo mép...

Trong ngày Về Nguồn, chư Tăng Ni có dịp cùng nhau, trong hòa hợp, ôn lại lời dạy của Phật khi lần đầu tiên gửi sáu mươi đệ tử đi khắp nơi rải truyền đạo pháp, với lời căn dặn, *'Các người là những người đã giải thoát, hãy ra đi truyền dạy giáo pháp cao siêu, đem lại sự tốt đẹp và hạnh phúc cho chư thiên và nhân loại. Mỗi người hãy đi một ngã, hoằng dương Chánh pháp, toàn hảo ở đoạn đầu, đoạn giữa, và đoạn cuối, toàn hảo trong tinh thần cũng như trong văn tự, công bố đạo lý và đời sống thiêng liêng, phạm hạnh...'* Mỗi người một ngã, toàn hảo trong tinh thần, trong văn tự, tùy duyên, tùy nghi, tùy trình độ mà hóa độ. Đó là lời nhắn nhủ của Phật. Làm tròn trách nhiệm của mình trong việc công bố đạo lý và đời sống thiêng liêng, phạm hạnh (Dhammacariya). Làm tròn trách nhiệm của một Như Lai Sứ Giả, của kẻ xuất trần thượng sĩ, theo lời Hòa thượng Minh Tâm từ *Qui Sơn Cảnh Sách*, *'Phù, xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiêu long Thánh chủng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam đồ...'* (Người xuất gia, khi cất bước lên đường là hướng về một phương trời siêu tuyệt, với tâm nguyện và hình dung thoát tục, nhằm phát huy và làm rạng rỡ hạt giống của dòng Thánh, nhiếp hóa và hàng phục ma quân để trên có thể đến đáp bốn ân nặng, dưới có thể cứu độ ba đường khổ...).

Nhiệm vụ thật nặng nề và cao cả, đôi khi rất khó chu toàn, nhất là khi phải ở vào hoàn cảnh khó xử, đòi hỏi nghị lực, trí tuệ, kỷ luật. Điều này làm tôi liên tưởng đến câu chuyện trong *Bhagavad Gita*, một phần của *Mahabharata* (Đại tự sử thi) thiên hùng ca về việc tạo dựng Ấn Độ. Câu chuyện nói về việc giành quyền cai trị xứ Kurukshetra ở Bắc Ấn của hai vị vương tử là anh em chú bác cùng là dòng dõi của vị đại vương thần thoại Bharata đã sáng lập nên nước Ấn Độ. Ban đầu cuộc tranh giành đã được giải quyết bằng cách bắt thăm cai trị luân phiên, dòng thắng sẽ cai trị trước trong 13 năm rồi sẽ nhường cho dòng thua và cứ

thế tiếp tục. Dòng bác ươn hèn hơn nhưng đã thắng và được quyền cai trị, dòng chú văn võ song toàn nhưng thua phải vào rừng sống suốt 13 năm. Đến hạn, dòng chú trở về nhưng dòng bác đã quen với quyền lực không muốn nhường ngôi, chiến tranh vì thế nổ ra và được diễn tả trong *Bhagavad Gita*. Ý nghĩa của cuộc chiến ở đây là vấn đề danh dự và bổn phận. Danh dự vì lời cam kết. Bổn phận đối với gia đình, với đức tin, với vận mệnh con người trong trật tự xã hội, rất quan trọng trong bối cảnh văn hóa Ấn Độ.

Câu chuyện trong *Đại tự sử thi* cho thấy cảnh hai đoàn quân sắp sửa lao vào trận chiến sinh tử, có sự giằng co giữa tinh thần trách nhiệm và bổn phận thiêng liêng, giữa trật tự và hỗn loạn, giữa tham vọng cá nhân và vị trí con người trong vũ trụ. Một sự dằn vặt, lựa chọn hết sức khó khăn, một con đường khó có ngã thoát. Chọn thế nào cho đúng, cho phải, để sau này khỏi phải ân hận. Tiếng tù và nổi lên, tiếng binh khí chạm nhau kêu leng xeng. Tâm trạng vị tướng chỉ huy của dòng chú rối như tơ vò, chàng nói với người phụ tá đứng bên cạnh, *'Ta thấy bà con họ hàng của ta tụ tập trước mặt ta trong tư thế sẵn sàng chiến đấu làm... cổ họng ta khô, toàn thân run rẩy, lông tóc dựng đứng... Ta làm sao có thể giết người bà con thân thuộc như thế này?'*

Ở đây *Bhagavad Gita* cho thấy sự giằng co giữa bổn phận gia đình và bổn phận giai cấp. Viên chỉ huy thuộc giai cấp võ sĩ, bổn phận của chàng là chiến đấu. Nhưng chàng cũng có bổn phận đối với những người bà con thân thuộc. Những bổn phận khác nhau xung đột nhau, tạo thành nghịch cảnh, tạo thành khủng hoảng, tạo nên những lựa chọn khó khăn trong đời sống hàng ngày và trong vai trò xử thế.

Nhưng sống trong trần thế không làm sao tránh được xung đột. Dầu các bậc xuất trần, còn sống trong thế gian này, cũng gặp bao nhiêu ngang trái, không biết từ đâu đến, mà phải hứng chịu. Triết gia hiện sinh Đức Martin Heidegger, cũng như văn hào hiện sinh Pháp Albert Camus đã khám phá cho rằng chúng ta đều là những con người tội lỗi. Tội lỗi ở đây không phải là tội tổ tông do Adam và Eve gây ra mà tội ở chỗ không sống đúng theo sự mong ước của kẻ khác hay sự mong ước của chính mình. Tình trạng này được diễn tả trong bản kịch *No Exit* nguyên bản tiếng Pháp là *Huis Clos* (Không lối thoát) của Jean Paul Sartre, một triết gia hiện sinh Pháp. Bản kịch diễn tả ba nhân vật có tính khí khác nhau nhưng đều có mặt tại địa ngục sau khi chết. Garcin là nhân vật nam tự cho mình là anh hùng nhưng có thói hung bạo đối với phụ nữ, nhất là đối với vợ; tham gia kháng chiến chống độc tài ở một quốc gia vùng Nam Mỹ, bị an ninh chế độ bắt và đưa ra xử tử; trước khi lên đoạn đầu đài, anh ta khóc như một đứa con nít. Estelle là người phụ nữ thượng lưu lấy chồng giàu vì tiền nhưng lại có tình nhân; dim chết con khiến chồng tự tử; đọa địa ngục vẫn chưng diện và khao khát đàn ông. Inez thuộc giai cấp hạ lưu mắc chứng đồng tính luyến ái, không có mặc cảm về thân phận và sở thích của mình, giết người tình rồi tự tử. Jean Paul Sartre cho ba người này gặp nhau dưới địa ngục,

một nơi không có cửa sổ và gương soi mà chỉ có một cửa ra vào. Cả ba bị nhốt trong đó để thăm dò tội ác, tính khí, sở thích, và những ký ức đau buồn của người khác dẫn đến cái cọ và chống đối lẫn nhau; và đó chính là sự hành hạ đối với họ. Trong một màn cửa vỡ kịch, Estelle khám phá là ở dưới địa ngục không có gương soi khiến Inez nói với cô, *'Thôi, để tôi làm gương cho cô soi.'* Câu nói này rất đặc biệt: Nhìn hình bóng mình trong gương, qua hình bóng người khác, hay qua người khác nhìn mình; những hình ảnh này có giống nhau không? Ý nghĩa của câu chuyện là tấm gương soi có thể không trung thực, Inez có thể không trung thực đối với Estelle. Chúng ta thường ở vào nhiều hoàn cảnh không trung thực. *Không lối thoát* cho ta cảnh tượng khá hiện thực về sự liên hệ giữa người và người mà chúng ta là nạn nhân bị kẹt vào giữa.

Ngày Về Nguồn cho quý vị Tăng Ni có cơ hội ôn lại những kỷ niệm quý giá, thân thương. Hòa thượng Thích Thái Hòa nói đến cái tình cảm bình thường của cố Hòa thượng Thích Trí Thủ, vị Thầy thân thương của bao nhiêu thế hệ học Tăng tại các Phật học viện Báo Quốc – Huế, Phổ Đà – Đà Nẵng, Hải Đức – Nha Trang, Quảng Hương Già Lam – Sài Gòn, có nhắc lại năm 1977 tại Phật học viện Báo Quốc, cố Hòa thượng Trí Thủ dạy, *'Ta đi đến đâu, mọi người đem cái tâm bình dị mà đối xử với ta, ta biết rằng ta có thể sống lâu với người ấy và người ấy có thể sống lâu với ta. Người ấy với ta có thể trở thành thân hữu lâu đời. Ta có thể lưu trú lâu đời ở nơi trú xứ của người ấy để làm Phật sự... Cái gì phức tạp, cầu kỳ, mất bình thường, cái ấy không thể tồn tại lâu đời được.'*

Được ôn lại những kỷ niệm về "Ôn", về cố Hòa thượng Thích Trí Thủ, là để sống lại những tháng ngày quý giá nhất đời người, làm tư lương cho cuộc hành trình từ kiếp này qua kiếp khác. Mỗi lần nhắc tới Ôn tôi đều xúc động đến ứa nước mắt. Tôi nhớ rõ ràng cái tâm bình thường ấy của Ôn. Vào những năm cuối thập niên 1940, đầu thập niên 1950, mỗi buổi sáng vào giờ chấp tác, chúng tôi (các học Tăng Viên Giác, Thiên Ân, Chơn Trí, Trí Không) có trách nhiệm quét rác, đẩy cỏ trước sân, chung quanh chánh điện và phòng học Báo Quốc. Thấy anh em làm việc, Ôn cũng đến tiếp tay, trò chuyện. Vào cuối thập niên 1960, để tránh tai mắt mật vụ, tôi về Già Lam lánh nạn. Hàng đêm vào lúc 9 giờ Ôn thường đến phòng tôi chơi cờ tướng đến khuya. Không phải vì Ôn mê cờ tướng mà vì Ôn cứu mạng, không muốn tôi bị cảm thấy lẻ loi xa nhà. Không những vậy, đôi khi gia đình bên cạnh mời tôi qua đánh tứ sắc, Ôn cũng sang đánh. Không phải Ôn mê tứ sắc, mà Ôn muốn cho tôi được những giây phút thoải mái mà không có mặc cảm tội lỗi, ở chùa mà đánh bài đánh bạc. Cái tâm bình thường, cái lòng cứu mạng ấy thật

không có thể nào diễn tả cho trọn vẹn được. Ước gì bây giờ được gần Ôn! Ngày Về Nguồn là ngày ôn lại những kỷ niệm thân thương vô giá này, giúp chúng ta không thấy cô đơn trong lộ trình tâm linh dài đằng đẵng.

Hòa thượng Thích Thái Hòa trong bài *Vị Thầy của nhiều thế hệ* còn nhắc đến lời dạy của Ôn, *'Tất cả muôn vật từ hữu tình đến vô tình đều có sự sống, nên khi ta ngắt một ngọn lá, chặt một cành cây, để sử dụng một công việc Phật sự nào đó là ta đều phải khẩn nguyện và chú nguyện cho nó với tất cả tâm từ bi của ta, trước khi ta hành sự...'* Lời dạy của Ôn phảng phất quan điểm của Leon Tolstoy, của Mahatma Gandhi, của Lama Deer.

John Lama Deer thuộc bộ tộc Lakota Sioux, là một trong những nhà lãnh đạo dân da đỏ tại Mỹ. Theo Lama Deer, đời sống muốn có ý nghĩa phải bao gồm được cả hai mặt xã hội và thiên nhiên. Con người sống trên trái đất phải



xem những sinh vật, động vật cũng như thực vật, là bạn bè, phải có trách nhiệm đối với chúng, phải bảo vệ chúng, bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường. Bộ tộc Lakota rất quan tâm đến biểu tượng, thấy thế giới là hiện thực của biểu tượng, mà biểu tượng là trung tâm điểm của ý nghĩa cuộc đời; hiểu được thế giới qua biểu tượng giúp con người biến đổi cảnh sắc tầm thường thành cảnh giới thiêng liêng, kỳ bí, đầy ý nghĩa. Biểu tượng của người Mỹ Da Đỏ là hình tròn, là hình của vũ trụ thiên nhiên, của mặt trăng, mặt trời, tinh tú. Những hình tròn chồng chất lên nhau cho thấy biểu

tượng và hiện thực cùng hiện diện, nói lên sự hòa nhịp giữa thiên nhiên và cuộc sống, không cách biệt. Đời sống có ý nghĩa khi dung hợp được với thiên nhiên, được biểu hiện bằng hình tròn. Với người Lakota Sioux, cuộc sống không dừng lại ở thế giới xã hội theo Aristote hay Khổng Tử mà còn là thế giới thiên nhiên huyền ảo của Lão Tử, thế giới bao la của *Bhagavad Gita*, thế giới trùng trùng duyên khởi của Phật giáo, ở đó, con người được xem như một trong những sinh vật gồm súc vật, cỏ cây và cả cộng đồng nhân loại. Lama Deer nói, *'... biểu tượng của chúng tôi là vòng tròn. Thiên nhiên muốn hình tròn. Thân hình của con người, của súc vật không có góc cạnh... vòng tròn tượng trưng cho sự đoàn tụ... không có góc cạnh, không có phân cách, phân ly... vô thi vô chung, trôi chảy điều hòa.'* Trong khi biểu tượng của người da trắng là hình vuông, nhà cửa, công thự hình vuông, ngăn cách phòng này với phòng khác, người này với người kia... Đời sống của họ đầy góc cạnh, đầy ngăn cách; họ sống trong những nhà tù mà họ cho là tổ ấm, là văn phòng, là hãng xưởng; họ quên đi mùi thiên nhiên cha sinh mẹ đẻ; họ chán ngấy thân hình cha sinh mẹ đẻ nên sửa chỗ này đổi chỗ kia, biến con người thành nhân tạo; họ trở nên quá sợ hãi cái thế giới mà họ tạo dựng...

Phải chăng vì vậy, khi nghe Về Nguồn thì có người ngỡ ngàng, bàn luận xôn xao, suy nghĩ đủ điều? Họ sợ thiên nhiên, họ sợ ngọn nguồn. Dầu sao đi nữa, con người đã bị quẳng vào thế giới ta-bà đầy nghiệt ngã vẫn có khả năng để đối xử với nhau như thế nào thỏa đáng hơn. Albert Camus, một văn sĩ, triết gia người Pháp sinh tại Algérie, tác giả nhiều tác phẩm nói đến sự hiện hữu của con người trên trái đất như một sự phi lý của kiếp người. Một trong những chủ đề triết học của Camus là chủ đề phản nghịch; ở đây, phản nghịch là từ chối không chấp nhận sự phi lý của kiếp người; đối với cuộc chiến Algérie là từ chối sự hung bạo của chiến tranh; đối với Đế Nhị Thế Chiến là không chấp nhận chính sách tàn bạo của chủ nghĩa; trong *Le Mythe de Sisyphe* (Thần thoại Sisyphe) là chống lại thiên thần đã đọa đày anh ta sống cuộc đời phi lý.

Khái niệm cuộc đời phi lý được thể hiện rõ nhất trong cuốn *La Peste* (Bệnh dịch hạch) mà Camus sáng tác trong thời chiến tranh nói lên hình ảnh xã hội phi lý, so với sự cô lập xa lạ của những người như Meursault trong *L'Étranger* (Người xa lạ) cũng của Camus, ngược với nhân vật thần thoại như Sisyphe. Cảnh tượng quân Đức chiếm đóng không khác gì bệnh dịch đang lan tràn khắp đô thị. Cũng vậy, không khí miền Nam California ngột thở, giụa đổ bìm leo, lúc ngày Về Nguồn được tổ chức tại chùa Pháp Vân ở Canada. Quân phát xít Đức đối với người Pháp không khác bệnh dịch hạch, mặc dù bối cảnh câu chuyện không phải tại Pháp mà tại Algérie. Bệnh dịch hoàn toàn không có nhân tính. Nó không có sắc diện, không thể chữa trị, không thể đề phòng. Người ta không biết tại sao bị mắc bệnh, không biết phải tránh né như thế nào, không biết giải thích ra làm sao. Vấn đề là ta phải đối xử với nó như thế nào. Camus đối xử với nó ra làm sao?

Có nhiều phương cách: Có thể chống lại nó, nhưng chống lại là điều vô vọng. Có thể ngăn ngừa, nhưng không biết ngăn ngừa thế nào cho có hiệu quả. Có thể chạy trốn, nhưng không biết chạy đi đâu. Có thể lợi dụng nó viết sách viết báo hay làm giàu. Có thể tự an ủi xem đó là sự trừng phạt của ông Trời. Có thể âm thầm chịu đựng như nhân vật thần thoại Sisyphe. Camus đưa ra nhiều phương cách, mỗi phương cách có người tiêu biểu; nhưng chẳng phương cách nào có giá trị trước cơn dịch tự đến tự lui và không biết lúc nào trở lại.

Sống cuộc đời trên thế gian này không phải giản dị. Làm sao đây? Nhà văn hào Nga Leon Tolstoy trong *The Death of Ivan Illych* (Cái chết của Ivan Illych) đã dẫn vật, trần trở, gói ghém sự quan ngại của mình về thời đại hiện tại với đời sống con người, nhất là đời sống tâm linh. Tolstoy muốn chúng ta chú ý đến đời sống của Ivan, vì đó là đời sống chúng ta cùng trải qua và cái chết của ông ta cũng giống như cái chết của chúng ta phải hứng chịu. Câu chuyện mở đầu bằng khung cảnh Ivan Illych lâm bệnh, bạn bè thân thuộc bàn tán về bệnh tình của ông ta và trường hợp ông ta qua đời. Ở đây, Ivan Illych lâm bệnh rồi qua đời mà chẳng ai nghĩ đến ông ta, họ chỉ nghĩ đến chính họ. Vì Ivan là quan

tòa, người đến thăm bàn tán xem ai thay ông, cơ cấu nhân sự sẽ thế nào, làm sao sắp xếp thì giờ đến viếng tang, đi đưa tang... và lắng nghe bà Ivan than vãn phải chịu đựng thế nào tiếng rên siết những ngày cuối đời của Ivan. Cái chết trở thành trừu tượng, hậu quả của sự thế tục hóa trong xã hội văn minh hiện đại. Tolstoy diễn tả nỗi cô đơn của Ivan trong cảm nghĩ, trong việc chịu đựng cơn bệnh và trong cái chết. Ông viết, *Vấn đề đi cầu được đặc biệt chăm sóc và điều này là một cực hình đối với Ivan Illych. Cực hình vì không sạch sẽ, cực hình vì quá ư bất tiện, vì mùi hôi thối và phải có người lo dọn dẹp, lau chùi thân hình.* Đây là điều Tolstoy muốn nhấn mạnh về đặc tính của cái chết. Khi còn sống, ta cùng sống chung với mọi người trong gia đình, với bạn bè, thân thuộc. Khi chết, ta ra đi một mình. Đặc biệt, trong đời sống thế tục hóa, văn minh hóa, mọi người dần dần xa cách ta khi ta đi vào cửa tử. Họ bớt thăm viếng. Thời gian thăm viếng ngắn dần. Ivan bỗng chốc cảm thấy cuộc đời vô nghĩa, tầm thường, *Như vậy nghĩa là thế nào? Tại sao? Cuộc sống vô lý và khủng khiếp như vậy?* Tolstoy tiếp tục, *Đêm hôm ấy, ông ta đột nhiên tự hỏi, phải chăng ta đã sai lầm?... không có phương cách gì cứu chữa? Rồi sẽ ra sao?'*

Thử tưởng tượng nằm trên giường bệnh hấp hối, sắp sửa từ giã cõi đời, nghĩ lại những tháng năm đã trôi qua, bao nhiêu biến cố, gia đình, vợ con, công danh, tài sản. Vô lý tất cả chỉ là phù du? Vô lý mọi cố gắng đều là sai lầm? Rồi sẽ ra sao? Tolstoy khuyên ta trở lại căn nguyên của sự sống, tìm hiểu vị trí cụ thể của chúng ta trong cuộc đời, mới có thể khám phá ý nghĩa sống chết. Công tước Leon Tolstoy, nhà đại văn hào Nga, nhà cải cách xã hội, tôn giáo có ảnh hưởng rất lớn đối với Mahatma Gandhi của Ấn Độ và Martin Luther King của Hoa Kỳ, vào những năm cuối đời đã sống lang thang không nhà không cửa theo hạnh nguyện của Phật Thích Ca.

Ivan Illych giữa đông người mà vẫn cảm thấy cô đơn. Cái cô đơn khủng khiếp lúc sắp sửa lìa đời. Dầu oanh oanh liệt liệt cho mấy, khi ra đi thì phải lủi thủi đi một mình. Có cái gì để nhớ, để thương? Cái cô đơn cùng cực mà Đức Lục Tổ Huệ Năng đã trải qua trước khi ngài trở về với bản lai diện mục, trước khi ngài Về Nguồn:

*Bồ-đề vốn không cội
Gương sáng cũng không đài
Xưa nay không có vật
Chỗ nào dính trần ai?*

Về Nguồn là về với chân tâm thanh tịnh, về với căn nguyên của kiếp người, về với nguồn sống. Tôi chợt nhớ đến những câu thơ không biết tôi đọc được ở đâu của Tô Thùy Yên, người tôi không được may mắn quen biết, nhưng những dòng thơ của ông cho tôi một an ủi trong chuyện đi Về Nguồn tâm linh thân thuộc:

*Ta Về
Ta về như lá rụng về cội
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay
Chén rượu nồng đây xin rót xuống
Giải oan cho cuộc bể dâu này. ■*



Hành thiền tức là sống an lạc

ĐẠO TÂM

Trong Kinh tạng Pàli, có một số văn đoạn nêu rõ kinh nghiệm hành thiền của Đức Phật, rất quan trọng và bổ ích cho việc hành thiền của người Phật tử.

Gia chủ Mahànàma đến thưa với Đức Phật¹:

– *Bạch Thế Tôn, đã lâu rồi, con đã hiểu như thế này lời dạy của Thế Tôn: “Tham là cấu uế của tâm, sân là cấu uế của tâm, si là cấu uế của tâm”. Tuy vậy, đôi lúc các tham pháp chiếm cứ tâm con và an trú, các sân pháp chiếm cứ tâm con và an trú, các si pháp chiếm cứ tâm con và an trú. Bạch Thế Tôn, con tự suy nghĩ: “Pháp nào tự trong ta không đoạn trừ được, do vậy các tham pháp xâm nhập tâm ta và an trú, các sân pháp xâm nhập tâm ta và an trú, các si pháp xâm nhập tâm ta và an trú?”*

– *Này Mahànàma, có một pháp trong Ông chưa được đoạn trừ, do vậy các tham pháp xâm nhập tâm Ông và an trú, các sân pháp xâm nhập tâm ta và an trú, các si pháp xâm nhập tâm Ông và an trú. Và này Mahànàma, pháp ấy trong Ông có thể đoạn trừ được, nếu Ông không sống trong gia đình, nếu Ông không thụ hưởng các dục vọng.*

Mẫu đối thoại trên giữa Đức Phật và gia chủ Mahànàma xác nhận một vấn đề rất thực tế, đó là đời sống người tại gia cư sĩ khó tránh khỏi các phiền não khổ đau do hệ lụy của đời sống gia đình, cụ thể là các dục vọng. Nói cách khác, dục vọng là đầu mối của mọi phiền muộn khổ đau;

càng mơ hồ say đắm nó thì khổ não càng gia tăng, vì dục vọng là nguyên nhân khiến cho tham, sân, si - gốc rễ của phiền não khổ đau - dấy khởi và tăng trưởng.

Dục vọng là ham muốn thái quá đối với các lạc thú thế gian như sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu. Một cách hiểu khác, dục vọng chính là sự mê đắm đối với tiền tài vật chất (tài), danh vọng quyền lực (danh), sắc đẹp khác phái (sắc), cao lương mỹ vị (thực), chăn gối êm ái (thù). Nó biểu lộ qua việc khao khát tìm kiếm các khoái lạc trần tục (*kàmasukha*) mà khi đạt được thì tham tùy miên (*ràgānusaya*: lòng ham muốn tiềm ẩn trong con người) tùy tăng, và khi không đạt được hoặc có được rồi mà mất đi thì sân tùy miên (*patighānusaya*: tập khí giận dữ bức phiền tiềm ẩn trong con người) tùy tăng. Vì vậy, dục vọng là lý do khiến cho tham và sân không ngừng xâm chiếm và thiêu đốt tâm thức con người, làm cho con người cứ mãi quay cuồng trong thế giới của những cảm thức bồn loạn hoặc lạc khổ hoặc vui buồn hoặc yêu ghét. Trong giáo lý đạo Phật, dục vọng được xem là con đẻ đồng thời là thức ăn của si hay vô minh. Chính vì thế mà Đức Phật đã gợi ý cho gia chủ Mahànàma cần phải hạn chế và rời xa dục vọng, vì còn thích thú thụ hưởng dục vọng thì tham, sân, si - gốc rễ của phiền não khổ đau - còn chiếm cứ tâm và an trú. Hơn thế, chính dục vọng hay sự ham

muốn thái quá đối với các lạc thú thế gian là nguyên nhân của mọi rối loạn khổ đau xảy ra ở các bình diện khác nhau, từ các tranh chấp mang tính cá nhân cho đến các tranh chấp mang tính tổ chức như xung đột giữa các gia đình, giữa các đoàn thể xã hội hay giữa các cộng đồng quốc gia².

Chúng ta hiểu rằng lòng ham muốn hưởng thụ các lạc thú thế gian là tâm lý thường tình của con người. Nó là điều kiện sinh tồn của nhân thể, nhưng cũng chính nó là nguyên nhân khiến muôn vàn khổ đau này

sinh trên cuộc đời, một khi con người không nhận ra mặt trái của lòng ham muốn và có thái độ ứng xử thích đáng. Hẳn nhiên, không ai có thể tồn tại trên cõi đời mà không dựa vào các "xúc cảm thế gian". Nhưng con người sẽ khó tránh khỏi phiền muộn khổ đau, nếu chỉ một chiều chạy theo lạc thú trần thế, xem đó là mục tiêu cứu cánh của nhân sinh. Dục vọng không có bến đỗ³. Càng mong muốn thỏa mãn thì con người càng trở nên nghèo đói, thiếu thốn, nô lệ cho dục vọng⁴. Chính vì vậy mà Đức Phật đã khuyến cáo: "các dục vui ít, khổ nhiều, nã nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn," và nêu rõ phương pháp thực tập, giúp cho con người khắc phục và vượt qua sự chi phối của dục vọng.

Theo kinh nghiệm của Đức Phật thì con người không thể khắc phục và chiến thắng dục vọng hay lòng ham muốn các khoái lạc trần thế trừ phi có sự nhận thức đúng đắn về nó và có sự chuyển hóa đời sống nội tâm, tức hành thiền. Ngài nêu rõ:

*"Này Mahànàma, nếu một vị Thánh đệ tử khéo thấy như vậy với như thật chánh trí tuệ: 'Các dục, vui ít, khổ nhiều, nã nhiều. Sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn, nhưng nếu vị này chưa chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh, hay một pháp nào khác cao thượng hơn, như vậy vị ấy chưa khỏi bị các dục chi phối. Này Mahànàma, khi nào vị Thánh đệ tử khéo thấy như vậy với như thật chánh trí tuệ: 'Các dục, vui ít, khổ nhiều, nã nhiều. Sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn', và vị này chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào khác cao thượng hơn, như vậy vị ấy không bị các dục chi phối. Này Mahànàma, thuở xưa, khi Ta còn là Bồ-tát, chưa chứng được Bồ-đề, chưa thành Chánh Đẳng Giác, Ta khéo thấy với như thật chánh trí tuệ: 'Các dục vui ít, khổ nhiều, nã nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn', dẫu Ta có thấy với như thật chánh trí tuệ như vậy, nhưng Ta chưa chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào khác cao thượng hơn. Và như vậy Ta biết rằng Ta chưa khỏi bị các dục chi phối. Và này Mahànàma, khi nào Ta khéo thấy với như thật chánh trí tuệ: 'Các dục, vui ít, khổ nhiều, nã nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn', và Ta chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào khác cao thượng hơn, như vậy Ta khỏi bị các dục chi phối.'"*⁵

Kinh nghiệm của Đức Phật nói cho chúng ta biết rằng chỉ một mình hiểu biết hay ý chí không thôi thì không đủ để vượt qua bản năng dục vọng, mà tự thân phải thực tập nếp sống ly dục, ly các pháp bất thiện, phải thực hành thiền định, phải thực nghiệm cho được thiên lạc (hỷ lạc do ly dục sinh hay do định sinh...) thì các đòi hỏi bản năng mới được khắc phục và chuyển hóa.

Đây chính là bài học kinh nghiệm hết sức quan trọng và thiết thực cho những ai mong muốn tìm kiếm con đường giải phóng



khổ đau từ giáo pháp của Đức Phật. Chúng ta hành thiền mỗi ngày nhưng chúng ta vẫn còn mơ hồ về dục vọng thì việc hành thiền của chúng ta sẽ không có kết quả. Chúng ta sẽ không thoát khỏi phiền muộn khổ đau bởi chúng ta không khắc phục được sự ám ảnh và chi phối của dục vọng. Nói cách khác, chúng ta chưa thấy hết sự tai hại của dục vọng, chưa rời bỏ được lòng đam mê khoái lạc trần thế, chưa thực nghiệm được thiền lạc do ly dục sinh hay do định sinh; do đó chúng ta chưa chuyển hóa được nội tâm, chưa tìm thấy niềm hạnh phúc tâm linh cụ thể và lớn lao để có thể thay thế hay hóa giải các ham muốn thế tục. Vì vậy, muốn tu thiền cho có kết quả thì phải thực tập nếp sống ít ham muốn, phải hạn chế việc tìm cầu và thụ hưởng các khoái lạc trần thế. Vì căn bản của thiền là ly dục và kết quả cụ thể của hành thiền chính là thoát khỏi mọi ám ảnh và chi phối của dục vọng, thực nghiệm một đời sống thanh thân an lạc. Tiếp theo là kinh nghiệm chiến thắng dục vọng của Đức Phật, nhờ công phu hành thiền, thực nghiệm được hỷ lạc do ly dục sinh hay các thiền chứng cao hơn:

“Này Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta sống hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trường dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Magandiya, Ta có ba tòa lâu đài, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, một cho mùa hạ. Này Magandiya, trong bốn tháng mùa mưa, Ta sống hưởng thụ trong lâu đài mùa mưa, được những nữ nhạc công giúp vui và không bước xuống khỏi lâu đài ấy. Rồi Ta sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục vọng, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi Ta thấy các chúng sanh khác chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ; ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt Thiên lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây, Ta không ham thích.

Ví như, này Magandiya, một gia chủ hay con một người gia chủ, giàu sang, tài vật nhiều, sở hữu nhiều, sống thọ hưởng một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trường dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Vị ấy, sau khi làm thiện thân hành, sau khi làm thiện khẩu hành, sau khi làm thiện ý hành, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Vị ấy ở đây, trong

rừng Nandana, được chúng Thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiên dục trường dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn. Vị ấy thấy người gia chủ hay con người gia chủ đang thọ hưởng năm dục trường dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Thiên tử ấy, được chúng Thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiên dục trường dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn, vị ấy có ước vọng được như người gia chủ ấy, hay con người gia chủ ấy; hay năm dục trường dưỡng thuộc loài Người, hay trở lui về với các dục thuộc loài Người?

– Không có vậy, thưa Tôn giả Gotama! Vì sao vậy? Vì thiên dục, thưa Tôn giả Gotama, là kỳ diệu hơn, là vi diệu hơn nhân dục.

– Cũng vậy, này Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, các dục trường dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Rồi Ta sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi Ta thấy các chúng sanh khác chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ; ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt Thiên lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây Ta không ham thích”⁶.

Tóm lại, những ai nỗ lực tu thiền theo lời Phật dạy thì cần lắng nghe và nắm bắt thật kỹ kinh nghiệm hay bí quyết đối trị và chiến thắng dục vọng này của Ngài. Vì đây chính là kinh nghiệm tu tập hết sức căn bản của Đức Phật, đã từng bước đưa Ngài rời xa các phiền muộn khổ đau, hệ quả của dục vọng hay tham-sân-si, từng bước giúp Ngài nâng cao cảm thức sáng suốt và an lạc trong cuộc sống, từng bước giúp Ngài phát triển chánh tinh tấn (*sammā-vàyàma*), chánh niệm (*sammā-sati*) và chánh định (*sammā-samādhi*) để cuối cùng đạt đến chánh trí (*sammā-nāna*) và chánh giải thoát (*sammā-vimutti*).

Chú thích:

1. Tiểu kinh *Khổ uẩn*, Trung Bộ.
2. Đại kinh *Khổ uẩn*, Trung Bộ.
3. Pháp Cú, kệ số 186, mô tả: “Dầu mưa bằng tiền vàng, các dục khó thỏa mãn; dục đặng nhiều ngọt ít, biết vậy là bậc trí”.
4. Kinh *Ratthapala*, Trung Bộ, cho rằng thế giới (con người) là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái.
5. Tiểu kinh *Khổ uẩn*, Trung Bộ.
6. Kinh *Magandiya*, Trung Bộ. ■



Chân Như huân tập

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

1. Chân Như huân tập theo Luận Đại Thừa Khởi Tín

Chân Như huân tập là một thành ngữ được nói đến nhiều trong *Luận Đại Thừa Khởi Tín* của Bồ-tát Mã Minh (giữa thế kỷ 1 và 2). Trong bài này, chúng ta sẽ tìm hiểu Chân Như huân tập trong bộ luận ấy, để làm rõ một khái niệm quan trọng có trong nhiều kinh luận Đại thừa.

Huân tập có nghĩa là xông ướp (huân) và tập tành, quen thuộc, lặp đi lặp lại, tích tập (tập).

Thông thường, chúng ta đều biết, về phía hành giả, cần hướng đến Chân Như, như là thực tại tối hậu, cần “huân tập” Chân Như, “chánh niệm” Chân Như, “tương ưng, tùy thuận” Chân Như, “xứng, chứng, nhập” Chân Như. (Những chữ, câu nằm trong ngoặc kép trong bài này đều lấy từ *Luận Đại Thừa Khởi Tín*).

Còn Chân Như, cũng được gọi là “Pháp thân”, “Niết-bàn”, “Nhất tâm”, “Pháp tánh, tánh của các pháp”, “chánh định căn bản”, “tánh giác”, “bản giác”, “nguồn tâm”, “tâm tánh”, “tự tánh thanh tịnh tâm của chúng sanh”, “Phật tánh thường lạc ngã tịnh”, “Như Lai tạng”, “Một vị”...

Con người đi đến Chân Như, thu ngắn sự cách biệt với Chân Như, kết nối với Chân Như, tương ưng với Chân Như, chứng nhập Chân Như. Điều đó là rõ ràng. Nhưng ở đây, Chân Như huân tập nghĩa là Chân Như cũng đi đến

con người, thu hút, hấp dẫn, lôi kéo con người về phía nó. *Luận Khởi Tín* nói về Chân Như huân tập như thế nào?

“Chân Như huân tập là từ vô thủy đến nay chúng sanh vốn đầy đủ tự thể Chân Như vô lậu, sẵn đủ diệu dụng Chân Như chẳng thể nghĩ bàn, làm nền tảng cho mọi cảnh giới. Bởi thế và dụng Chân Như hằng thường huân tập như vậy, nhờ sức huân tập ấy khiến cho chúng sanh chán khổ sanh tử, thích cầu Niết-bàn, và tự tin bản thân có sẵn Chân Như Phật tánh, phát tâm tu hành”.

“Sức huân tập của Chân Như” là sự kêu gọi, thức tỉnh, thu hút chúng ta lia bỏ sanh tử khổ đau để đi đến, tiếp xúc và hợp nhất với Chân Như thường lạc ngã tịnh. Ở mặt kia là vô minh mê lầm tự tích tập chính nó, tự huân tập lấy nó. Vô minh là bất giác không biết Chân Như do bị các thức làm mê lầm, che ngăn. Nhưng những mê lầm che ngăn này chỉ là vọng sanh, vọng khởi trong chính Chân Như, không thường hằng bất biến. Do đó cái vô minh tạm thời ấy có thể bị tiêu diệt:

“Do vô minh huân tập mà sanh khởi thức...”

Tâm Chân Như này từ vô thủy đến nay, tự tánh nó vốn thanh tịnh. Nhưng có vô minh thì vô minh làm nhiễm ô mà có tâm ô nhiễm. Tuy có tâm ô nhiễm nhưng tâm Chân Như vẫn thường hằng bất biến. Thế

nên chỉ có Phật mới biết trọn vẹn nghĩa này.

Tức là bản tánh của tâm thường vô niệm, nên gọi là bất biến. Bởi vì không thấu đạt Pháp giới Nhất tướng này, tâm không tương ưng, hốt nhiên niệm khởi, nên gọi là vô minh”.

“Tất cả các pháp từ xưa nay thật không hề có niệm tướng, chỉ là một chân tâm. Nhưng vì bất giác, tâm vọng động khởi niệm, có ra các cảnh giới, gọi là vô minh”.

Tất cả chúng sanh chúng ta, dù vô minh dày mỏng đều đang sống trong Chân Như, đang là Chân Như đấy thôi:

“Thí như mọi thứ đồ sành sứ, từ tánh chất đến hình tướng đều đồng là đất sét. Giác và các nghiệp huyễn vô minh bất giác cũng thế, tánh tướng đều đồng là Chân Như. Thế nên trong kinh, y vào nghĩa Chân Như này, nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh từ xưa nay vốn thường trụ trong Bồ đề Niết-bàn, chẳng phải do tu mới có, chẳng phải do làm mới được, rốt ráo không có cái gì là chúng đắc, cũng không có tướng gì để thấy.’ Nhưng thấy có sắc tướng chỉ là do tùy nghiệp nhiễm ô mà hiện ra, chẳng phải Chân Như có các sắc tướng ấy, vì thật tướng Chân Như là vô tướng”.

Chân Như vừa huân tập ở hai mặt ‘bên trong’ và ‘bên ngoài’. ‘Bên trong’ là huân tập trong tâm hành giả. ‘Bên ngoài’ là huân tập từ bên ngoài, tức là từ chư Phật, Bồ-tát, các hình tượng, xá-lợi, chùa tháp, pháp khí, các nơi hành hương...

Con đường Phật đạo là con đường Chân Như huân tập hành giả và hành giả huân tập Chân Như. Sự huân tập này có hai giai đoạn. Giai đoạn đầu chưa tương ưng với Chân Như nên chưa được sự huân tập trực tiếp của Chân Như, do đó hành giả phải dùng ý, ý thức để tu hành, sự tự lực huân tập phải rất mạnh mẽ nhưng lại hữu hạn. Giai đoạn sau là đã tương ưng với Chân Như, mọi tu hành của hành giả đều được Chân Như trực tiếp huân tập, do đó sự tu hành được tương thích hơn, đúng đắn tốt đẹp hơn rất nhiều. *Luận Khởi Tín* nói:

“1. Chưa tương ưng: Các phàm phu, hàng Nhị thừa và Bồ-tát sơ phát tâm dùng ý, ý thức để huân tập, nương vào sức tin mà tu hành, chưa chứng vô phân biệt trí (căn bản trí) để tương ưng với thể Chân Như. Chưa được diệu dụng tự tại tu hành để tương ưng với dụng của Chân Như (tức là Sai biệt trí hay Hậu đắc trí).

2. Đã tương ưng: tức là các Bồ-tát đã bước đầu chứng nhập Pháp thân, đắc vô phân biệt trí, tương ưng với trí thể và trí dụng của chư Phật, chỉ y vào năng lực của Pháp thân Chân Như mà tự nhiên tu hành, tự nhiên huân tập Chân Như, diệt hẳn vô minh.

Lại nữa, từ vô thủy đến nay pháp nhiễm vô minh huân tập không dứt, cho đến khi thành Phật thì diệt dứt hoàn toàn. Còn pháp tịnh Chân Như huân tập thì vĩnh viễn không dứt. Nghĩa này thế nào? Vì Chân Như thường huân tập nên vọng tâm phải diệt mất. Vọng tâm diệt đến đâu thì Pháp thân hiện bày đến đó. Pháp thân tự nhiên có diệu dụng huân tập vô cùng vô tận như vậy.

.Sự tiếp xúc, nối kết, hòa lẫn giữa cái dưới và cái trên, cái

phần tử và cái toàn thể này được kinh điển nói đến nhiều. Ở đây trích một đoạn kinh *Lăng Nghiêm*, quyển tám:

“Như Lai ngược dòng đi xuống, còn Bồ-tát thuận dòng mà lên. Đến chỗ ranh giới của Giác thể nhập trọn vẹn vào nhau, gọi là Đẳng giác”.

Chân Như huân tập từ bên ngoài, mạnh nhất là từ chư Phật, chư Bồ-tát và Thiện tri thức, vì ở nơi các Ngài, Chân Như đã hiển lộ đầy đủ hoặc phần lớn:

“Lại nữa, trong Phật pháp nói có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ mới được thành tựu. Như tánh lửa có sẵn trong cây, tánh lửa là chánh nhân (của lửa). Nhưng nếu không có người biết làm ra lửa, không dùng phương tiện mà cây tự cháy thì không có chuyện ấy.

Tất cả chúng sanh cũng vậy, tuy có sức huân tập của chánh nhân Chân Như Phật tánh, nhưng nếu không gặp chư Phật, chư Bồ-tát, Thiện tri thức làm ngoại duyên chỉ bày đường lối thì cũng không thể cắt đứt phiền não, đi vào Niết-bàn được. Chuyện ấy cũng không thể có.

Ngược lại, tuy có sức của ngoại duyên, nhưng bên trong sức huân tập của Chân Như thanh tịnh chưa hoạt động thì cũng không thể hoàn toàn chán khổ sanh tử, thích cầu Niết-bàn, phát tâm tu hành các pháp thiện được”.

Ở một đoạn khác, chúng ta thấy sự quan trọng của các thiện hạnh dựa vào thế giới bên ngoài để huân tập Chân Như:

“Hỏi: Trước đã nói pháp giới một tướng, Phật thể vốn không hai, tại sao không chỉ niệm Chân Như mà lại phải tạm mượn tu các hạnh lành?”

Đáp: Ví như ngọc Ma-ni, thể tánh vốn sáng sạch nhưng còn lẫn lộn trong đất đá dơ bẩn. Nếu chỉ nghĩ đến tính chất quý báu của ngọc mà không dùng các thứ phương tiện giũa mài thì cuối cùng chẳng thể được sáng sạch. Cũng vậy, pháp thể Chân Như của chúng sanh tuy rỗng rang thanh tịnh nhưng còn có vô lượng phiền não nhiễm ô khắp tất cả pháp, nên phải dùng tất cả thiện hạnh để đối trị. Nếu người tu tất cả các thiện pháp thì tự nhiên thuận về Chân Như vậy”.

Sự huân tu từ Chân Như bên ngoài là quan trọng đối với con đường Bồ-tát. Tam bảo, chùa tháp, các pháp khí, các nghi lễ, các nơi hành hương... cho đến bố thí, nhẫn nhục... lợi mình lợi người... nghĩa là tất cả các thiện hạnh. Bởi vì Chân Như không chỉ ở trong, mà còn ở ngoài, bao trùm và hợp nhất chủ thể và khách thể.

Hơn nữa, Chân Như là thật tánh và thật tướng của tất cả các sự vật bên ngoài: “Nhưng thể của Chân Như thì không thể trừ bỏ vì tất cả các pháp vốn đồng là Chân, và Chân Như cũng không thể dựng lập vì tất cả các pháp vốn đồng là Như. Phải biết tất cả các pháp không thể nói năng, không thể suy nghĩ, nên gọi là Chân Như”. *Kinh Kim Cương* nói: “Tất cả các pháp đều là Phật pháp”.

Các hạnh lành, các Phật sự là sự tương tác giữa người tu và ngoại cảnh để tìm thấy và tương ưng với Chân Như. Các hạnh lành của con đường Bồ-tát đều y trên Chân Như mà làm. *Luận Khởi Tín* nói về các Ba-la-mật:

“Vi biết pháp tánh Chân Như không có bốn sên tham lam, nên tùy thuận Chân Như tu hành Bồ thí Ba-la-mật. Vi biết pháp tánh Chân Như vốn không có nhiễm ô, lia các lỗi năm dục, nên tùy thuận Chân Như tu hành Trì giới Ba-la-mật. Vi biết pháp tánh Chân Như vốn không có khổ não, lia khỏi sân hận, nên tùy thuận Chân Như tu hành Nhẫn nhục Ba-la-mật. Vi biết pháp tánh Chân Như không có tướng thân tâm, xa lia sự giải đãi, nên tùy thuận Chân Như tu hành Tinh tấn Ba-la-mật. Vi biết pháp tánh Chân Như vốn thường định, thể không có tán loạn, nên tùy thuận Chân Như tu hành Thiền định Ba-la-mật. Vi biết pháp tánh Chân Như vốn sáng tỏ, không có vô minh, nên tùy thuận Chân Như tu hành Trí huệ Ba-la-mật”.

Luận Khởi Tín gom tất cả sự huân tập hay tu hành của hành giả vào ba tâm:

- Trục tâm là tâm chánh niệm Chân Như: “Chúng sanh nào quán vô niệm thì người ấy đang hướng về Trí Phật”.

- Thâm tâm là tâm ưa tích tập tất cả các thiện hạnh công đức.

- Tâm đại bi muốn cứu khổ tất cả chúng sanh.

Tóm lại, tất cả mọi hoàn cảnh, mọi thời khắc của cuộc sống đều là những cơ hội quý báu để chúng ta có thể huân tập, tiếp xúc và tương ưng với Chân Như.

2. Vài đặc điểm của Chân Như huân tập

Sau đây chúng ta nêu lên vài đặc điểm của Chân Như huân tập. Đó cũng là những đặc điểm của con đường Bồ-tát:

- Một trong những từ *Luận Khởi Tín* dùng để chỉ thực tại tối hậu là Niết-bàn. Nhưng trong khi Niết-bàn theo hệ Pali Nam truyền là “tịch tịnh, tịch diệt” mang nhiều nghĩa tĩnh lặng, thụ động, thì Niết-bàn của *Luận Đại Thừa Khởi Tín* là hoạt động, sinh động, tích cực phi thường. Niết-bàn loại trước thì ở trong một trạng thái tĩnh lặng tuyệt đối chờ con người đạt đến, còn Niết-bàn loại sau thì cũng đồng thời đi đến với con người. Niết-bàn của Đại thừa là Chân Như thường hằng huân tập. Thế nên, thực tại tối hậu của Đại thừa là Chân Không Diệu Hữu (chữ dùng của *Luận Khởi Tín* là “Như Thật Không” và “Như Thật Bất Không”).

- Điều này mở ra tất cả mọi pháp môn, như tín, hạnh, nguyện, hồi hướng..., để đạt đến Niết-Bàn Chân Không Diệu Hữu.

Đối với Niết-Bàn Chân Không Diệu Hữu này, phương tiện chính là cứu cánh, chứ không phải phương tiện để đạt đến cứu cánh, đạt đến rồi thì bỏ đi. Phương tiện không phải để chờ đợi cứu cánh, mà cứu cánh nằm ngay nơi phương tiện. *Kinh Duy Ma Cật* nói: “Bản tánh của sanh tử tức là Niết-bàn.” *Luận Khởi Tín* cũng thường nói đến Tánh, Tướng hay Thể, Dụng của Chân Như, đi đến kết luận chung của Đại thừa: “Sanh tử tức Niết-bàn”.

- Trong sự thực hành, vì Niết-bàn là nền tảng của tất cả các pháp, cho nên ngoài sự chánh niệm tỉnh giác trên các pháp, vô thường (như hơi thở, cảm thọ...) Đại

thừa còn chánh niệm tỉnh giác trên chính thực tại tối hậu là Niết-bàn Chân Như: “trực niệm Chân Như”.

Đại thừa không bỏ một điều gì mà con người trong sanh tử đang có để chuyển hóa sanh tử thành Niết-bàn. Chính vì thế mà sự thực hành của Đại thừa phong phú không cùng, mà nói một cách tượng trưng là tám vạn bốn ngàn pháp môn hay tám vạn bốn ngàn con đường.

Một trong những pháp môn hay con đường ấy là lòng sùng tín (devotion). Sùng tín đối với các bậc cao cả thiêng liêng. Sùng tín đối với tất cả, vì tất cả đang là Chân Như nhưng bị che giấu bởi vô minh. Sùng tín là động lực lớn để đi trên con đường: “Từ khi mới phát tâm cầu đạo cho đến thành Phật, trong khoảng thời gian ấy, người tu nương vào chư Phật, chư Bồ-tát, hoặc thấy hình tướng các Ngài, hoặc nghĩ đến các Ngài, đều được các Ngài gia hộ. Các Ngài hoặc hiện thân làm cha mẹ, thân thuộc, hoặc làm thiện hữu tri thức, hoặc làm người tôi tớ hầu hạ, hoặc làm người oan gia, hoặc dùng bốn nhiếp pháp cho đến tất cả các hành động để trợ duyên. Nhờ sức đại bi huân tập, khiến chúng sanh tăng trưởng căn lành, chúng sanh nếu thấy hoặc nghe đều được lợi ích”.

Sức mạnh của sự sùng tín này khiến hành giả có thể “phá vỡ hạt bụi để thấy ra quyển kinh”, như kinh *Hoa Nghiêm* nói.

- Chính nhờ Chân Như bao trùm khắp mọi ngõ ngách của cuộc đời mà hành giả tích tập, khai triển mọi đức tính của Bồ-tát: tôn trọng, khoan dung, từ bi, bình đẳng, nhẫn nhục, lạc quan... Muôn hạnh muôn đức của một bậc Giác ngộ là dụng của Chân Như. Và cũng chính Chân Như chứa giữ muôn hạnh muôn đức ấy. Ở nơi phương diện này mà Chân Như được gọi là Như Lai tạng.

- Với Chân Như Chân Không Diệu Hữu, thế giới sanh tử này là một đạo tràng rộng lớn cho hành giả, vì thế giới này là một biểu hiện của Chân Như được nhìn theo nghiệp của chúng sanh. Chân Như vẫn đang có đó nhưng còn ẩn giấu đối với hành giả, còn cần phải luôn luôn và mãi mãi được khám phá.

Hành giả tu khắp nơi. Ở trong bất cứ hoàn cảnh nào, thời gian nào, không gian nào, hành giả cũng có thể huân tập và bắt gặp Chân Như. Chẳng hạn cái ngộ Thiền tông luôn nói đến là sự tương ứng giữa huân tập Chân Như của hành giả với Chân Như huân tập của Chân Như. Đó là sự tương ứng của Chân Như ‘bên trong’ với Chân Như ‘bên ngoài’, của phần tử với cái toàn thể, của thủy giác và bản giác.

Nói theo những thí dụ “sóng và đại dương, bóng và gương” của *Luận Khởi Tín* thì thấy sóng ở đâu thì đại dương ở đó, thấy bóng ở đâu thì gương ở đó. Như thế, thế giới này là một đạo tràng của Chân Như.

Đạo vốn không nhan sắc

Mỗi ngày mới mẻ khoe

Ngoài vô biên thế giới

Chỗ nào chẳng phải nhà?

Thiền sư Thường Chiếu (? – 1203) ■

Giải hạn và giải nghiệp

THÍCH PHƯỚC ĐẠT

Vào những ngày đầu năm, bên cạnh việc gặp nhau chúc tụng nhau những điều an lành, tự nhiên không ai bảo ai, mọi người đều háo hức lên chùa dâng lễ cầu an, ước nguyện mọi chuyện tốt đẹp đến với mình, với gia đình và với mọi người thân; mong sao những khổ đau, nghiệp chướng, báo chướng, tội chướng... được tiêu trừ; hay như dân gian thường nói, là đi chùa giải hạn, giải nghiệp đầu năm để được phúc lành, được an khang thịnh vượng.

Và như thế, việc đi chùa là việc làm hướng thiện mà mỗi người con Phật đều mong muốn khát khao thực hiện ngay từ đầu năm. Cho nên, ngay từ mồng một Tết đến hết tháng Giêng, đâu đâu cũng có những người náo nức lên chùa với niềm hân hoan và lòng thành kính. Điều đó cũng chẳng có gì phải ngạc nhiên, vì đi chùa đầu năm với tâm mong muốn giải hạn, giải nghiệp là nhu cầu tâm linh tất yếu của con người; điều này cần phát huy trong ý niệm khát khao hướng thiện của người Phật tử, mong muốn chuyển nghiệp xấu thành nghiệp tốt để được an lành hạnh phúc.

Thật vậy, thuyết nhân quả và thuyết nghiệp của đạo Phật là một trong những giáo nghĩa vừa sâu sắc vừa bình dị giúp con người lý giải nghiệp nhân, nghiệp quả của mọi chúng sinh và cũng là nguyên lý thực tiễn hướng dẫn con người sống theo phương thức có khả năng giải kết, giải hạn để vượt thoát khổ đau; những giáo nghĩa và nguyên lý ấy rất là khoa học, rất công bằng; nghe qua thì đơn giản và dễ hiểu, nhưng thực ra lại phức tạp hơn là chúng ta tưởng.

Chúng ta thường nghe ông bà nói “Gieo nhân gì, gặt quả ấy”, hay “Ở hiền gặp lành”; “Gieo gió gặt bão”... Rõ ràng quy luật nhân quả vận hành trong đời sống thường nhật được nhìn nhận như là một chân lý đối với mỗi cá nhân, mỗi gia đình, mỗi xã hội. Từ đó, con người hiểu rằng mình là chủ nhân ông của nghiệp, là người phải chịu trách nhiệm trước những hành động, lời nói, ý nghĩ của mình. Hẳn nhiên, con người, tự thân cũng phải thừa hưởng kết quả, hay nói khác đi là thọ nghiệp, đối với những gì mình đã tạo, đã làm với chính mình và cộng đồng xã hội. Và vấn đề cần bàn là con người phải biết tạo nghiệp lành và nỗ lực đoạn trừ những nghiệp xấu, cái mà ông cha ta đúc kết

là phải *giải hạn* và *giải nghiệp* trong mọi thời gian, nhất là thời điểm khởi đầu cho một năm mới.

Quy luật nhân quả là quy luật công bằng không sai lệch được. Tuy nhiên, không thể khẳng định rằng quả nào nhân ấy hoặc nhân nào quả ấy, vì lẽ muốn biến thành quả, nhân đã gieo cần hội tụ đủ duyên. Và đây chính là điều mà mọi Phật tử cần nhận thức cho rõ, vì nhận thức đúng đắn sẽ trang bị cho con người một niềm tin vô hạn, rằng chúng ta không phải lệ thuộc quá khứ, mà trái lại con người có thể tác động trở lại quá khứ, dù đó là một quá khứ đầy tội lỗi, bằng những nghiệp thiện và cực thiện mà người đó làm trong hiện tại và tương lai. Đồng thời, con người đó lại biết thường xuyên tu tập tâm, khiến cho tâm mình trước đây nhỏ hẹp, vị kỷ trở thành rộng lớn và vị tha; tâm mình vốn tán loạn, nay trở thành định tĩnh và tập trung, tâm mình vốn hay nghĩ ác, nay hoàn toàn chỉ suy nghĩ thiện và hướng thiện...

Trong *kinh Hạt muối* thuộc tuyển tập *Tăng Chi I*, Đức Phật đã đưa ra một ảnh dụ rất lý thú. Một ít hạt muối bỏ vào một ly nước nhỏ khiến cho ly nước mặn đó không thể uống được. Nhưng cũng một ít muối như thế bỏ vào sông Hằng, thì nước sông Hằng vẫn không bị mặn thêm. Cũng như vậy, một số người có tâm nhỏ hẹp như ly nước, thì dù anh ta có phạm một lỗi nhỏ, anh ta cũng cảm thọ khổ tới mức không chịu đựng nổi. Trái lại, một người có tâm rộng lớn như sông Hằng, thì một lỗi nhỏ như vậy tuy cũng làm cho anh ta khổ đau, nhưng anh ta vẫn chịu đựng được. Như vậy là tùy người có tâm rộng hay hẹp mà một nghiệp ác được tạo ra, đem lại quả báo khổ thọ khác nhau. Nhưng cần hiểu rằng không nhất thiết hễ đã tạo một nhân nhất định nào đó là chắc chắn sẽ có một quả nhất định nào đó. Lý do căn bản nhất là với một nghiệp nhân đã tạo, nghiệp nhân ấy phải kinh qua một thời gian và có đủ điều kiện (tức là các duyên) thì mới chín muồi thành quả. Đó là thuyết Dị thực mà sách *Duy thức* của đạo Phật thường nói đến. Dị thực là chín muồi mà đối khác. Do thời gian khác nhau, do các duyên khác nhau cho nên một nhân khi đã chín muồi lại trở thành một quả dị thực, một quả đã chín mà đã đối khác.

Chúng ta thử nghiên cứu xem do những nhân duyên gì mà nghiệp nhân đối khác khi biến thành quả. Trước



hết và chủ yếu, có một nhân duyên thường xuyên tác động và tác động rất mạnh, đó chính là cái tâm của đương sự. Cái tâm đó có thể tác động rất mạnh, rất có hiệu quả nếu đó là cái tâm rộng lớn như sông Hằng (xem *kinh Hạt muối* - Tăng Chi I).

Cho nên, vấn đề giải hạn hay giải nghiệp mà người bình thường hay nói cần được hiểu là khi tâm chuyển thì nghiệp chuyển. Khi phạm tội, chúng ta chân thành sám hối, tâm chúng ta được an tịnh và chuyển sang hướng thiện. Chính cái tâm sám hối và hướng thiện giúp cho chúng ta chuyển nghiệp. Nếu tâm chuyển sang hướng thiện, nghĩ thiện, nói thiện và làm thiện, thì mọi sự gia hộ từ bên ngoài, từ Phật, Bồ-tát hay là từ chúng Tăng thanh tịnh, sẽ có hiệu quả hơn bao giờ hết. Cho nên, vấn đề căn bản ở đây là tâm. Nếu tâm chúng ta không bỏ ác,

theo thiện, cứ tiếp tục nghĩ ác, nói ác và làm ác, thì mọi sự hướng nguyện sẽ không thành tựu. Chính vì vậy mà *kinh Pháp Cú* viết: "*Kẻ thù hại kẻ thù - Oan gia hại oan gia - Không bằng tâm hướng tà - Gây ác cho tự thân*" (Kệ 42) và "*Điều mẹ, cha, bà con - Không có thể làm được - Tâm hướng thiện làm được - Làm được tốt đẹp hơn*" (Kệ 43 – phẩm Tâm).

Chính Đức Phật khẳng định khi tâm chánh niệm và hướng thiện thì tâm đó có sức mạnh rất lớn; nó che chở, gia hộ, giúp ích cho chúng ta nhiều hơn là những gì mà những người thân thích với chúng ta như cha mẹ, bà con, anh em có thể giúp ích cho chúng ta. Trái lại, nếu tâm hướng ác, hướng tà, thì tâm ấy còn làm hại chúng ta hơn là kẻ thù hại chúng ta nữa.

Có thể nói "tâm" là cơ sở và động lực giải nghiệp, giải hạn khổ ách đối với con người trong mọi không gian và

thời gian. Tâm làm chủ tất cả. Tâm tạo nên một sức mạnh lớn để hóa giải nghiệp và có năng lực chuyển nghiệp. Thế nên, thời Đức Phật còn tại thế, Phật đã hướng dẫn khai tâm cho tướng cướp Angulimala giải nghiệp, giải hạn để trở thành bậc hướng thiện; hay kỹ nữ Ambapali, một người đẹp sống quá nửa cuộc đời đời trụy và hưởng lạc thế gian để trở thành bậc giác ngộ chánh đạo; hay Subhada là người sống với nhiều tà kiến ngoại đạo nặng nề, sau khi gặp được duyên lành, gặp được thiện tri thức thì tâm trở nên tỉnh ngộ và chuyển hướng mạnh mẽ theo con đường thiện, con đường giác ngộ và giải thoát. Không ai khác hơn, chính những người như Angulimala, Ambapali, Subhada... trong quá khứ đã từng tạo nghiệp chướng nhưng với sự nhiệt tâm nỗ lực tu tập, đã chuyển được nghiệp của họ và trở thành những người chứng đạt quả vị A-la-hán. Chánh pháp là như vậy, Đức Phật đã đích thân dạy như vậy, con đường mà người ta gọi là đi chùa hướng tâm giải hạn, giải oan hay giải nghiệp đúng với Chánh pháp là vậy. Nếu chúng ta không hiểu được vấn đề căn bản này, nếu tự tâm chúng ta không hướng thiện, nghiệp ác sẽ càng chồng chất nhiều lần, quả báo ác sẽ không thể nào tránh khỏi được. *Kinh Pháp Cú* dạy: “*Không trên trời, giữa biển - Không lánh vào động núi - Không chỗ nào trên đời - Trốn được quả ác nghiệp*” (Kệ 127 - phẩm Ác).

Thế nên, người Phật tử cần phải hiểu rằng, những người sống ác, làm ác mà tâm không biết xấu hổ, không hối hận, không chuyển tâm từ ác sang thiện, không nghĩ thiện, nói thiện và làm thiện, thì như Phật dạy, dù anh ta có trốn ở trên trời, dưới biển, lánh vào hang sâu cũng không tránh được quả báo, nó đeo theo mình như hình với bóng. Đối với những người sống ác thành thói quen, thành cố tật thì tình hình là như vậy, quy luật nghiệp báo nhân quả tác động không sai lệch một ly tấc.

Tuy nhiên, chúng ta tin rằng, loại người sống ác thành thói quen, thành cố tật không phải là nhiều. Đa đa số người bình thường thì không như vậy. Ban ngày có thể làm ác, nhưng ban đêm nằm vắt tay lên trán, không ngủ được và hối hận những việc sai trái mình đã làm trong ngày. Đặc biệt là trong những trường hợp bản thân mình hay là người thân ốm nặng, hay là gia đình gặp chuyện rủi ro, hao tài tốn của, và đặc biệt hơn nữa là khi bản thân mình sắp chết, hay là có người thân sắp chết. Trong những trường hợp như vậy, tâm người ác dễ sinh sợ hãi, dao động, và có thể chuyển sang hướng thiện, dù là muộn màng nhưng còn hơn không.

Do đó, vai trò và tác dụng lớn của các lễ cầu an, cầu siêu hay là các buổi lễ kèm theo trai tăng, cúng dường Tam bảo; trong đó việc mời Tăng sĩ đến tụng kinh hộ niệm cho gia chủ được tai qua nạn khỏi hay là chết được siêu thoát, được sanh lên các cõi lành... là việc làm có ý nghĩa tâm linh cao cả và có tác dụng chuyển nghiệp cho những người đã tạo nghiệp sai lầm và bồi đắp phước đức cho những người đã tạo nhiều nghiệp thiện. Nhưng cần lưu ý, hiệu quả sẽ cao hơn và tác dụng lớn hơn khi đó ở

đó có sự chuyển biến trong tâm người gia chủ hay là thân nhân người gia chủ với tất cả lòng chí thành.

Trong những cảnh ngộ đặc biệt như vậy, tâm người gia chủ thường rất ăn năn, hối hận, sợ hãi, dễ cảm xúc, và nhạy bén; do đó mà dễ dàng chuyển biến từ hướng ác sang hướng thiện. Tâm hướng thiện, đó là điểm căn bản quyết định tác động lớn của các buổi lễ. Nếu tâm không chuyển thì nghiệp không thể chuyển được. Điều khó khăn là người sống ác, lúc gần chết thường bị hôn mê, gia đình thân nhân vì không hiểu đạo lại bối rối, la hét, than vãn ồn ào, khiến cho tâm người sắp chết đã rối loạn và hôn mê lại càng rối loạn và hôn mê thêm. Nếu người sắp chết, trước khi hôn mê mà được Tăng Ni và thiện tri thức hiểu đạo hộ niệm, trong một khung cảnh trang nghiêm, không ồn ào, người sắp chết được nhắc nhở về những việc thiện mình đã làm, được nghe vài bài kinh đọc bằng tiếng Việt, ngắn và dễ hiểu, bỏ tà kiến, thì tâm của người đó có thể chuyển biến, và nghiệp cũng chuyển theo. Người đó đáng lẽ sanh vào cảnh giới xấu, thì lại được sanh vào cõi tốt đẹp hơn, nhờ phước đức đã tạo.

Đó là sức mạnh của cái mà nhà Phật gọi là nghiệp vào lúc gần chết (Cận tử nghiệp). Người chết không đủ sức để hành động bằng thân, thậm chí cũng không nói được, mà chỉ tạo ra ý nghiệp mà thôi. Ý nghiệp đó rất mạnh, có thể quyết định hướng tái sanh, dù là hướng thiện hay hướng ác, cũng đều rất mạnh. Do đó, vấn đề là nếu là gia đình Phật tử, hiểu đạo, thì phải bài trí một khung cảnh thật sự yên tĩnh và trang nghiêm, để cho con người sắp chết có thể chết trong thanh thản, yên ổn với tiếng chuông, tiếng mõ và sự hộ niệm của chư Tăng Ni và các bạn lành. Người sắp chết được thân nhân và bạn lành nhắc nhở về những điều thiện mà anh ta đã từng làm, tốt hơn nữa là thân nhân tiếp tục làm nhiều công đức như bố thí, phóng sanh và hồi hướng những công đức đó cho người sắp chết có được một cái chết yên ổn, và có được một đời sống kiếp sau tốt đẹp, thì chắc chắn người ấy sẽ được chuyển nghiệp.

Vậy là mọi người đều có khả năng giải hạn, giải nghiệp cho chính mình, chứ không phải ai khác. Với niềm tin bất động vào Phật Pháp Tăng, mỗi người sẽ được an lạc hạnh phúc khi tâm hướng thiện, làm các việc lành. Trong không gian đầm ấm của những ngày đầu năm, mọi người, mọi vật đều như đẹp lên, tươi lên. Một năm bắt đầu bằng mùa đầu tiên, đó là mùa xuân; một mùa trong năm đầu tiên bắt đầu bằng một tháng, mỗi tháng lại bắt đầu bằng một ngày... Mong rằng mỗi ngày mỗi người đều có tâm niệm chuyển đổi nghiệp trong ý niệm thiện lành. Hiểu như vậy, việc khởi tâm hướng nguyện kỳ an, giải nghiệp, giải hạn trở thành một nhu cầu tất yếu của một đời người. Cuộc sống sẽ tốt đẹp lên nếu bất cứ ai cũng hành thiện để đạt nhiều ước nguyện trong năm. Mọi người không chỉ được phát tài, phát lộc mà còn tận hưởng được nhiều điều ngọt ngào của niềm vui hạnh phúc từ các giá trị yêu thương do con người tạo ra. ■



Mục tiêu của nền giáo dục Phật giáo

TỶ KHEO BODHI
TRẦN KHIẾT BÁCH dịch

Theo lý tưởng thì giáo dục là công cụ chính của sự phát triển loài người, cần thiết cho việc chuyển hóa đứa trẻ thất học thành người trưởng thành chín chắn và có trách nhiệm. Thế nhưng ngày nay ở tất cả mọi nơi, cả trong thế giới đã phát triển lẫn thế giới đang phát triển, chúng ta có thể thấy rằng nền giáo dục chính quy đang ở trong tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Kiến thức được truyền đạt trong nhà trường đã trở nên đơn điệu và nhàm chán đến nỗi trẻ em thường thấy ở học đường chỉ có sự rèn luyện trong kiên nhẫn chứ không phải là một sự mạo hiểm trong học tập. Ngay cả

những sinh viên tận tâm và lanh lợi nhất cũng dễ trở nên bất an, và đối với nhiều em, lối thoát hấp dẫn duy nhất nằm ở những con đường nguy hiểm của ma túy, của thử nghiệm tình dục, và của những cơn bộc phát vô nghĩa về bạo lực. Các thầy giáo cũng thấy họ đang đứng một tình trạng lưỡng nan, không hài lòng với hệ thống mà họ phục vụ nhưng chẳng thể thấy một khả năng lựa chọn có ý nghĩa nào cho hệ thống ấy. Một lý do chính cho tình trạng đáng buồn này là việc mất đi tầm nhìn đối với những mục tiêu thích đáng của nền giáo dục. Từ giáo dục trong tiếng Anh là education, theo nghĩa đen là tạo ra, là sản sinh, có ý biểu thị rằng

nhệm vụ chính của tiến trình này là lôi ra được từ tâm thức cái tiềm năng nội tại của nó về sự hiểu biết. Sự thôi thúc để học, để biết, và để hiểu rõ là một đặc điểm căn bản của con người, thuộc về bản chất đối với tâm thức của chúng ta, cũng như đói và khát là bản chất đối với thân thể của chúng ta. Tuy nhiên, trong cái thế giới hỗn loạn ngày nay, sự khao khát học hỏi đó thường bị biến dạng bởi cùng những khuynh hướng đạo đức méo mó vốn gây khổ cho cả cộng đồng xã hội. Thật vậy, hết như sự ngon miệng của chúng ta đối với những loại thực phẩm lành bụng đang bị khai thác bởi nền kỹ nghệ thực phẩm ăn liền với những bữa ăn vội vàng đầy hương vị nhưng không có giá trị dinh dưỡng, trong những trường học của chúng ta, tâm trí của những người trẻ đang bị tước đoạt những chất dinh dưỡng mà họ cần cho sự phát triển lành mạnh. Dưới danh nghĩa giáo dục, những sinh viên đang trải qua những khóa học của sự dạy dỗ được tiêu chuẩn hóa có mục đích biến họ thành những người phục vụ hữu hiệu cho một hệ thống xã hội đang suy đồi. Trong khi một nền giáo dục như vậy có thể cần thiết để bảo đảm sự ổn định xã hội, nó chẳng đóng góp bao nhiêu cho việc hoàn thành mục đích cao hơn của sự học, là việc khai mở tâm trí với ánh sáng của cái đúng và cái tốt.

Một nguyên nhân chính của những vấn đề giáo dục nằm ở chỗ có sự “thương mại hóa” nền giáo dục. Mô thức tăng trưởng công nghiệp của xã hội ngày nay đã vượt những cái vói của nó đến những xã hội phần lớn là nông nghiệp ở tận Nam và Đông Nam Á, đòi hỏi nền giáo dục phải chuẩn bị cho người sinh viên trở thành những công dân sản xuất trong một trật tự kinh tế vận hành bởi xu thế tối đa hóa lợi nhuận. Một quan điểm như vậy về mục đích của nền giáo dục hoàn toàn xa lạ đối với quan điểm phù hợp với những nguyên lý Phật giáo. Năng lực thực tiễn chắc chắn có chỗ đứng của nó trong nền giáo dục Phật giáo, vì lẽ Phật giáo đề ra một con đường dung hòa, thừa nhận rằng những khát vọng tinh thần cao quý nhất của chúng ta vẫn phụ thuộc vào một cơ thể khỏe mạnh và một xã hội an toàn về mặt vật chất. Nhưng đối với Phật giáo, khía cạnh thực tiễn của nền giáo dục phải có sự tập hợp bao gồm những đòi hỏi khác được thiết kế để mang những tiềm năng của bản chất con người đến sự thuần thực theo con đường đã được Đức Phật nhìn thấy. Trên hết, một chính sách giáo dục được điều hướng bởi những nguyên lý Phật giáo phải nhắm đến việc làm cho thấm nhuần những giá trị cũng nhiều như việc truyền đạt thông tin. Nền giáo dục đó phải được quản lý, không chỉ để hướng đến việc phát triển những tài năng thương mại và xã hội, mà còn để nuôi dưỡng trong lòng người đi học những hạt giống cao thượng của tâm hồn.

Vì xã hội thế tục ngày nay ra điều kiện cho nền giáo dục có tính cách thế chế phải tập trung vào việc chuẩn bị cho sinh viên về nghề nghiệp của họ, ở những xứ Phật



giáo như Sri Lanka, nhiệm vụ chủ yếu về việc truyền bá những nguyên lý của Phật pháp cho sinh viên dĩ nhiên rơi vào những trường học của Phật giáo. Giáo dục Phật giáo trong những ngôi trường Phật học trước hết cần phải chú tâm đến việc chuyển hóa tính cách. Vì lẽ tính cách của một con người được đúc khuôn theo những giá trị, và những giá trị lại được truyền đạt bởi những lý tưởng đầy cảm hứng, nhiệm vụ đầu tiên mà những nhà giáo dục Phật giáo phải đối mặt là phải xác định những lý tưởng cho nền giáo dục của họ. Nếu chúng ta lần giở những bài giảng của Đức Phật để tìm kiếm những lý tưởng thích hợp với cuộc đời của một người Phật tử, chúng ta sẽ thấy năm đức tính mà Đức Phật thường nêu lên như là những dấu ấn tiêu chuẩn của một người đệ tử mẫu mực, cho dù đó là tăng sĩ hay cư sĩ. Năm đức tính đó là *niềm tin, đức hạnh, sự quảng đại, sự học tập, và trí tuệ*. Về năm đức tính đó, hai đức tính niềm tin và sự quảng đại chủ yếu có liên hệ với trái tim: chúng dính líu đến việc thuần hóa khía cạnh tình cảm của bản chất con người. Hai đức tính khác có liên hệ với tri thức là sự học tập và trí tuệ. Đức tính thứ hai, đức hạnh hay tư cách đạo đức, tham gia vào cả hai phần của nhân cách: ba giới đầu trong năm giới của người Phật tử - gồm không giết hại, không lấy của không cho, và không có quan hệ tình dục bừa bãi-kém chế mặt tình cảm; hai giới sau - không nói lời không thật và không sử dụng chất gây nghiện - giúp phát triển sự trong sáng và chân



thực, cần thiết cho việc nhận thức rõ chân lý. Như vậy, nền giáo dục Phật giáo nhắm đến một sự chuyển hóa song song cả về tính cách con người lẫn khả năng hiểu biết, duy trì cả hai trong sự cân bằng và bảo đảm cả hai đều được đưa đến thành tựu.

Toàn bộ hệ thống của giáo dục Phật giáo phải bắt rễ từ niềm tin, niềm tin vào Tam bảo, và trên hết là tin vào Đức Phật với tính cách là Bậc Toàn Giác, bậc Vô Thượng Sư, vị dẫn đạo tối cao về chánh mạng và chánh kiến. Dựa trên niềm tin ấy, người đi học phải được gợi cảm hứng để trở nên toàn hảo về đức hạnh bằng cách tuân theo những chỉ dẫn về đạo đức đã được thể hiện rõ bởi năm giới. Họ phải biết rõ về năm giới, để hiểu rõ những lý do cần phải tuân thủ những giới ấy, và để biết cách ứng dụng chúng ấy vào những hoàn cảnh khó khăn của đời sống con người hiện tại. Quan trọng nhất, họ cần phải đánh giá cao những đức tính tích cực mà những giới ấy biểu thị: sự tử tế, sự trung thực, sự thuần khiết, sự chân thành, và sự thanh thản của tâm hồn. Họ phải đạt được tinh thần của sự quảng đại và sự hy sinh, điều hết sức thiết yếu để vượt qua tính ích kỷ, sự tham lam, và thái độ hẹp hòi cứ chăm chăm vào việc thăng tiến cá nhân là điều vẫn ngự trị xã hội ngày nay. Cố gắng thành tựu lý tưởng của sự quảng đại là phát triển lòng từ và sự từ bỏ, những phẩm chất luôn luôn được duy trì ở Đức Phật trong suốt cuộc đời của Ngài. Phải học để biết rằng sự hợp tác là lớn lao hơn sự ganh đua; rằng sự hy sinh mang lại nhiều thành tựu hơn việc tự bành trướng tài sản, địa vị, quyền lực; và rằng hạnh phúc chân thực của chúng ta nên được thực hiện thông qua sự hòa hợp và thiện chí hơn là dựa vào sự lợi dụng và thống trị người khác.

Đức tính thứ tư và thứ năm tác động với nhau một cách chặt chẽ. Bởi học tập có nghĩa là thủ đắc một kiến

thức quảng bác về những kinh sách Phật giáo nhờ đọc rộng và nghiên cứu bền bỉ. Tuy nhiên, chỉ học tập không thôi thì không đủ. Kiến thức chỉ hoàn tất mục đích thích đáng của nó khi nó được sử dụng như một điểm tựa của trí tuệ, hướng sự nội quán cá nhân vào chân lý của Giáo Pháp. Tất nhiên, trí tuệ cao, nghĩa là sự thành tựu Bát Thánh Đạo, không thuộc về phạm vi của trường học Phật giáo. Trí tuệ này phải được sản sinh bởi việc rèn luyện tâm thức có phương pháp trong các pháp Chỉ và Quán, đôi cánh của thiền định Phật giáo. Nhưng nền giáo dục Phật giáo có thể đi xa hơn trong việc tạo ra một nền tảng cho việc thành tựu trí tuệ ấy bằng cách làm rõ những nguyên lý phải được xuyên thấu nhờ nội quán. Trong nhiệm vụ này, sự học tập và trí tuệ gắn bó với nhau một cách chặt chẽ, việc trước là cơ sở của trạng thái sau. Trí tuệ xuất hiện nhờ việc thực hiện một cách có hệ thống những ý niệm và nguyên lý đã được học thông qua việc nghiên cứu sâu vào kết cấu của tâm thức, là điều đòi hỏi tư duy sâu sắc, thảo luận thông minh, và truy tầm kỹ lưỡng.

Chính trí tuệ là điều mà Đức Phật đã nêu ra như là công cụ trực tiếp của sự giải thoát tối hậu, như là chìa khóa mở ra cánh cửa của sự Bất Tử, và cũng như là người chỉ đường không thể sai lầm để đạt đến thành công trong việc chấp nhận những thách thức của cuộc sống thế tục. Như vậy, trí tuệ là đỉnh điểm cao nhất của toàn bộ hệ thống của nền giáo dục Phật giáo, toàn bộ những biện pháp khởi đầu trong hệ thống giáo dục Phật giáo phải ăn khớp với nhau để hướng đến sự nảy nở trí tuệ tối cao đó. Chính là với biện pháp này mà nền giáo dục đạt tới sự hoàn thiện, trở nên rạng rỡ trong ý nghĩa sâu sắc nhất và chân thật nhất, như đã được Đức Phật tuyên bố vào đêm mà Ngài đạt sự Chứng Ngộ, “*Đã xuất hiện trong Ta liễu kiến, liễu tri, trí tuệ, liễu hội, và sự quang minh*”. ■

Ta dạy đàn bảy dây

TÁN NGHĨA

Chuyện tiền thân Guttilla (Jat. 2, 48) kể lại về lợi ích của những hành động tốt nhỏ nhặt.

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo Sư đã kể lại về Đê-bà-đạt-đa. Lúc bấy giờ các Tỷ-kheo nói với Đê-bà-đạt-đa, 'Bậc Chánh Đẳng Giác học thông ba tạng giáo điển, chứng được bốn thiên. Thật không xứng đáng nếu hiền giả trở thành kẻ thù của bậc sư trưởng!'. 'Này các Hiền giả, Sa môn Gotama đâu có phải là sư trưởng của ta. Chính do tự lực của ta, ta học ba tạng giáo điển và chứng được bốn thiên'. Nói vậy xong, Đê-bà-đạt-đa từ bỏ bậc sư trưởng...

Đê-bà-đạt-đa (Devadatta) là em họ của Đức Phật. Các chuyện tiền thân kể lại rằng trong nhiều kiếp sống, hai người đã từng là bạn bè, cha con, anh em, thầy trò... Cũng có khi Bồ-tát (tức là tiền thân Đức Phật) tái sinh làm các con vật như voi, khỉ,... Cùng lúc Đê-bà-đạt-đa tái sinh làm thợ săn. Trong các kiếp sống đó, Đê-bà-đạt-đa luôn luôn chống lại Bồ-tát. Qua chuyện này có thể thấy được rằng: hai người kinh chống nhau thì trong các đời trước có thể đã là cha con, anh em của nhau. Truyện cổ Việt Nam cũng kể lại câu chuyện một người tái sinh làm đứa con để báo thù (xem "sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông"). Vì thế, mọi hành động trả đũa do tức tối, giận dữ coi chừng trúng phải người thân của mình trong kiếp xa xưa.

Khi được biết vấn đề đang luận bàn, bậc Đạo Sư nói: 'Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Đê-bà-đạt-đa mới từ bỏ sư trưởng, trở thành kẻ thù của Ta và gặp nạn. Thuở trước nó cũng bị nạn như vậy rồi!'. Nói xong, bậc Đạo Sư kể lại câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi vua Bramadatta trị vì xứ Ba-la-nại, Bồ-tát sinh vào một gia đình nhạc sĩ và được đặt tên là Thanh niên Gattita, khi lớn lên, Bồ-tát học thành đạt các học nghệ âm nhạc, trở thành vị nhạc sĩ Guttilla. Bồ-tát không lấy vợ, nuôi dưỡng cha mẹ mù lòa.

Trong nhiều câu chuyện tiền thân, Bồ-tát không lập gia đình, chịu ở vậy nuôi dưỡng cha mẹ già. Khi lập gia đình, nếu gặp người vợ tốt, chịu chung sống, đối xử tốt với cha mẹ chồng, chia sẻ mọi nỗi lo của chồng, thì đó là điều quá hạnh phúc. Tuy nhiên, cũng có nhiều trường hợp, người vợ không hòa đồng với nhà chồng. Khi đó, người chồng sẽ phải sống hai cuộc sống: lo cho vợ con riêng rẽ và lo cho cha mẹ riêng rẽ. Người vợ

không chia sẻ nỗi niềm của chồng, lúc đó có thể so bì: "Sao lo cho cha mẹ anh nhiều quá dzậy, còn tôi thì sao, gia đình tôi thì sao?". Ông bố chồng lúc đó có thể buông một câu: "Nó chỉ biết lo cho vợ, chẳng biết gì đến cha mẹ già". Tinh thể này thật là tiến thoái lưỡng nan. Vì thế, nếu không tìm được người phù hợp, thì một người có trí như Bồ-tát đành "không lấy vợ, nuôi dưỡng cha mẹ mù lòa".

Lúc bấy giờ, một số người buôn bán, sống ở Ba-la-nại đi đến Ujjeli để buôn bán. Nhân ngày lễ được tổ chức, họ mang vòng hoa, hương thơm, hương sáp, các thức ăn, tụ hội lại một chỗ để vui chơi. Họ bàn nhau: 'hãy thuê một nhạc sĩ đến'. Lúc bấy giờ nhạc sĩ Musila là vị nhạc trưởng ở Ujjeni. Họ mời Musila. Nhạc sĩ vận dây đàn tỳ bà rất căng rồi gảy đàn. Không một ai tỏ vẻ hài lòng. Musila nghĩ rằng, có lẽ ta chơi đàn căng thẳng quá, nên cho vận xuống bậc trung và gảy tiếp. Người nghe vẫn tỏ vẻ thản nhiên. Musila suy nghĩ, những người này chẳng biết thưởng thức gì cả. Làm như vô ý, Musila gảy đàn với dây hết sức chùng. Đến đây, họ cũng chẳng nói gì cả. Musila nói:

'Này các thương nhân, tôi gảy đàn tỳ bà không làm các ông thích thú sao?'

'Nhưng ông gảy đàn tỳ bà đó sao? Chúng tôi tưởng ông chỉ lên dây đàn!'

'Vậy các ông biết một sư trưởng giỏi nhạc hơn tôi hay vì các ông không biết gì nên không thích thú?'

'Chúng tôi trước đây có nghe tiếng tỳ bà của nhạc sĩ Guttilla ở Ba-la-nại. Tiếng đàn của ông chẳng khác gì tiếng bà mẹ ru con nít!'

'Vậy tôi trả lại tiền cho các ông. Tôi không cần số tiền ấy. Khi nào các ông đi Ba-la-nại hãy cho tôi đi theo!'

Ai có một cái tài cũng thường muốn trở tài. Người trở tài thì muốn được tán thưởng. Nhạc sĩ Musila trở tài nhưng lại không được tán thưởng. Musila cảm thấy tự ái.

Mọi người bằng lòng và khi họ đi, họ mang theo Musila đến Ba-la-nại, chỉ cho biết nhà của nhạc sĩ Guttilla. Musila đi vào nhà của Bồ-tát, thấy cây đàn tỳ bà treo trên dây, lấy xuống và đánh đàn. Cha mẹ Bồ-tát, vì mù không thấy Musila, nghĩ rằng: có lẽ các con chuột đang ăn dây đàn tỳ bà, liền nói: 'suyt suyt, các con chuột ăn đàn tỳ bà!'

Qua câu chuyện, ta cũng có thể thấy câu nói dân gian "không thấy đổ mỳ làm nên". Musila là nhạc trưởng ở Ujjeli, vậy mà hết bị chê là "lên dây đàn," "chuột gặm dây

đàn”, đủ biết là trình độ âm nhạc của Guttila cao tới cỡ nào. Chính vì thế mà Musila muốn học với sư trưởng Guttila.

Lúc ấy Musila đặt đàn xuống, kính chào cha mẹ Bồ-tát. Đại Bồ-tát về, Musila xin học với Bồ-tát. Là người biết xem tướng, biết Musila không phải bậc chân nhân, Bồ-tát liền từ chối, ‘này con, nghề này không phải là nghề của con’, Musila năn nỉ cha mẹ Bồ-tát. Nể lời cha mẹ, Bồ-tát nhận dạy cho Musila nghề nhạc và giới thiệu anh ta với nhà vua. Bồ-tát không phải là người giấu nghề, ngài dạy Musila tất cả những gì mình biết.

Vì không có gia đình nên Musila được đối xử như là con trai của nhạc sĩ Guttila. Bồ-tát dạy Musila về nghề

đàn và tạo cả mối quan hệ với nhà vua cho Musila.

Khi học xong, Musila nghĩ: ‘Nay ta học thành nghề xong. Thành Ba-la-nại này là thành tối thượng trong cõi Diêm-phù-đề. Sư trưởng đã già. Ta hãy sống tại đây’.

Câu chuyện này cũng thường xảy ra và thường có tên là “chảy máu chất xám”. Một người tài năng thường được chăm chút đào tạo, thầy cô, xã hội đổ công sức vào nhiều. Khi người đó không có tiền đi học sẽ có mạnh thường quân cho tiền đi học. Người tài năng thường gây ra sự kỳ vọng cao trong tâm lý của thầy cô. Khi có học bổng đi nước ngoài, được học với điều kiện thoải mái hơn, trình độ cao hơn, dần dần muốn ở lại nước đó. Cách đây mười năm, khi được hỏi “vì sao anh (hay chị) lại chọn ở nước ngoài”, câu trả lời thường là “vì trong nước tài liệu không có, không thể học tập nghiên cứu được”. Ngày nay, điều kiện tài liệu bắt đầu dễ dàng, muốn có một tài liệu mới chỉ cần liên lạc e-mail là sẽ có người gửi về. Lý do này trở thành không đúng nữa. Gần đây, có nhiều người trả lời khác: “vì mức lương quá thấp, không đủ sống”. Câu trả lời ấy thành thực hơn.

Anh ta liền thưa với sư trưởng:

- Thưa sư trưởng, nay con sẽ xin hầu vua.

- Lành thay, con thân, ta sẽ tâu với vua.

Bồ-tát đi tâu với vua:

- Đệ tử của thần muốn hầu hạ vua. Hãy trả tiền lương cho nó.

- Nó sẽ nhận được phân nửa lương của khanh.

Người mới ra trường quan tâm rất nhiều đến vấn đề lương. Khi đi phỏng vấn xin việc, luôn luôn lo lắng: nếu ra mức lương quá cao sẽ bị từ chối, nếu ra mức lương thấp thì sẽ “bị đánh giá”: chắc trình độ “yếu” nên chọn mức lương thấp. Thật ra, mức lương cao hay thấp không phải do trình độ mà do sự đóng góp cho công ty nhiều hay ít. Vì thế, lúc đầu người mới tốt nghiệp cũng đừng lo lắng thái quá. Quan trọng là có tự tin vào năng lực làm việc để đóng góp cho công ty hay không. Còn theo lý thuyết nhân quả thì mọi việc tốt ta làm cuối cùng ta sẽ được hưởng. Nếu ta làm tốt mà lương bị thấp thì cái quả tốt vẫn còn đó. Cái quả ấy chính là năng lực làm việc, các mối quan hệ. Nó sẽ giúp ta có kết quả tốt về sau.

Sư trưởng liền báo cho Musila. Musila nói: Nếu con được trả tiền bằng lương của thầy con sẽ hầu hạ vua. Nếu không được con sẽ không hầu hạ! Vì sao? Phải chăng con biết tất cả về nghề như sư trưởng? Phải, con biết như vậy, tại sao vua cho con phân nửa lương. Bồ-tát tâu lại với vua. Vua nói: Nếu nó có thể chứng tỏ nghề nó bằng khanh, nó sẽ nhận lương ngang bằng. Bồ-tát tin cho Musila biết. Musila nói: Lành thay! Con sẽ trở tài! Khi vua được biết Musila nhận lời bèn gọi Musila vào nói:

- Lành thay! Ngày nào người sẽ trở tài?

- Tâu Đại vương, từ nay cho đến ngày thứ bảy.

- Có thật chẳng người sẽ thi tài với sư trưởng?

- Thưa Đại vương, thật vậy.

- Không nên có sự cạnh tranh với sư trưởng! Chớ có làm như vậy.



- Thưa Đại vương, đến ngày thứ bảy sẽ có cuộc thử tài giữa thần và sư trưởng của thần. Chúng ta sẽ biết ai là người có tài hơn!

Nhà vua cảm mãi mà không được. Nếu chờ đợi một thời gian nữa, khi Guttila không còn làm việc nữa thì vị trí đó chắc chắn sẽ thuộc về Musila. Tuy nhiên, Musila lại mong muốn vị trí của nhạc sĩ Guttila ngay lập tức.

Bồ-tát suy nghĩ: Musila này còn trẻ trung. Còn ta đã già, sức mạnh yếu kém. Việc làm của người già không thể thành công. Nếu bị thất bại thì không có gì tốt đẹp cả. Nhưng nếu đệ tử thắng cuộc thì vào rừng mà chết tốt hơn là sự ô nhục mà ta phải gánh chịu.

Bồ-tát đã truyền hết nghề cho đệ tử. Bây giờ thì tài thì không chắc gì thắng vì Musila có sức trẻ. Nếu Bồ-tát thắng thì mọi người đều thấy bình thường. Nếu thua thì quả là không thể chịu đựng nổi.

Bồ-tát đi vào rừng, nhưng rồi sợ chết lại quay về. Rồi lại sợ hổ nhục lại đi vào rừng. Như vậy Bồ-tát đi đi về về trong sáu ngày. Cỏ dưới chân Bồ-tát tạo thành một con đường mòn.

Muốn tự tử nhưng lúc chuẩn bị tự tử lại sợ chết. Con người bình thường ai cũng thế. Bồ-tát không thể giải quyết được mối đau khổ to lớn này.

Trong sát-na ấy, chỗ ngồi của Đế-thích bị nóng lên. Đế-thích hướng tâm tìm hiểu và biết được sự việc xảy ra. Đế-thích suy nghĩ: Nhạc sĩ Guttila đau khổ lớn trong rừng vì người đệ tử. Ta phải giúp ông ta. Đế-thích đi đến rất nhanh trước Bồ-tát và hỏi

- Thưa sư trưởng, sao sư trưởng lại đi vào rừng?

- Ông là ai?

- Tôi là Đế-thích.

- Thưa Thiên chủ, tôi sợ bị đệ tử đánh bại nên đi vào rừng.

- Chớ có sợ. Ta là chỗ ẩn nấu cho người. Khi ông gảy đàn tỳ bà hãy cắt đứt một dây và chơi với sáu dây. Tiếng đàn tỳ bà của ông vẫn hay như cũ. Musila cũng sẽ cắt đứt một dây nhưng tiếng tỳ bà của nó sẽ mất đi. Khi ấy nó sẽ thua cuộc. Biết nó đã thất bại ông hãy cắt dây thứ hai, dây thứ ba, dây thứ tư, dây thứ năm, dây thứ sáu, dây thứ bảy. Bạn sẽ gảy đàn với cái trục đàn mà thôi. Tiếng đàn sẽ phát ra từ nơi đầu dây bị đứt bao trùm toàn thành Ba-la-nại.

Đế-thích cai quản cõi trời. Khi một người tốt bị khổ sở, tai nạn, Đế-thích không thể ngồi yên. Và vị vua cõi trời đã giúp cho nhạc sĩ Guttila. Với chiến thuật của Đế-thích, dĩ nhiên Musila phải thua cuộc.

Khi Musila thua cuộc, vua ra dấu cho quân chúng. Quân chúng đứng dậy la to: Người muốn đánh bại sư trưởng. Người phản thần phản bạn. Ta làm bằng thầy ta! Người không biết tự lượng sức mình. Chúng đánh Musila với gậy, đá,... với bất cứ thứ gì cầm trong tay, giết anh ta và quăng trên đồng rác. Vua hoan hỷ bằng lòng cho Bồ-tát một cơn mưa tài sản. Đế-thích mời nhạc sĩ Guttila lên thăm cõi trời của ngài.

Khi Bồ-tát đến, Đế-thích hoan hỷ chào đón Bồ-tát

- Thưa sư trưởng, thiên nữ muốn nghe nhạc của sư trưởng!

- Chúng tôi là nhạc sĩ, nương tựa nghề để sống. Hãy trả công và tôi sẽ chơi nhạc.

- Hãy chơi nhạc, tôi sẽ trả tiền cho ngài.

- Tôi không cần tiền gì cả. Hãy để các thiên nữ này nói lên thiện nghiệp của họ rồi tôi sẽ chơi nhạc.

Theo lý thuyết nhân quả, các thiên nữ phải làm điều gì đó tốt đẹp mới được tái sinh vào cõi trời này. Nhạc sĩ rất thắc mắc, ông không biết các thiên nữ này làm điều gì. Và ông để nghị họ nói ra cho ông nghe, xem như một cách trả công. Bài học này quý giá hơn tiền bạc vì nó sẽ là nguồn gốc của các hành vi đem lại nhiều hạnh phúc cho người thực hiện.

Các thiên nữ thua với Bồ-tát: Sau khi được nghe thoải mái, chúng con sẽ nói lên các thiện nghiệp chúng con đã làm. Thưa sư trưởng, ngài hãy đánh nhạc đi. Bồ-tát đánh nhạc trong bảy ngày và nhạc của Bồ-tát vượt hơn nhạc của cõi trời. Đến ngày thứ bảy trở đi Bồ-tát hỏi các thiên nữ về thiện nghiệp của họ. Một thiên nữ, trong thời Đức Phật Ca-diếp đã cúng một thượng y cho một tỷ-kheo. Sau khi sanh làm thị giả cho Đế-thích, nàng trở thành một thiên nữ có một ngàn thiên nữ khác hầu hạ... Một thiên nữ khác cúng dường hoa cho một tỷ-kheo đang đi khát thực. Một thiên nữ khác đã cúng dường hương cho điện thờ Phật Ca-diếp. Một thiên nữ khác cúng dường thức ăn đặc biệt. Một thiên nữ khác đã nghe pháp từ các tỷ-kheo. Một thiên nữ khác đứng trong nước cúng dường cho một tỷ-kheo ăn bữa ăn trên một chiếc thuyền. Một thiên nữ khác sống trong gia đình đã hầu hạ mẹ chồng, cha chồng, không bao giờ tức giận. Một thiên nữ khác chia phần món ăn mình cho người khác. Một thiên nữ là nữ tỳ trong một gia đình, không phẫn nộ, không kiêu mạn nên đã sanh thành người hầu cận cho vị thiên chủ.

Chỉ làm các việc tốt nhỏ nhặt cũng đủ để tái sinh lên cõi trời. Đó là bài học mà Bồ-tát đã được nghe. Có người khi nói cần phải "tránh ác làm lành" cứ nghĩ rằng việc "làm lành" ấy chắc phải là cái gì to lớn lắm. Tuy nhiên, Phật học nhấn mạnh rằng có thể làm những điều lành rất nhỏ nhặt, nếu tích lũy những điều như vậy cũng có thể mang lại lợi ích to lớn.

Bồ-tát đã hỏi tất cả là ba mươi bảy thiên nữ. Nghe họ kể, Bồ-tát nói: Ta đã đến đây và đã được nghe các thành tích đạt được với các thiện nghiệp nhỏ nhặt. Từ nay trở đi, ta sẽ đi trong thế giới loài người, làm các thiện nghiệp như bố thí,... Nói vậy xong, Bồ-tát thốt lên cảm hứng:

Hôm nay ta may mắn

Rạng đông khởi tốt lành

Ta được thấy thiên nữ

Đẹp đẽ và duyên dáng

Ta nghe pháp họ nói!

Ta sẽ làm điều thiện

Bố thí và đồng sự

Tự chế và khắc kỷ

Ta sẽ đến tại đây

Tại chỗ không sâu muộn.

Đức Phật thuyết pháp thoại này xong, cho biết: Lúc bấy giờ Musila là Đế-bà-đạt-đa, Đế-thích là A-nậu-đa-la. Vua là A-nan và nhạc sĩ Guttila là Ta. ■



Chào buổi sáng tinh mơ

MICHAEL CARROLL
DIỆU LIÊN LÝ THU LINH dịch

Nhân loại khắp nơi trên thế giới mỗi sáng thức dậy, lặng lẽ chuẩn bị công việc làm. Người nông dân suy nghĩ về thời gian gặt hái trên con đường quen thuộc ông đi mỗi sáng; người mẹ lặng lẽ soạn quần áo cho các con chuẩn bị đến trường chỉ ít phút trước khi chúng thức dậy; bác tài xế xe tải vừa uống tách cà phê vừa thử bánh xe và các dây chằng; anh nhân viên ngân hàng hít sâu vào ngực hơi sương trên bờ sông khi chạy bộ lúc rạng đông. Buổi sáng mang đến cho hầu hết chúng ta những giây phút tĩnh lặng trước khi bắt đầu một ngày, thời gian mà thiên nhiên dành cho ta để cảm nhận mạch sống của cuộc đời và quán tưởng đến một ngày làm việc trước mắt.

Trong cái tĩnh lặng của buổi sáng sớm, tự nhiên chúng ta cảm thấy thật thư thái. Chỉ trong khoảnh khắc đó, chúng ta mới có thể để cho cuộc sống của mình được thông thoáng. Tắm táp, thay áo quần, nháp tách trà, thả bộ đến trạm xe buýt, tắt cả là những thói quen đơn giản, lặng lẽ, đằm thắm và sáng khoái. Chúng ta

một mình trong những khoảnh khắc đó, dẫu ngăn ngủ đến đâu; chỉ có ta, với cuộc sống thêm lần nữa khai mở. Một ngày trước mắt có thể giao cho ta bao trách nhiệm nặng nề, như là điều hành cơ quan chính phủ hay một lớp học; chúng ta có thể có một số công việc nhất định phải hoàn thành, như là chữa trị một trái tim đau hay một cây cầu bị hư hoại. Nhưng trước khi ta lại bắt đầu tất cả những công việc ấy, chúng ta chỉ 'mình ta với ta', vì thế hãy tử tế với bản thân bằng một cung cách đơn giản nào đó.

Trong nhịp độ vội vã của mình, chúng ta có thể lướt qua những khoảnh khắc bình thường, lặng lẽ như thế. Có thể là vì gia đình chín người của ta chỉ có một phòng vệ sinh, nên cả buổi sáng chúng ta phải hối thúc nhau vội vã. Có thể vì ta thích ngủ muộn, nên chỉ còn đủ thì giờ để phóng như điên đến trạm xe buýt hay xe đi chung với bạn. Phải đưa con đến trường, phải kiểm thư điện tử, và di động reo vang ngay cả trước khi chúng ta bước được ra khỏi nhà. Các nhu cầu cấp bách này có thể chiếm lĩnh khoảng thời gian yên tĩnh trong buổi



sáng của ta, cướp đi khoảnh khắc riêng tư của thói quen, thả ta vào một ngày làm việc đầy vội vã và lo âu. Nhưng ngay đến như thế, ngay cả khi sự hỗn loạn dường như quá lớn, xâm lấn, đe dọa, thì những buổi sáng tinh mơ cũng vẫn đeo đẳng ta, khuyến dụ ta hãy chậm bước, hãy buông thư dẫu chỉ trong giây lát.

Biết đón nhận sự riêng tư của những thói quen ban sáng khích lệ ta chấp nhận lời mời gọi của buổi sáng để kéo dài khoảnh khắc yên tĩnh và để cho không gian dịu êm được ghé vào cuộc đời ta. Chúng ta có thể coi các thói quen buổi sáng như là sự thực tập hằng ngày, một khoảng thời gian cốt yếu dành cho sự quán chiếu tâm linh và thiền định. Hành thiền buổi sáng là cách dành thời gian tôn kính Phật để bày tỏ sự tôn trọng bản thân và cuộc sống. Mỗi sáng, trong những gia đình hay cộng đồng Phật tử trên khắp thế giới, một ngày bắt đầu với một thời thiền. Đền nhang trên bàn thờ được thắp sáng. Trà được dâng. Có người tụng Tâm Kinh, người khác thì chỉ ngồi thiền. Khắp Tây Tạng, trước khi bắt tay vào những công việc lao động hằng ngày trong đời,

đàn ông, đàn bà, trẻ con đều trở dậy lúc rạng đông để đi nhiều quanh các bảo tháp hay chùa trong vùng, nhẹ nhàng đọc các câu chú và quán chiếu về ý nghĩa cuộc đời. Các công viên ở những khu phố Tàu trên khắp nước Mỹ là những thánh đường vào buổi sáng cho hàng ngàn người đến tập Thái cực quyền. Các vị thiền sư Nhật Bản bắt đầu một ngày vào lúc bốn giờ sáng để hành thiền và dùng điểm tâm lặng lẽ bên những cái chén (oryoki) của họ. Dẫu chúng ta chọn ngồi thiền mỗi buổi sáng, hoặc uống ly cà phê một cách chánh niệm, hay bắt đầu một ngày bằng những hoạt động nhẹ nhàng, với chủ tâm hàm ân cuộc sống... thì đó đều là những thiện hạnh thật hoàn hảo.

Biết hàn hoan đón chào sự riêng tư của các thói quen buổi sáng, chúng ta bắt đầu một ngày với sự tự tin cơ bản: rằng chúng ta hoàn toàn thoải mái với việc là chính mình, như mình đang là. Buổi sáng với các thói quen lặng lẽ, có thể làm chúng ta cảm thấy cô đơn mà chân chất, đơn giản, âm thầm mà tinh giác và tươi mát. Đó là sự riêng tư mà chúng ta trân quý: chúng ta tự bằng lòng với chính con người mình trong khoảnh khắc ngắn ngủi, hoàn toàn tự tin ở chính mình. Chúng ta không cần phải vội vã lướt qua những giây phút đó, không cần phải nuốt vội bữa điểm tâm hay khiến tâm lo ra với những thông tin cập nhật trên đài phát thanh.

Chúng ta có thể dừng lại và hoàn toàn hàm ân rằng mình đang sống ngay giây phút này, ngay nơi chốn đó. Biết hàm ân sự riêng tư của các thói quen buổi sáng có nghĩa là sự trải nghiệm về việc ta là ai trong cái tĩnh lặng của buổi bình minh – trước khi ta gấp rút, trước khi ta bắt đầu một ngày bận rộn – cho phép ta được thoáng nhận ra bản chất xác thực cơ bản của mình, một khoảnh khắc riêng tư của chỉ việc được hiện hữu. Chúng ta có thể là người điều hành Liên Hiệp Quốc hay chỉ là người bán nước rong; chúng ta có thể là một nghệ sĩ nổi tiếng hay chỉ là người thu tiền tại các trạm thuế lưu hành, nhưng rút lại tất cả chúng ta *trước tiên* phải hoàn toàn là con người. Và ngay chính đây, trong buổi sáng, mà chúng ta lại bắt đầu mọi thứ một lần nữa.

Theo *Awake At Work*, NXB Shambhala

Trong sự nghiệp kinh doanh 25 năm, Michael Carroll đã giữ các chức vụ điều hành ở nhiều công ty như American Express, Simon & Schuster và Walt Disney, tư vấn và tham gia huấn luyện về kinh doanh thương mại cho các công ty như Procter & Gamble, Starbucks, AstraZeneca...

Michael nghiên cứu về Phật giáo Tây Tạng từ năm 1976, hoàn tất chương trình Phật học năm 1982, và là một giáo thọ được truyền thừa trong dòng thiền của thiền sư Tây Tạng Chogyam Trunpa.

Michael dạy về Thiền Chánh niệm ở Columbia University, St. Mary University, Swarthmore College, Zen Mountain Monastery (Tu viện Thiền Sơn) và nhiều trung tâm tu học khác ở khắp Âu châu và Bắc Mỹ. ■



Chốn bình yên

Bạn bè hay trêu chọc tôi về chuyện đến chùa, bảo rằng tôi lên núi, đến nổi mỗi khi cần gặp nhau lại nhắn, “sắp xuống núi chưa?”. Chẳng là, chùa tôi trên núi mà.

Nếu có dịp nào đó bạn hãy đến Vũng Tàu, đi vòng quanh thành phố, xuống biển đùa vui cùng với sóng nước, mặc sức vẫy vùng cho thỏa rồi rón rén chờ hoàng hôn xuống, ngắm mặt trời vẫy tay tạm biệt, nhìn bao la chìm dần trong chiều tím để thấy lòng luyến tiếc một điều gì thật mơ hồ, lạ lẫm... Khi nào chán chuyện sóng nước, bạn hãy một lần thông thả đi về với núi. Vũng Tàu thật tuyệt vời vì là thành phố có biển và núi ôm ấp, chở che đầy bạn ạ! Và bạn hãy đi về hướng núi Tương Kỳ, rặng núi mà dân Vũng Tàu thường gọi bằng cái tên tượng hình, dễ nhớ là “Núi Lớn”, vượt qua một con đường thoai thoải, chùa cao lắm đâu, bạn sẽ thấy một ngã rẽ bên phải, lên cao hơn, đường lên chùa... tôi đấy, Thiền viện Chơn Không thân thương, chốn bình yên của tôi...

Thực sự mà nói, tôi chỉ biết chùa khoảng mười sáu năm nay thôi, trong khi chùa đã có mặt ở Vũng Tàu từ lâu lắm rồi, từ thuở Thầy tôi còn trẻ, từ khi dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử mới vừa được hồi sinh. Theo dòng vô thường biến đổi, duyên thuận rồi duyên nghịch, mãi đến sau này chùa mới được xây dựng lại đẹp đẽ, khang trang như hiện giờ. Như một duyên lành, trong những năm tháng lao đao với những phiền muộn, âu lo của kiếp người, tình cờ tôi đến chùa như lệ thường, nhưng hôm ấy vì muộn quá, chư Ni đang tập trung lễ Phật, sám hối ở chánh điện, tôi không

dám vào thắp hương nên ngồi đợi bên ngoài. Chính trong lúc này tôi ngỡ ngàng vì hình ảnh ấm áp bên trong. Dưới ánh sáng đèn, tượng Bồ Tát màu nhu vàng óng ánh với gương mặt từ bi đang an nhiên tọa thiền, bên dưới chư Ni đấp y vàng thành kính lễ lạy. Tiếng tụng kinh trầm ấm, khoan thai theo tiếng khánh, tiếng mõ và tiếng chuông ngân nga, ngân nga... hoàng hôn dần buông, núi non bắt đầu mờ trong bóng tối trầm mặc... không gian tĩnh lặng, mọi vật như đang thả hồn theo lời kinh chiếu sâu lắng. Bỗng nhiên tôi thấy tôi đang trôi, đang trôi trong một cảm giác lạ lùng... tôi nghe nỗi buồn của mình, tôi thấy rõ ràng tôi hư ảo, tôi thoát nhiên thấy mọi sự xảy đến cho mình, nhấn chìm mình trong những nỗi buồn chán, thất vọng bỗng chốc chẳng là gì cả... tôi chợt thấy nước mắt chan hòa trên mặt mình nhưng trong lòng tôi một nỗi hân hoan mới mẻ, tôi không thể hiểu và không lý giải được tại sao. Kể từ hôm ấy, tôi hoạch định cho mình một bước ngoặt mới trong đời, dù khó khăn, bận rộn đến đâu tôi cũng sẽ phải dành một khoảng thời gian nhất định về chùa thường xuyên hơn. Tôi tìm kinh sách giảng dạy về Phật pháp của Thầy tôi để xem, tất cả những lời giải đáp thật thấu đáo và đầy thuyết phục khiến tôi như trở thành một con người khác, tôi thấy cuộc sống dễ dàng hơn, tôi thôi không tuyệt vọng, tôi mở lòng ra với mọi người, ngay cả với những người đã từng gieo cho tôi bao nỗi khổ đau, tôi chưa thương được họ như lời Thầy dạy nhưng tôi không còn nhìn họ bằng cái tâm oán hận nữa, tôi nhìn họ thật bình thường nhờ vậy tôi không còn cảm



Ảnh: **Quảng Tâm**

CHƠN HIỀN

giác oán hận, khổ đau tự dần vật mình vì những câu hỏi "tại sao". Chẳng hạn, tại sao ta tốt với họ mà họ nở lòng đối xử với ta như thế? Tại sao và tại sao. Tôi chấp nhận những nghịch cảnh đến với mình, thành tâm sám hối với Đức Phật mỗi khi đến chùa và hằng đêm trước bàn thờ

ở nhà. Bỗng nhiên tôi thấy tôi thật bình an, và can đảm đối mặt với tất cả nghịch duyên xảy đến... dù đôi lúc tôi cũng chơi vơi, hụt hẫng nhưng rồi tôi đã vượt lên, không như ngày xưa chỉ chìm sâu và mê đắm trong nỗi đau của chính mình, lúc nào cũng chỉ thấy trước mắt là hố sâu và thành trì đen tối. Bạn bè, người quen bảo dạo này thấy tôi hay cười, hay đùa không như ngày trước cứ lặng lẽ, nhìn khó đăm đăm... Cuộc sống của tôi vẫn thế, vẫn như xưa, vẫn phải vất vả lo cho gia đình, con cái và đối mặt với khó khăn có khác gì đâu, nhưng thật lạ, tôi như bình tĩnh, sáng suốt hơn, xoay chuyển mọi vấn đề với một tâm an nhiên không cưỡng quýt, hốt hoảng như trước và với cái tâm ấy tôi thấy hình như chướng duyên dần dần buông tay không siết tôi như xưa nữa. Qua bao năm tháng truan chuyên, mọi sự buồn vui đến với tôi như có một bàn tay vô hình sắp xếp, những nỗi đau tưởng chừng như không thể phơi pha dần với... lý sắc không giúp tôi vững vàng đối mặt với chính mình. Quả Phật pháp nhiệm mầu là đây, chẳng phải thần thông biến hóa chi cả mà còn hơn cả thần thông giữa đời tôi... Với tôi bây giờ, những phút giây được về đây, đứng trên mái chùa thân thương nhìn xuống bao la phố xá xô xao dưới kia, bao giờ tôi cũng thấy mình vô vàn hạnh phúc. Không gian thanh tịnh, bình yên của thiền viện như một lực hút mạnh mẽ, vô hình không nhìn thấy được nhưng buộc tôi thật chặt chẽ, cơ hồ càng lúc càng chắc chắn, cho tôi luôn sống trong một cõi thật bình yên... Tôi mong sao một ngày nào thật gần bạn cũng sẽ được như tôi, hạnh phúc lắm, bạn có biết không? Hãy đến, và cùng nhận chân sự bình yên mà ai cũng có, thế mà ta cứ mãi loay hoay khổ công tìm kiếm... hơi bạn của tôi, đừng hỏi tôi "sao hay lên... nui?". ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2012

Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc , NS. Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm , Vina Giấy	: 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 37 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib , Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải , Chùa Báo Ân	: 12 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc , Q. BT	: 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 8 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2012, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan	: 5 cuốn/kỳ	BBT Viện khongtu.com	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng , CTCP. ThaiHa Books	: 5 cuốn/kỳ	CT TNHH SXTM	
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ	Nén Hạnh Phúc , Q. BT	: 2 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh , Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản , USA	: 5 cuốn/kỳ	CTy TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ	Cô Diệp Anh và Chị Ngân	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 7 cuốn/kỳ	Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ	Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 4 cuốn/kỳ	Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ	Thầy Hạnh Thông , TCFH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ	CTy Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ	Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ		
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ		
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ		
Chị Tuyền , CT TNHH Cơ khí Mè Linh	: 2 cuốn/kỳ	Tổng số báo tặng kỳ này:	483 cuốn
Bà Kim Anh , Q. 2	: 2 cuốn/kỳ	Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: Tòa soạn , Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335 .	
Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ	Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn	

Ban Biên tập



Ảnh: Phạm Văn Phúc

Bồ-tát Hạnh

PHAN MINH ĐỨC

Từ ngày thầy Tâm đi, xóm tôi cứ như thiếu vắng hẳn một cái gì đó. Tiếng chuông chùa khi trẻ khi sớm, khi có khi không làm cho đời sống tinh thần người dân trở nên hệt hăng; mấy đứa trẻ không còn phấn khởi ôn giáo lý ríu rít như học bài vở ở trường, mấy bà mấy cô không còn siêng năng đến chùa tụng kinh mỗi tối, còn bọn đàn ông chúng tôi thì không có người “đằm đạo” sau một ngày làm việc mệt nhọc.

Còn nhớ ngày thầy Tâm mới về, cả xóm tôi không ai có thiện cảm với thầy. Bởi xóm tôi là cái xóm đã quen ăn nói lỗ mãng, lấm lúc cũng “hạ căng tay, thượng căng chân”, mỗi khi nghe một ai nói chuyện đạo lý là chúng tôi ghét lắm. Trong làng chúng tôi có duy nhất chùa Huệ Đăng này, nhưng người ở đây ít ai lui tới. Thế rồi thầy Tâm về, thầy chỉ ở tám tháng thôi mà mọi điều như thay đổi hẳn.

Lần đầu gặp thầy Tâm đang nhỏ cỏ trước sân chùa, tôi không khỏi có cái nhìn khinh thị: “Người gì ốm tong như cây củi, nếu không vào chùa gõ mõ tụng kinh thì có thể làm gì cho xã hội”. Tôi đã nghĩ về thầy như thế, còn xóm tôi ai cũng khinh khinh: “Nuôi ông thầy chùa này chỉ tổ tốn gạo mà thôi”. Thầy Tâm cũng biết người trong xóm coi thường thầy nhưng thầy vẫn giữ thái độ điềm nhiên, mỗi khi tiếp xúc với chúng tôi thầy luôn

giữ trên môi nụ cười và câu “A-di-đà Phật”. Tôi nghĩ bụng: “Người gì đâu như cục đất, ai đá cũng lăn”.

Nhiều lần bọn trẻ con trong xóm vào phá vườn chùa, khi bắt được thầy đều ôn tồn khuyên bảo: “Các em có cần chi thì hỏi, thầy sẽ cho, đừng ăn cắp sẽ thành thói quen không bỏ được. Phải biết tôn trọng của cải do người khác làm ra. Người ta quý tài sản của người ta cũng như mình quý tài sản của mình làm ra vậy”. Có lẽ đây là lần đầu tiên lũ trẻ phá phách xóm tôi được nghe những lời khuyên như thế. Vì từ trước tới giờ chúng phá chỗ nào thì ở đó cũng đều bị nghe chửi mắng hoặc bị đuổi đánh mà thôi, khiến cho chúng càng căm ghét hơn. Nhưng thầy Tâm thì dạy cho chúng biết lý lẽ; thái độ hiền hòa và bao dung độ lượng của thầy đã làm cho chúng cảm kích. Thỉnh thoảng vườn cây có vài buồng chuối chín bói, thầy hái trái cúng Phật, còn dư đem cho lũ trẻ, chúng thích lắm. Có buồng thầy giữ nguyên trên cây cho chim ăn, vì thế mà vườn chùa không bao giờ ngót tiếng chim ríu ra ríu rít. Vườn tược nhà chùa cây cối um tùm từ lâu không ai chăm sóc, sáng nào cũng vậy, thầy Tâm làm cỏ, rong cây (chặt bỏ đi những cành lá không cần thiết, bị sâu bệnh, chỉ giữ lại những cành to, khỏe, giúp cho cây gọn gàng và phát triển tốt), rồi thầy tưới nước, bón phân. Thầy làm việc miệt mài như con ong chăm chỉ.

Có một hôm tôi mon men đến hỏi vì sao thầy biết chăm sóc vườn cây ăn trái như một người làm vườn chuyên nghiệp trong khi tôi thấy dáng thầy giống như một thư sinh. Thầy mỉm cười rồi bảo:

“Có gì đâu anh, nhờ chịu khó học hỏi thôi mà. Ngày trước tôi làm nghề giáo, chỉ cầm giấy bút thôi nên tay chân mảnh khảnh. Bây giờ cầm cái leng cái cuốc có phần nặng nhọc, nhưng rồi cũng quen”.

Nhìn vườn chùa mệnh mông, rậm rạp rồi nhìn lại thầy, tôi tỏ ra ái ngại:

“Liệu thầy có làm nổi mảnh vườn này không?”

Thầy cười, vẫn nụ cười tươi tắn:

“Quả tình cái tạo mảnh vườn rộng lớn như thế này là việc làm quá sức tôi. Nhưng tôi nghĩ không gì bằng kiên trì và cố gắng, cứ ngày làm một ít rồi cũng sẽ xong thôi”.

Thầy nhìn tôi cười vui vẻ rồi nói tiếp:

“Dù sao làm vườn cũng dễ hơn tu hành thành Phật. Mà tu để làm Phật còn dám, chẳng lẽ lại ngại chuyện làm vườn!”.

Thấy thầy nói chuyện dễ mến, từ đó tôi hay lần la đến chơi. Tôi hỏi thầy nhiều câu hỏi mà từ lâu tôi thắc mắc, câu nào thầy cũng vui vẻ trả lời và trả lời trôi chảy. Trước giờ tôi cứ nghĩ mấy thầy trong chùa chỉ biết gõ mõ tụng kinh thôi, nào ngờ thầy Tâm lại có kiến thức uyên thâm quá, tôi bắt đầu cảm thấy mến phục thầy và đến chùa thường xuyên hơn.

Một hôm tôi đang cùng thầy nói chuyện sau hậu liêu thì bé Hoa con tôi chạy vào lắc tay tôi gọi:

“Ba ơi, mẹ đau đầu lắm. Ba đưa mẹ đi khám bệnh đi!”.

Tôi định chào thầy ra về để đưa mẹ con bé đi bác sĩ thì thầy hỏi tôi:

“Chị nhà bệnh đau đầu lâu chưa vậy anh?”.

“Dạ, bà xã tôi bị đau đầu mấy ngày nay, người nhức mỏi ê ẩm, sợ nước không dám tắm...”.

Thầy bảo: “Không sao đâu, để tôi qua bên ấy xem”.

Tôi không biết phải làm sao, đành chiếu theo ý của thầy. Qua nhà tôi, thầy xem mạch cho vợ tôi rồi nói:

“Chị ấy bị cảm hàn. Bây giờ anh đi cắt cho chị ấy một nôi xông, bảo mấy đứa cháu nấu cho chị một bát cháo hành ăn giải cảm, rồi tôi chỉ thuốc uống sẽ khỏi thôi”.

Trước giờ tôi nào có biết nấu nôi xông ra sao đâu, tôi ấp a ấp úng:

“Dạ, nấu xông... gồm những thứ gì vậy thầy?”.

“Anh tìm cắt một nắm lá tía tô, sả, lá chanh hay lá bưởi, lá ổi, é tía...”. Thầy trả lời như một thầy thuốc Đông y thực thụ.

Sau khi xông hơi xong, vợ tôi ăn bát cháo giải cảm, liền thấy trong người nhẹ nhõm, đầu cũng bớt đau. Thầy trấn an:

“Bệnh này cũng thường thôi, uống thuốc Nam cũng khỏi. Để tôi tìm cho chị một số thuốc Nam để sắc uống...”.

Vợ chồng tôi cảm ơn rồi rít rít rồi mời thầy lên nhà trên uống nước, tôi thắc mắc hỏi thầy:

“Không ngờ thầy lại biết trị bệnh, vậy là thầy có học Đông y?”.

Thầy mỉm cười đáp: “Hồi trước tôi có học Đông y với mong muốn giúp đỡ bà con nghèo”.

Tôi mừng vui nói:

“Vậy là từ nay người dân ở đây khỏi phải lo vấn đề bệnh hoạn. Vùng này xa xôi hẻo lánh, mỗi lần đi bác sĩ vất vả lắm, có thầy ở đây may phước biết chừng nào!”.

Từ đó, mỗi khi trong xóm có người bệnh, họ đều đến tìm thầy. Những bệnh thông thường như cảm sốt, sổ mũi, nhức đầu, thầy cho thuốc uống đều khỏi, khi nào cần thiết lắm mới đến bệnh viện. Thầy đã trở thành ân nhân của người dân xóm tôi. Thỉnh thoảng chúng tôi đem gạo nếp, bánh trái lên chùa, trước là cúng Phật, sau để thầy dùng. Chúng tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn đối với thầy. Mỗi lần như thế, thầy đều khuyên chúng tôi làm lành lánh dữ, có thời gian rảnh rỗi nên đi chùa nghe pháp, học giáo lý, tập ăn chay, ngẫm thiền, niệm Phật. Thầy giải thích cho chúng tôi biết ý nghĩa và lợi ích của những việc làm đó. Được sự giảng dạy của thầy, hiểu được ý nghĩa của việc làm, chúng tôi cảm thấy thích đi chùa, thích học giáo lý. Để cho chúng tôi có những hiểu biết cơ bản về đạo Phật, thầy cho mở lớp giáo dân dần dần thu hút được nhiều người đủ mọi lứa tuổi, ai cũng thích học và học rất chăm. Ngày đầu tiên bé Hoa con tôi đi học lớp giáo lý về, nó tỏ ra ngoan hơn, biết khoanh tay thưa tôi và mẹ nó, nói chuyện cũng lễ độ, dịu dàng. Nó bảo, thầy Tâm dạy cho nó biết cách cư xử với mọi người. Lũ trẻ xóm tôi từ ngày đến học lớp giáo lý thì không còn phá phách nữa, có lẽ chúng biết việc nào chúng nên làm, việc nào thì không nên, chúng biết được điều tốt xấu, dở hay mà từ lâu không ai tận tường chỉ dạy.

Thế rồi thầy Tâm lại ra đi. Thầy cho chúng tôi biết thầy chỉ xin về đây tám tháng để giúp đỡ thầy trụ trì lo việc chùa rồi thầy sẽ đến hỗ trợ cho một ngôi chùa ở vùng cao. Sự việc thầy đi thật quá bất ngờ đối với chúng tôi, ai cũng buồn và thương cảm không muốn phải xa thầy. Chúng tôi làm một bữa tiệc nhỏ để chia tay với thầy. Tôi xúc động cầm tay thầy nói: “Chúng con thật sự không nghĩ là một ngày nào đó thầy sẽ đi. Vậy còn những gì thầy đã làm ở đây...”.

Thầy mỉm cười siết chặt tay tôi rồi nói:

“Cuộc đời có hợp ắt có tan. Tôi không nghĩ những gì tôi làm được trong tám tháng qua là của tôi đâu. Tôi chỉ muốn làm kẻ mở đường cho người sau, quý thầy sau này về đây sẽ làm tốt hơn tôi nữa. Bà con ở đây hãy cố gắng học và tu thật tốt, hãy ủng hộ các vị thầy khác sẽ đến sau này”.

Thầy nói đó là tâm nguyện của thầy, thầy cũng đã từng đến nhiều nơi để thực hiện tâm nguyện của mình rồi thầy ra đi như thế. Còn rất nhiều nơi đang cần thầy đến, do đó thầy không thể ở đây lâu. Tôi chẳng hiểu được bao nhiêu về tâm nguyện cao cả của thầy, chỉ biết việc làm của thầy đã để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng người dân xóm tôi. Và dù thầy có ra đi, chúng tôi cũng vẫn luôn ghi nhớ ơn nghĩa của thầy. Người mà ngày xưa tôi cho là hiền như cục đất ai đá cũng lăn, thì bây giờ “cục đất” đó đã lăn đi, nhưng lại hướng chúng tôi theo một quỹ đạo an lành. ■

Tù bi hỷ xả

TRƯƠNG BÔI CANH
NGUYỄN PHƯỚC TÂM dịch

Cù miếu nhà thờ ở Đài Loan có thể thấy là rất nhiều. Điều này đối với việc tịnh hóa nhân tâm, an định xã hội, tự nó có ý nghĩa to lớn. Đáng tiếc, tôn giáo tuy nhiều, nhưng thuần túy tín ngưỡng thì lại rất ít; nhiều tín đồ còn quá mê muội, ngày càng sa sút, rơi vào tình trạng dung tục không thể tả; có người cầu thần chỉ để khẩn cầu trúng thưởng, nếu như nguyện vọng của họ không được đáp ứng thì họ lại phẫn nộ rồi phá miếu bịt tượng.

Có thể trúng thưởng hay không là vấn đề xác suất lý số. Thần tiên Bồ-tát có chịu làm cọng phạm vì kẻ si hám phát tài hay không, là vấn đề lẽ phải có thể suy luận dựa vào thường thức. Những hiện tượng này, khiến tôi nhớ đến bộ phim đã cũ là “Cô tinh lệ” (孤星淚 ‘Nước mắt của ngôi sao cô đơn’).

“Cô tinh lệ” được cải biên từ “Bi thảm thế giới” (悲慘世界) - tác phẩm văn học nổi tiếng Les Misérables của đại văn hào Victor Hugo (1802-1885) nước Pháp - kể lại chuyện một phạm nhân ăn trộm ra tù, đã lột xác và thay đổi một cách bất ngờ. Câu chuyện có nhiều tình tiết vô cùng khúc chiết; trong đó có một tình tiết quan trọng là: sau khi ra tù kẻ phạm nhân mãn hạn đó đến xin ngủ trọ tại một nhà thờ, nửa đêm lại trộm đi đồ dùng bằng bạc trong nhà thờ nhưng trên đường tẩu thoát thì bị cảnh sát bắt về; lúc cảnh sát dẫn giải y đến gặp vị linh mục thì vị linh mục trái lại chỉ mỉm cười một cách hiền từ và nói: “Những món đồ bằng bạc này ta đã tặng cho con rồi, tại sao con lại mang trở lại?”. Ngữ điệu của vị linh mục đầy ấp nhân từ và khoan dung, vì vậy mà đã cứu vớt được linh hồn của một con người, đã xoay chuyển số phận bi thảm của anh ta. Nhân vật chính đã hoàn toàn tỉnh ngộ, từ đấy thay tâm đổi tính, luôn phấn đấu hướng thượng, sau đó còn trở thành thị trưởng của một thành phố nọ.

Chính trong đoạn ngắn mang tính mấu chốt này, từ tình cảm và tâm linh tôn giáo của một nhân viên thần chức, tôi đã thấy được tinh thần tôn giáo chân chính, từ những biểu hiện về lòng nhân từ, bác ái, lân mẫn và

khoan thứ, cho đến đối với một linh hồn đang vùng vẫy đấu tranh giữa bờ thiện ác nảy sinh một sức mạnh to lớn.

Cái gọi là “nhân tâm bất cổ”, nghĩa là người hiện đại không rộng lượng như đời xưa xưa, họ đa phần chỉ thích cười trên nỗi khổ đau của người khác, kiểu “giật đổ bìm leo” (đánh người chết rồi), thậm chí thấy người khác bị thương còn rắc thêm muối vào miệng vết thương, hoàn toàn mất đi mỹ đức đôn hậu khoan dung của người quân tử xưa kia. Người ngày nay đa phần cứ thao thao, tranh nhau lấy giành giật làm đúng, lấy ủng hữu làm vinh, lấy hưởng thụ làm vui; không nghĩ rằng, tri túc mới là thường lạc, người có thể nhẫn mới là ‘đại’, người có thể khiêm nhường mới là ‘cao’, người biết cho đi mới là ‘đại’, người có thể khoan thứ, cứu người trong lúc dầu sôi lửa bỏng mới chính là đại trí, đại nhân, đại dũng.

Tín ngưỡng tôn giáo, không phải cầu thần coi bói, cầu tài cầu phước; mà là đem tâm vô tư vô ngã, quan tâm xã hội đại chúng. Phật môn có “Tứ vô lượng tâm”: từ tâm trao cho con người niềm vui; bi tâm giúp con người giải phóng nỗi thống khổ; hỷ tâm thấy người ly khổ đắc lạc thì sinh khởi niềm vui; xả tâm không tính oán thân, đối đãi bình đẳng, lấy vô duyên đại bi, đồng thể đại bi, phổ độ muôn dân trong thiên hạ. Đấy mới là đạo lý đúng đắn quang minh chính đại của tín ngưỡng tôn giáo.

Chúng ta đều là kẻ qua đường trong trần gian; đời người chính là một quá trình từ lúc sinh cho đến khi chết. Ý nghĩa cuối cùng của sinh mệnh không ở chỗ bạn từng nhận được cái gì, có được cái gì, hưởng thụ cái gì, mà là ở chỗ bạn từng tạo ra được cái gì, cho đại chúng những gì, giữ lại cho xã hội cái gì.

Giá trị cao nhất của sinh mệnh là ở chỗ có thể cứu tế giúp đỡ những người khó khăn, hành thiện tích đức, giải trừ nỗi khổ đau của tha nhân; niềm vui lớn nhất của đời người, chính là mang hạnh phúc đến cho người khác.

Trích dịch từ *Chìa khóa trí tuệ* (智慧的鑰匙) của Trương Bôi Canh, do Trung tâm Chí nghiệp Văn hóa Từ Tế, Đài Bắc xuất bản, năm 2003. ■





Tháng Hai trồng đậu

HỒ ĐĂNG THANH NGỌC

Bỗng nhiên lại dích dắc nhớ về chuyện cánh đồng màu bên bờ sông xưa vào độ giêng hai ta. Ca dao xưa đó: *Tháng Giêng là tháng ăn chơi, Tháng Hai trồng đậu, trồng khoai, trồng cà...*

Sau mấy ngày Tết, đồng cỏ bờ sông đang ngủ yên bỗng sôi động hẳn lên vì nhà nhà xuống vụ rau, đậu, dưa, cà... Đất trồng vụ màu vào giêng hai thường là đất vừa gieo mạ xong, nằm chờ tay người, qua giêng hai, sau đợt mưa phùn rét mướt thì cuốc lên, đập nhỏ ra, đánh thành vồng để tria hạt trồng màu.

Bấy giờ bầu trời sáng còn mờ sương. Sương giăng kín mấy lũy tre làng, giăng kín cả lối đi. Mấy bác 'lão nông tri điền' vác bừa đánh trâu ra đồng sớm như thể đi trong ma trận sương mù, thực ra chỉ là bám đuôi trâu mà đi. Đường làng rộng, mặt đường bằng đất nện nên chẳng sợ vấp chân đau; chỉ thỉnh thoảng có cái gai tre nó chích thì dùng lại gỡ chút xíu xong rồi đi tiếp. Con trâu khịt mũi ngửi đường đi trước, lão nông ngậm tẩu thuốc theo sau, phả khói thuốc vào sương, cũng mù mù trắng xóa như nhau. Lại thêm, lão nông nào cũng đánh theo con cú. Con cú đánh bằng rơm để giữ lửa, cũng bốc khói trong sương, cũng hòa khói vào trong không gian yên ắng lúc bấy giờ thỉnh thoảng vắng tiếng gà gáy tan sương.

Đoàn người và trâu đi, kẻ trước người sau, trâu đi theo đàn. Ai không có trâu thì vác cuốc, vác thêm cái vỏ đập đất. Một đầu cán cuốc có máng theo cái ấm chè, vòi ấm nút lá chuối kéo nước trào ra ngoài. Ra đến đồng màu ven sông thì trời tan sương, đã rõ mặt người. Việc làm đồng bắt đầu. Ngày ấy chưa có nhiều máy cày, trên đồng phần lớn chỉ thấy trâu cày bừa lẫn với người cuốc đất, tơi cỏ. Đầu tiên là đập đất cho tơi. Đất thường được cuốc trước đó để khô cho dễ làm, gặp nắng thì gọi là đất rang. Muốn

làm cho đất vỡ nhỏ, một là nhờ trâu bừa, hai là dùng cái vỏ đập đất. Cái vỏ thật đặc biệt, được làm bằng một khúc gỗ lớn bằng bắp chân, thường là gỗ mít trong vườn, hình trụ. Muốn đập cục đất to thì dựng cái vỏ lên mà nện thật mạnh, đất tơi nhỏ ra thì dùng cái thân vỏ nằm ngang mà đập. Cánh đồng màu rộng mênh mông, vậy mà chỉ với cái vỏ nhỏ xíu từ tay người giơ lên nện xuống trong sương chẳng mấy chốc, đất đã tơi ra như có ai xay.

Tiếp đó đất được đánh thành vồng. Từng hàng đất nằm cạnh nhau như những đứa con đất đai sinh đôi sinh ba, rồi sinh chục, sinh trăm, sinh ngàn. Những luống đất nằm nối nhau, song song nhau, được trồng đủ thứ rau màu; sẵn với các loại sắn mì, sắn ba trắng, sắn trắng trồng chen với bắp tria hai bên vồng; khoai có các loại khoai lang, khoai hoàng long, khoai tía, khoai tũ; đậu có các loại đậu xanh, đậu đen, đậu huyết; cà có cà dĩa, cà tím, cà pháo; ớt có các loại ớt ta, ớt hiểm, ớt chỉ thiên... Trồng tria xong thì đã chiều xế bóng, bữa lỡ cho những chiếc dạ dày trống rỗng vì lao động nặng được dọn ngay trên bờ ruộng. Thường là chè hoặc xôi đậu. Đơn giản mà vui. Tiếng nói cười rộn ràng trên đồng vọng từ đầu triền sông đến cuối triền sông, trải dài mấy cây số. Chiều tối thì việc đồng áng đã xong, những cây trồng như cà, ớt được tưới tẩm. Rồi vài tuần sau, đồng bờ sông bật dậy mầm xanh, trải dài một không gian đầy hy vọng mùa màng.

Giêng hai nay qua đồng bờ sông, nhìn rau màu đã lên xanh mà nhớ ngày xưa. Bấy giờ, đàn trâu đã vắng dần, cái vỏ cũng đã mất không còn thấy nữa. Máy móc đã làm thay con người từ hai chục năm nay. Nhưng sao cứ nhớ giêng hai thuở đó. Nhất là dáng cha thổi con cú đã tàn lúc cuối chiều thấp điệu thuốc vắn, bấy giờ đã cháy ngấn còn độ gang tay. Khói con cú bay trong chiều vàng, bay từ xưa đến mấy chục năm sau, còn nhớ ời là nhớ... ■



Lao về phía trước

NGUYỄN NHẬT LÂM

Xe trả khách, và tôi biết mình đã thực sự bắt đầu một cuộc phiêu lưu mới. Ai nấy đều có quá khứ của riêng họ; tôi cũng vậy, có điều hơi bẽ bàng một chút. Nhưng việc gì phải đóng khung cuộc đời mình bằng những thời điểm? Nghĩ vậy mà tôi lại dần thân vào chuyến đi này với lòng đầy háo hức.

Thả bước dọc theo dòng sông Ka Long đi về phía cửa khẩu, tôi điểm lại kế hoạch của mình. Bắt đầu từ Trung Quốc đại lục, sau khi có một số vốn tiếng Trung, tôi sẽ đến Côn Minh để tìm đường sang Tây Tạng huyền thoại. Từ miền đất thánh này tôi phải nỗ lực vượt qua dải Nepal vĩ đại để đến với quê hương Đức Phật. Sẽ dừng chân ở Ấn Độ vừa tiếp tục mưu sinh vừa học tiếng, chuẩn bị cho hành trình tới Biển Đen. Qua Pakistan, men theo bờ biển Ả Rập, tôi sẽ tới Iran, từ đây, tiếp tục hướng về phía Tây đi theo vịnh Oman. Đến biên giới Irak, ngược về hướng Bắc sẽ đến giao miền Nam Á và Đông Âu, chắc phải nghỉ ở Ankara. Sau đó tiếp tục

đi để đến Roma và dừng lại ở Kinh Đô Ánh Sáng. Châu Âu văn minh sẽ mang lại cho mình một cuộc sống giàu sang và thú vị, tôi chắc chắn về điều này lắm. Niềm tin đó là hành trang có giá trị nhất thôi thúc tôi lên đường với ba bộ quần áo, ba cuốn sổ ghi, và một quyển hộ chiếu mới có duy nhất một trang được đóng dấu chiếu khán vào Trung Quốc.

Cứ nghĩ đến việc mỗi vùng đất đi qua đều thấm những giọt mồ hôi lao động của mình, tôi lại thấy phấn khích lạ thường. Và cũng chẳng có lựa chọn nào khác để đi và tồn tại với một kẻ vô sản ngoài việc làm bất cứ việc gì ra thức ăn, ra vé xe, và ra visa.

Tôi ghép chữ thành thơ, trịnh trọng ghi nó lên trang đầu tiên của cuốn nhật ký hành trình bên cạnh một số thông tin liên lạc trong trường hợp cần thiết.

Nụ cười dọa những phong ba - Bàn chân dọa những đường xa gặp ghênh.

Cơn gió cuối đông rung rung cộc nhọn lòi lên ở giữa dòng sông làm mọi thứ trông hao gầy một cách thâm



hại, chào tổ quốc và hẹn ngày gặp lại.

Ngay lập tức, tôi lao vào tìm việc. Thành phố Đông Hưng có nhiều người Việt làm ăn và sinh sống nên không khó để giao tiếp. Trong đám xe ôm nhao nhao tìm khách, có một khuôn mặt khắc khổ, dáng người nhỏ con, ông nói tiếng Việt lơ lớ “đi đâu ông chủ?”. Haha, ông chủ đi tìm việc! Tôi cười sáng khoái như bị cù léc.

Ông nói, người Việt sang đây làm công nhân nhiều lắm, xưởng gỗ, xưởng điện tử, xưởng sản xuất máy lửa, nhưng phải đến rằm tháng Giêng thì xưởng mới mở cửa, việc làm mới nhiều, bây giờ còn sớm, ít việc lắm. Visa có hạn nên tôi không thể chờ đến cả tuần nữa, tôi nhờ ông chở đến các xưởng đã mở cửa. Đúng như lời A Quốc nói, đi đến đâu tôi cũng thấy công nhân người Việt, họ đều nhiệt tình giúp tôi nói với ông chủ nhưng chỉ nhận được cái lắc đầu vì không biết tiếng Trung. Vạn sự khởi đầu nan, tôi biết vậy nên vui vẻ đón nhận những khó khăn đầu tiên, đắp lại nó bằng tất cả nhiệt huyết.

Xế chiều, mọi việc vẫn chẳng có gì khá hơn, tôi cảm ơn và từ biệt A Quốc, hẹn ngày mai gặp lại. Phía bên kia dòng sông là đất nước mình, có tòa nhà cao mấy chục tầng, người ta gọi là tòa nhà cao su vì của Tập đoàn Cao su đầu tư. Tôi thấy nó lênh khênh lơ lửng trong buổi chiều đông ngược gió. Mấy con đò đưu đưu khách qua biên trên dòng sông khô cạn. Mọi thứ như cố tình khêu gợi cảm xúc mà tôi đang cố kìm nén, sự cô đơn.

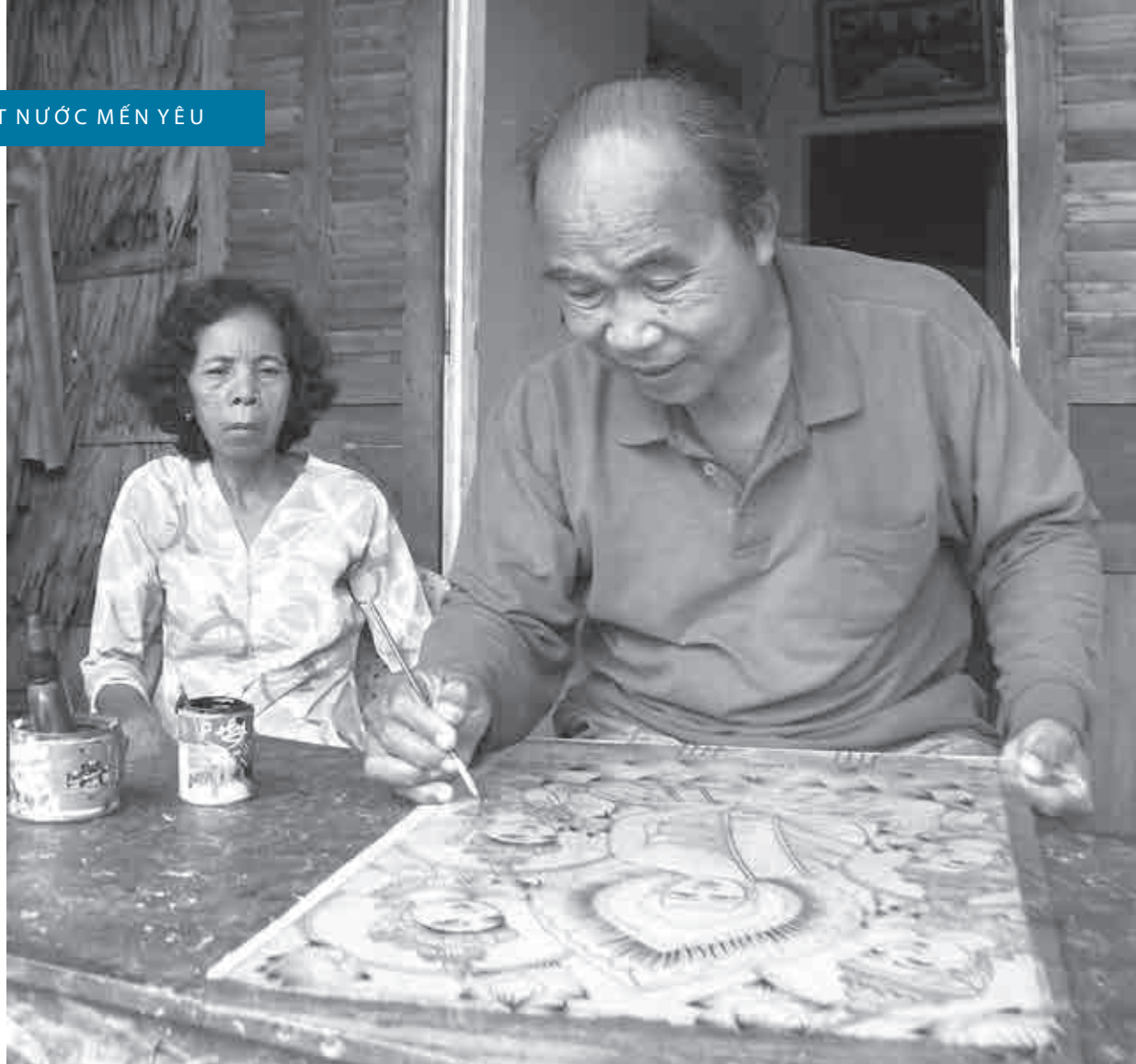
Tôi chợt thấy từ xa có đám người khuôn khuôn vác vác, xuống xuống lên lên; tiến lại gần mới hay người ta đưa hàng qua biên giới bằng cách này. Toàn là người Việt, tôi hỏi một người nhìn giống ông chủ nhất “Chú ơi, ở đây có việc gì không cho cháu làm với?”. Ông nói mới qua Tết nên ít hàng, phải đợi thêm vài ngày nữa thì sẽ có thể tìm được một chân bốc vác với mức lương khoảng 100 tệ một ngày ở đây. Trong lúc chờ hàng xuống đò, chúng tôi có nói chuyện qua lại, thấy tôi ăn nói hoạt bát, nhanh nhẹn, cuối cùng chú nhận tôi về làm trong quán ăn của gia đình tại thị trấn biên ải này. Tôi làm phụ bếp, bồi bàn, kèm dạy tiếng Việt cho cô con gái út nhà cô chú với mức lương một ngàn năm trăm tệ một tháng. Họ là người Hoa gốc Việt nên muốn con cái gìn giữ tiếng nói quê hương. Đúng là sự khởi đầu tốt.

Tại gia đình nhà chú, tôi được bố trí ở một phòng rộng rãi, có tivi to và toilet, sang trọng không kém gì một nhà nghỉ. Công việc cũng không vất vả gì, 5g sáng tôi dậy để dọn dẹp bàn ghế, chuẩn bị bán hàng, đến 7g tối thì đóng cửa, 8g đến 10g đêm, dạy tiếng Việt cho cô gái út Lưu Ái Chi. Thời gian cứ trôi đi đều đặn, một tháng ấy cuộc sống của tôi cứ như một công thức, đều đặn và chính xác. Ái Chi khá xinh xắn, đó là lí do làm cho tôi dạy em rất nhiệt tình, bù lại, chính sự nhiệt tình ấy khiến trình độ tiếng Trung của tôi lên nhanh đến bất ngờ. Tôi đã có thể mua bán và giao tiếp cơ bản.

Ngày nhận lương cũng là ngày tôi nói lời từ biệt, cô chú làm một bữa ăn chia tay thật thịnh soạn. Chú chúc tôi thành công, cô chúc tôi sức khỏe, Ái Chi mong tôi sớm tìm được người trong mộng, tôi bước vào màn mưa phùn phơ phất xa dần những cánh tay vẫy chào.

Người lái đò bên kia bờ sông thấy tôi vẫy tay lại tưởng khách gọi đò, tôi chỉ định chào xứ sở trước khi đi sâu vào lục địa Trung Hoa. “Em quen họ à?”, có anh đứng bên cạnh hỏi tôi. Thế là những câu chuyện bắt đầu, cho đến tận khi các hàng quán lên đèn. Anh là thương nhân Sài thành, có nhiều thứ để chúng tôi nói về thành phố quê anh, nơi gieo bao mơ ước to lớn mà chỉ gặt hái được bề bàng, một thời của tôi. Anh đến đây để tìm hiểu về thị trường điện tử và cần một người biết tiếng Trung đưa anh vào lục địa, thành phố Quảng Châu.

Thế là tôi vào vai một trợ lý, một phiên dịch, một hướng dẫn với thù lao quá hấp dẫn, ba ngày bằng cả một tháng, lại miễn phí đi lại ăn ở. Hai anh em lên xe ngay trong đêm hôm đó. Tôi lại gieo mình vào bước đường vô định. ■



Làng tranh kiếng Phước Thuận

Bài và ảnh: THU HỒNG

Ngày nay, đến thăm ấp Phước Thuận thuộc xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, khách vẫn có thể chứng kiến hoạt động sản xuất tranh kiếng, là loại tranh vẽ trên kính, có lúc đã là một hình thái nghệ thuật phổ biến ở Nam Bộ.

Vào khoảng thập niên 60 của thế kỷ trước, hầu như đến bất kỳ khu phố chợ nào ở miền Nam, người ta cũng có thể gặp những chiếc xe mì hay xe hủ tiếu cổ của người Hoa với đặc trưng là ba mặt được che bằng những tấm kính có vẽ những bức tranh, khi thì biểu diễn các hoạt cảnh trong truyện dã sử Trung Quốc,

khi thì là các hình ảnh có tính cách biểu tượng chung chung. Trước đó nữa, đến thăm nhà của người dân Nam Bộ, khách cũng có thể được thưởng ngoạn những bức tranh kiếng, hoặc là tranh thờ được đặt trang trọng trên các bàn thờ, hoặc là tranh trang trí treo ở phòng khách hay trước cửa buồng. Có thể nói treo tranh kiếng trong nhà đã là một nét văn hóa của người Nam Bộ thế kỷ trước; chính vì thế mà có thời tranh kiếng đã được sản xuất tại nhiều nơi ở miền Nam, được chở đi bán ở hầu như khắp trong xứ và đã có lúc được đưa sang Campuchia. Vào lúc thịnh thời của nghề vẽ tranh kiếng là trước khi xảy ra cuộc kháng chiến chống Pháp (1945)

người ta vẫn nhắc đến những trung tâm sản xuất nổi tiếng như Lái Thiêu (tỉnh Bình Dương), Chợ Lớn (thành phố Sài Gòn cũ), và Chợ Mới (tỉnh An Giang).

Làng tranh kiếng Phước Thuận sinh sau đẻ muộn, mãi khoảng thập niên 1950 mới hình thành, nhờ có nhiều nét đặc trưng mà vẫn tồn tại đến ngày nay; tuy vậy, theo sự biến đổi của thị hiếu xã hội, cũng đang ở tình trạng dần mai một. Theo nghề nhân Sơn Bol, người được biết là đã gắn bó lâu nhất với nghề, việc sản xuất tranh kiếng ở Phước Thuận sở dĩ vẫn tồn tại nằm ở chỗ người Khmer Nam Bộ có khuynh hướng hoài cổ hơn, vẫn thích trang hoàng nhà cửa bằng các hình ảnh tượng trưng cho những nét văn hóa rất riêng của họ; mà tranh kiếng Phước Thuận đáp ứng được điều đó.

Quả thật, nếu về mặt kỹ thuật, tranh kiếng Phước Thuận cũng áp dụng mọi công đoạn sản xuất như ở các làng nghề tranh kiếng khác, thì về nội dung, hình ảnh thể hiện trên tranh kiếng Phước Thuận luôn hướng đến sinh hoạt tâm linh của người Khmer với chủ đề chính là những sự tích về Đức Phật Thích Ca, những cảnh sắc quê hương với chùa và tháp, những sinh hoạt trong mùa Tết Chôl Chnam Thmây hay trong lễ hội Dolta. Ngay cả ở An Giang, nơi có cả một trung tâm sản xuất tranh kiếng và cũng có nhiều người Khmer sinh sống, nhưng nội dung tranh kiếng vùng này cũng ít chú trọng đến văn hóa Khmer. Mặt khác, phải nhìn nhận rằng thị hiếu nghệ thuật của người Khmer Nam Bộ chỉ thay đổi một cách tiệm tiến, cho nên họ vẫn còn gắn bó với nghệ thuật tranh kiếng.

Tranh kiếng là loại tranh vẽ ngược. Người họa sĩ phải thể hiện bức tranh của mình ở trạng thái ngược lên mặt sau của tấm kính, để khi lật mặt kính lại, nhờ tính trong suốt của thủy tinh, hình ảnh bấy giờ mới hiện ra theo chiều thuận. Do phải vẽ ngược, trình tự thực hiện đường nét và phủ màu đều phải tính toán thật chi lý để lúc nhìn theo chiều thuận của tấm kính thì hình ảnh không bị lổ. Do tranh kiếng được sản xuất hàng loạt, mỗi lò tranh thường chỉ có một hay hai nghệ nhân thực hiện việc thiết kế mẫu tranh, còn lại là những người thợ thủ công, thực hiện từng công đoạn làm tranh tương tự các quy trình công nghệ. Để phục vụ mục đích làm tranh thờ hay là tranh trang trí, tranh kiếng có giá trị riêng của nó nhưng tất nhiên không thể sánh với các hình thức nghệ thuật khác như tranh sơn dầu, tranh lụa, hoặc ngay cả tranh dán giấy. Chính vì vậy, khi thị trường rộ lên những loại tranh in trên giấy bằng kỹ thuật ấn loát hiện đại thể hiện những hình ảnh tinh tế hơn thì tranh kiếng bị lấn át. Chưa kể, tranh kiếng chỉ có thể sản xuất thủ công trên chất liệu kiếng, đắt hơn việc in ấn hàng loạt bằng máy móc hiện đại trên chất liệu giấy có thể có những kích cỡ thật lớn, cũng là một lý do khiến tranh kiếng ngày càng không thể cạnh tranh với tranh in.

Được biết tranh kiếng là một hình thái nghệ thuật

xuất hiện từ thời Trung cổ ở châu Âu, được sử dụng rộng rãi trong việc trang trí nhà thờ. Người Trung Hoa đã tiếp cận với nghệ thuật vẽ tranh kính trong khoảng giữa thế kỷ thứ 18 rồi mang nó sang Ấn Độ. Người Việt Nam biết đến nghệ thuật này trong khoảng cuối thế kỷ thứ 19 khi Nam Kỳ trở thành thuộc địa của Pháp để có sự giao thương chặt chẽ với vùng Đông Nam và Đông Bắc Á. Nghệ thuật tranh kiếng có thời bị xem nhẹ ở châu Âu nhưng gần đây lại đang phát triển ở Anh quốc và một số nước vùng Đông Âu. Kỹ thuật làm tranh kiếng ở châu Âu hiện nay rất tinh tế nhờ những tiến bộ về việc sản xuất các loại sơn dầu, sơn acrylic, các kỹ thuật nung. Điểm đặc biệt là tranh kiếng châu Âu không bị lệ thuộc vào mặt kính phẳng mà có thể thực hiện trên mọi hình thể, như trên chai, lọ, bình cắm hoa,... và các vật dụng khác bằng thủy tinh.

Hiện tại, ngay ở Phước Thuận, việc sản xuất tranh kiếng cũng đã có những cải tiến, chuyển đổi cách vẽ thủ công bằng kỹ thuật kéo lụa. Một bức tranh có thể được trình bày với bảy màu sắc chính với kỹ thuật pha trộn tinh tế làm thay đổi sắc độ từ đậm đến nhạt làm tăng cảnh sắc. Tuy vậy, những người còn giữ được nghề vẽ tranh kiếng đều lớn tuổi, và loại công việc này đang ngày càng mai một bởi lớp con cháu chẳng còn mấy ai thích công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ như nghề tranh kiếng. Chính vì thế mà việc duy trì làng nghề tranh kiếng Phước Thuận đã trở thành sự băn khoăn của những người có trách nhiệm. Chị Triệu Thị Vui là Chi hội trưởng Hội Phụ nữ ấp Phước Thuận cho biết: “Để khôi phục làng nghề vẽ tranh kiếng truyền thống, chúng tôi tập hợp chị em 15 hộ trong ấp vào tổ sản xuất, mời nghệ nhân giỏi hướng dẫn về kỹ năng, kỹ thuật vẽ tranh trên kiếng, hỗ trợ vốn ban đầu. Người phụ nữ với đức tính cần cù, chăm chỉ nên dễ học nghề vẽ tranh kiếng làm kế sinh nhai, góp phần giữ gìn nét văn hóa truyền thống cho làng nghề, tăng thu nhập cho gia đình. Đây là một mô hình hoạt động thích hợp với phụ nữ hộ nghèo ở nông thôn”. Chị Lý Thị Mâm, đã ngoài năm mươi, tâm sự: “Vẽ tranh kiếng là nguồn thu nhập chính của gia đình tôi hơn hai chục năm nay. Tôi vẽ tranh kiếng theo người đặt hàng, thường thì số lượng đặt cũng không nhiều lắm. Tuy nhiên khi có người đặt số lượng lớn thì tôi lại thiếu vốn đầu tư”. Chị Mã Thị Dương theo nghề vẽ tranh kiếng truyền thống của gia đình từ lúc 16 tuổi mà nay cũng đã xấp xỉ ngũ tuần. Chuyên nhận các bức tranh kiếng do nghệ nhân Sơn Bol đã phác thảo hình mẫu để chấm sơn tô màu hoàn thành rồi đem phơi nắng và làm khuôn giao cho người mua. Mỗi tháng chị vẫn bán được cả trăm bức tranh kiếng thành phẩm cho khách hàng trong và ngoài tỉnh.

Nếu có sự nghiên cứu về cách thực hiện tranh kiếng ở châu Âu hiện nay để áp dụng cho làng nghề Phước Thuận, việc vực dậy nghề tranh kiếng ở Sóc Trăng cũng có thể là một điều hiện thực. ■

Bầy chim xóm nhỏ

HÀ THỊ HẠNH

T rước cửa dãy nhà xóm tôi có cả một hàng cồng cổ thụ. Không biết chúng đã sống được trăm năm chưa nhưng từ khi tôi về xóm này, đã trên hai mươi năm, thì chúng đã có đó. Gốc cồng xù xì đến hai người ôm không hết, tàng lá xanh um gần như che mát hết cả con hẻm rộng. Trong xóm, những người khó tính thì bực mình vì đến mùa lá rụng, suốt ngày họ phải cầm chổi quét sân. Hết đợt lá rơi lại hoa, một loại hoa nhỏ xíu tím tím, chẳng có một chút hương. Vào mùa mưa, hoa rụng thì dơ chèm nhẹp; rơi lại đến trái, trái đẹp, đen, đập ra có mùi hăng hắc như ô môi. Riêng tôi, tôi rất yêu hàng cây ấy, vì ngoài bóng mát che bớt nắng chiếu hắt vào cửa sổ nhà tôi, nơi ấy còn là thế giới của nhiều loại chim.

Những ngày mà người ta đồn thổi về một loại cúm gây chết người... do các loài chim truyền nhiễm, thì nơi đây xuất hiện rất nhiều các loại chim, có con có bộ lông đẹp, nhiều con có tiếng hót thanh tao. Trước kia, nơi này là nơi cư trú của phần lớn lũ chim se sẻ - lũ chim trời

muôn đời với chiếc áo nâu mộc mạc và điệu dàng với viền đen quanh cổ, quanh mắt. Dường như mỗi ngày, tôi càng trở nên thân quen với lũ chim trời ấy. Sáng sớm, khi thành phố còn im ắng tiếng còi ô tô, tiếng xe gầm gào, tôi đã nghe họ nhà chim thức dậy, lẩn tẩn, líu tíu nói chuyện vang trên cành; chỉ tiếc rằng tôi không có viên ngọc rắn của anh chàng Dã Tràng để nghe chúng nói chuyện gì mà vui quá, mà rôm rả quá. Một lát sau, khi trời vừa sáng tỏ, cả họ nhà chim tản ra, có con bay sà xuống các sân nhà, có bầy bay trên mái tôn sân thượng đi tìm mồi, có con tha những sợi rác về đan tổ... Thế đấy, cả họ nhà chim cũng tất bật lắm nhưng có lúc cũng vui lắm, chúng chuyển từ cành nọ sang cành kia, có lúc rượt đuổi nhau, có lúc cũng cự cãi nhau. Buổi trưa thì khá im ắng, chỉ thỉnh thoảng vắng vắng tiếng chim cu nghe sao mà nhớ đồng nhớ ruộng quá chừng. Nhưng buổi chiều đến thì chúng ồn ào như cái chợ với đủ giọng điệu, có bầy thì riu ra riu rít, có đám thì kêu xoèn xoẹt như đang cãi lộn; nhưng những chú chim non thì cũng lúc nào cũng



vô tư đùa giỡn. Những ngày mưa đông, cả họ nhà chim ngại mưa gió rúc vào trong tổ ấm, nhưng vừa ngớt mưa thì đã thấy chúng nhảy chồm chồm trên sân, trên nhánh khế trước nhà tôi, vạch từng kẽ lá để kiếm cái ăn.

Ở xóm tôi, mọi người bực mình vì quét lá, nhưng lại rất quý họ nhà chim ấy. Có cơm nguội, bánh mì khô người ta lại rải ra sân cho chim ăn. Tôi hay để dành bánh mì phơi khô, sáng nào cũng đem ra để một ít trên bệ gạch bốn hoa, một lát thôi là hết nhẵn. Tôi lại để vòi nước chảy rì rì cả ngày để bọn chúng khát thì có nước sạch uống. Nhiều lúc đứng sau lớp cửa kính, nhìn những chiếc mỏ xam xám bé xíu hớp hớp, chóp chóp thỏa thuê những giọt nước mát mà tôi thấy tràn một niềm vui. Có một lần cứu con chim non mà lại gây ra cái chết cho nó, tôi ân hận vô cùng. Chiều tối hôm đó, trời nổi cơn dông, mây đen che kín bầu trời, tôi chợt thấy một chú chim non què chân trước chụm cây. Tôi và đứa cháu lừa bắt được nó. Hai di cháu hí hục làm cho nó một cái lồng bằng giỏ hoa cũ, lót giấy cẩn thận, lấy

áo che kỹ vì sợ nó lạnh rồi bỏ vào trong những miếng bánh ngọt được bóp nhỏ. Tôi định bụng sáng mai sẽ thả, tôi giữ lại vì sợ nó không chịu nổi cái lạnh của mưa đông và sợ lũ chuột tha nó đi. Nhưng than ôi, sáng sớm vừa thức dậy, hai di cháu chạy vội đến lồng chim thì nó đã chết cứng tự bao giờ rồi. Tôi đào lỗ chôn nó dưới gốc cây nguyệt quế trước nhà mà lòng cứ ân hận hoài.

Đối với tôi, lũ chim giống như bầy trẻ hồn nhiên đáng yêu; mỗi khi thấy chúng tung tăng đùa giỡn chuyển từ cành này sang cây khác tôi cũng vui, nhưng khi thấy một con chim lẻ bầy lững thững trên sân tôi lại thấy lòng xót xa. Tôi cảm thấy giữa tôi và bọn chúng có một cái gì đó thật gần gũi.

Một hôm tôi ra quét sân. Ô, thật là ngạc nhiên: một chú chim non chập chững đi trong sân nhà. Thấy tôi, nó không bay mà trốn vào một góc sát chụm cây. Tôi hé miếng ván, nó nhìn tôi với đôi mắt thật hồn nhiên dễ thương. Tôi úp miếng ván lại, rút kinh nghiệm lần trước không làm gì nó. Suốt mấy ngày sau, tôi để gạo và nước dưới gốc cây và luôn quan sát nó. Chiều chiều tôi ra quét sân, nó lại đứng đờ, đứng đỉnh tìm chỗ núp. À, thì ra đây là một lũ chim non bị gió làm bay tổ, vì sau đó tôi phát hiện trong lùm cây kiếng ở hàng xóm lại có hai con chim ở đó nữa. Tôi và bà hàng xóm sợ chúng bị mèo vồ nên vây bắt con chim nhà bà để đưa ra xa, khỏi tầm quan sát của con miu đen mắt xanh. Lạ chưa, tôi vừa chộp được một con chim non thì bỗng đâu một con chim sẽ bay vù đến kêu quác lên, rồi một bầy khoảng mười con chim bay đến định tấn công tôi. Lúc ấy, tôi mới chợt nhận ra rằng những chú chim non này luôn được bố mẹ và bầy đàn theo dõi, bảo vệ chặt chẽ. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Suốt liền nhiều buổi sáng, tôi quan sát mấy chú chim non quanh sân nhà tập leo trèo, chuyển từ cành này sang nhánh khác, tập bay từng đoạn ngắn, có lúc bay quá đà suýt tông vào mặt tôi... Cho đến hơn một tuần sau, tôi được nhìn tận mắt chú chim non bay thoát lên tường nhà và vút lên cành cây cổ thụ bên đường. Bố mẹ nó kêu toáng lên như mừng chiến thắng. Thế đấy, mỗi sinh vật đều có một gia đình và một thế giới của chúng.

Khi còn nhỏ, tôi cứ nghĩ loài chim là loài sống tự do nhất, chúng có cả một khoảng không bao la với cánh rừng bạt ngàn. Vậy nên lúc còn trẻ, tôi mơ mình như một cánh chim có thể tung bay, bay đi khắp mọi miền. Giờ tôi mới thấy mình nhầm. Mỗi loài đều có một ngôi nhà, một giang sơn riêng với không gian thật gần gũi. Tôi cũng đã chứng kiến bọn chim bé xíu ấy giận dữ và kêu gào lên khi những người công nhân của công ty cây xanh cưa đốn những cành lá làm rơi đi những tổ chim và những chú chim non chưa mở mắt. Tôi lại nghĩ con người sao quá vô tình, độc ác khi đốn hạ không thương tiếc những cây xanh, tàn phá rừng, nơi ẩn trú của bao sinh linh nhỏ bé yếu ớt, vô hại cần được che chở, bảo vệ. ■

Đôi bạn già thân thiết

MAI XUÂN HIỆP



Chú Giang Thanh là người Hoa, được cả xóm gọi là chú Bảy Trệt. Dáng người cao ráo, môi luôn nở nụ cười thân thiện. Nhờ vào tính siêng năng cần mẫn và khéo tay, chú luôn tìm cách làm mọi việc để có thu nhập nuôi sống gia đình. Ngay sau tháng Tư năm bảy mươi lăm, đời sống kinh tế rất khó khăn, chú đã tự tìm cho mình nghề hàn thùng tưới cây từ những tấm tôn cũ để đáp ứng nhu cầu cung cấp rau xanh trong thành phố; đến khi nhu cầu thùng tưới cây giảm đi, chú lại đan chiếu, thắt dây lác gia công làm hàng thủ công mỹ nghệ, rồi chú chuyển qua chạy xe lôi, sau đó là xe lôi đạp... đó là dấu ấn thành quả lao động sáng tạo của chú, cũng là nỗi khát khao vượt khó, vươn lên tìm cái ăn cái mặc nuôi vợ và bảy con nhút nhít năm sáu đứa cho đến lúc trưởng thành.

Chú đã qua tuổi bảy mươi, chiều cao hơn một mét bảy cũng đã khom thấp xuống theo thời gian. Cuối cùng thì ông trời cũng đã đến bù cho chú. Qua bao gian truân vất vả, những người con chú lớn dần, cũng biết bươn chải, lăn xả để tìm miếng cơm manh áo phụ giúp gia đình, đời sống của chú cũng thư thả hơn.

Từ ngày xe lôi, xe ba gác không còn được lưu hành để đảm bảo an toàn giao thông và làm đẹp cảnh quan thành phố, chú Bảy buồn lắm; chú thấy thiếu vắng một cái gì thân thiết trong cuộc sống hằng ngày. Người xưa bảo “cái nghiệp nó triệt vào thân”, những lối nhỏ thân quen trong vài chục năm chạy xe đã tạo ra “lối mòn khó quên” trong tâm thức của chú, do vậy sáng nào chú cùng chiếc xe “đòn giông” - người bạn thân thiết - tìm lại một thời vui buồn gian khổ, mặc dù chú đã quá quen những cảnh vật trên con đường này. Điểm thân quen chú thường ghé ngồi



chơi trước khi về nhà là tiệm sửa xe của chú Ba, người bạn đồng hành chạy xe lôi cả chục năm với nhau và cũng là người bạn thân thiết trong cuộc đời chú.

Sau khi bị tai nạn giao thông gãy chân, chú Ba không thể chạy xe được nữa, đem số tiền chắt chiu, dành dụm mua dụng cụ mở tiệm sửa xe dầu hẻm, mong kiếm ít tiền tiếp vợ con chợ búa hàng ngày.

Sáng nào cũng vậy, trừ những ngày mưa bão, sau một vòng theo thói quen chú Bảy lại dừng xe dành mười phút ngồi bên chú Ba tâm sự thể thái nhân tình, chuyện con cái, cháu chắt.

Hôm đó xe tôi hư, ghé nhờ chú Ba sửa. Trong khi ngồi chờ, tôi cũng vui lây tình cảm của hai ông bạn già: “Con thấy hai chú thân mật với nhau quá, khiến nhiều người ganh tỵ. Có tiền bạc cũng chưa không kiếm được tình bạn như hai chú”.

Chú Ba nói: “Ờ, tụi tui chơi với nhau nhiều năm rồi. Cùng chung chạy xe, đem mồ hôi đổi lấy bát cơm, nên hiểu nhau hơn ai hết. Vắng một vài hôm là lo lắng cho nhau sợ có đau ốm gì không? Tôi với ông hình với bóng, tuy nghèo mà vui cô ạ!”.

Cảm động trước hình ảnh hai người bạn già, tôi đã chụp lại mấy kiểu ảnh để tặng các chú làm kỷ niệm. Chú Bảy rất mừng, thấy có đám bông giấy nở rộ trên tiểu đảo giữa đường, chú bảo tôi ra đó chụp cho chú một “pô” với hoa. Khi tôi đưa tay sửa lại áo khoác của chú “sộc sộc” và nói: “chú bỏ mũ ra, cháu chụp cho rõ mặt”. Chú cười thật tươi, ôn tồn trả lời: “Con cứ chụp đi, chú thích mặc chiếc áo khoác và đội chiếc mũ này, đó là những vật thân thương của chú”.

Mãi công việc, gần cả tháng sau tôi mới rửa ảnh và mang lại nhà cho chú Bảy, chú vui lắm đi khoe khắp xóm, tất nhiên là có khoe với cả chú Ba nữa. Xem hình xong hai ông lão đều cười thật rạng rỡ.

Người ta thường nói “Người già như chuối chín cây” thật đúng vậy. Mới dăm bữa sau ngày tôi đưa hình tặng, chú Bảy đã ra đi do bị bệnh bất ngờ. Tôi đến viếng và không ngờ lần chụp ảnh đó là lần cuối cùng của chú và một trong những chiếc ảnh đó được gia đình chọn rửa lớn ra làm ảnh thờ.

Thím Bảy tâm sự với tôi: “Mấy tấm ảnh con chụp ông lúc còn sống ông thích lắm, khen con có tay nghề chụp đẹp, thím lấy ảnh đó làm ảnh thờ”. Vậy là tôi đã giúp chú giữ lại cho vợ con chú hình ảnh với nụ cười thanh thản.

Mấy hôm sau, trên đường đi làm tôi ghé cho chú Ba hay chú Bảy đã mất, chú Ba kêu sáng sốt: “Trời ơi! sao lạ vậy, thảo nào mấy bữa nay tao trông mãi mà không thấy ông ghé như mọi khi! Tội nghiệp ông quá bây ơi!”. Khuôn mặt chú trầm xuống, hai dòng nước mắt chảy trên khuôn mặt sạm đen vì dầu dãi nắng mưa.

Chiều nay bên ngôi mộ mới, có một ông lão loay hoay che gió mưa đốt nén nhang thơm chia tay người bạn già dưới cơn mưa. Trong nước mưa rơi trên mộ có cả nước mắt của người bạn thâm giao. ■



Thương lắm rau dền

NGÔ THỊ HƯƠNG QUẾ

Vào những ngày cuối tuần, tôi vẫn có thói quen tìm về khu vườn của mẹ cha ở ngoại ô thành phố để gặp lại những thửa đất được phủ kín bởi màu xanh của cỏ và rau dền, của những thảm rau muống thấp thoáng những cánh hoa tím biêng biếc... nhưng cái chính là tôi về tìm cho mình loài rau yêu thương của tuổi ấu thơ, loài rau dền gai. Bên cạnh những cây rau dền tía đỏ thắm, những cây rau dền cơm kết hoa từng chùm li ti thâm nâu, trong khu vườn của mẹ cha tôi vẫn luôn có những cây dền gai sắc nhọn lẫn vào với đám cỏ dại.

Nhớ những ngày xưa khi còn thơ ấu, chính cây rau dền đã “cưu mang” gia đình tôi vượt qua những buổi giáp hạt đói kém, qua những thời gian tiết trời khô hạn. Mỗi buổi sáng, khi những giọt sương đêm còn ngủ quên trên cành cây, mẹ tôi đã thức giấc quây đôi quang gánh ra vườn hái rau. Đôi bàn tay mẹ thoăn thoắt nhổ rau, thoáng chốc những bó dền cơm, dền tía đã xếp hàng ngăn nắp trên hai chiếc thúng; mẹ sửa lại đôi quang gánh chuẩn bị gánh rau dền xuống chợ huyện. Theo bước chân nhịp nhàng của mẹ, những cây

dền tía, dền cơm khẽ rung rinh chiếc lá như vẫy chào mảnh vườn thân thuộc để tỏa đi muôn ngả bên mâm cơm mỗi gia đình.

Sau buổi chợ trở về nhà, mẹ không quên trở lại góc vườn, nơi có những cây dền gai xen lẫn đám cỏ mặt, thứ cỏ mà mẹ vẫn hái để chị em tôi gội đầu trong chiều nắng ấm. Những cây rau dền gai mạnh mẽ vươn lên cao hơn đầu ngọn cỏ, khoe những chiếc gai sắc nhọn mà nếu không để ý sẽ bị chúng đâm đau nhói. Cũng bởi “sở hữu” những chiếc gai ngang ngạnh ấy mà rau dền gai ít có dịp xuất hiện ở chợ, dù vị của rau dền gai đậm đà và ngọt hơn rau dền tía, dền cơm. Mẹ cẩn thận tỉa những chiếc lá non và ngọn rau để riêng lại một góc. Rau dền gai, thứ rau dại tưởng chừng bỏ đi ấy, nhờ tài khéo léo nấu ăn của mẹ, hai cha con tôi sẽ được thưởng thức món canh ngọt lịm, thanh mát mà chỉ cần nghĩ đến thôi cũng ran đầu lưỡi. Mẹ bảo cây rau dền gai tuy hình thức có xấu xí và khó ưa nhưng thực ra nó là loại rau ngọt, đậm đà nhất trong các loại, đặc biệt là mùi vị của nó thì không thể nào trộn lẫn.

Mẹ cẩn thận rửa sạch nắm lá rau dền gai, với chút



tôm khô giã nhỏ, bỏ vào chút bột canh, thoảng chốc đã có ngay bữa cơm ngon, với món rau dền thơm mát. Những ngày hè nắng nóng được trở về nhà mà gặp ngay bát canh rau dền nấu tôm của mẹ đã thấy mát mắt, mát lòng. Rau dền nấu chín mềm và có vị ngọt dịu dàng, là loại rau dễ ăn, có người còn bảo ăn rau dền nên thuốc nữa. Tất nhiên cũng phải tùy mùa; không đúng mùa thì rau dền cũng cứng lắm và thiếu đi cái đậm đà của vị ngọt. Trên chiếc mâm đồng của mẹ, còn có đĩa cá rô rán giòn, có bát tương gừng, có món dưa cà... Rồi mẹ múc canh ra bát, canh nóng tỏa ngát một mùi hương dịu dịu. Múc bát canh ngỡ như gặp được cả ân tình của đồng nội dành cho người tri kỷ.

Đám rau dền cơm vốn dễ tính và không kén đất nên dưới bàn tay chăm sóc của mẹ tôi chúng lớn nhanh và cứ thế sinh sôi nảy nở suốt mùa này sang mùa nọ. Loài rau ấy cần cù chịu khó chắt chiu dinh dưỡng từ lòng đất thành tinh hoa cho mình. Rau dền cơm mọc quanh thềm giếng, trong vườn, và cả sau nhà. Riêng rau dền tía là được mẹ ưu ái nhất dành hẳn cho ba mảnh đất sân trước nhà, nhìn từ xa, mảnh đất trồng dền tía giống

như một vườn hoa rực rỡ sắc màu. Nhưng có lẽ đặc biệt nhất là loài dền gai, chúng xa lạ với sự chăm lo với sự hối thúc của các loài phân bón mà các loại rau khác phải dùng, nhiều khi chúng cũng không màng đến sự quan tâm của mẹ, bởi mảng dền tía, dền cơm hầu như đã lấy hết thời gian, công sức của mẹ những buổi làm vườn. Trong mưa, dền gai giơ tay lá vẫy mưa, đua theo gió mơn man, vươn lên mơn mớn.

Giờ đây mẹ cha tôi đã lần lượt từ giã cõi đời. Căn nhà nhỏ với khu vườn xưa nơi mẹ tôi hàng ngày chăm sóc những luống rau dền cũng không còn. Tôi vẫn nhớ mãi khu vườn nhỏ, nơi đấng sinh thành đã vất vả mưu sinh nuôi tôi nên người. Tôi nhớ lắm những cây dền gai vươn cao trong đám cỏ mọc. Thỉnh thoảng, trở về chốn xưa, tôi không còn nhận ra được khu vườn ngày trước đã nuôi lớn tôi, mà chỉ thấy những tòa cao ốc đang thi nhau mọc lên. Chẳng hiểu sao có lúc vào buổi chiều tà tôi vẫn thấy trong không gian thoáng thoáng vị ngọt thơm nồng nàn của cỏ mọc như níu bước chân người cũ. Tôi nghĩ, chắc mẹ cha vẫn đang ở bên cạnh tôi, dõi theo con đường phía trước mà tôi sẽ qua... ■



Hồn quê

TRƯƠNG THANH LIÊM

Tiếng còi xe dưới mặt đường cứ vang lên inh ỏi không lúc nào dứt. Không gian có trở nên yên tĩnh chẳng thì chỉ vào thời điểm sau mười hai giờ đêm đến ba giờ sáng. Bao giờ cũng vậy, mẹ tôi cũng thức rất khuya ngồi trầm ngâm trên lan can lầu hai nhà tôi nhìn xuống thị xã đang rực rỡ ánh đèn đêm. Những đêm mưa bão thì

mẹ chòng lên người một chiếc áo lạnh bằng len cũ kỹ máu xám tro, đăm chiêu nhìn về phía trời xa.

Cách đây ba tháng, thấy mẹ cực khổ ở quê, vợ chồng tôi năn nỉ mãi mẹ mới chịu về thị xã sống với con cháu. Ba tôi mất đã hai mươi năm, mẹ vẫn sống thui thủi một mình ở quê nghèo. Lâu lâu mẹ lại đón xe đi thăm từng đứa con với vài đòn bánh tét, vài chục bánh ít nước tro

kèm theo mấy nải chuối sấp cho lũ nhỏ.

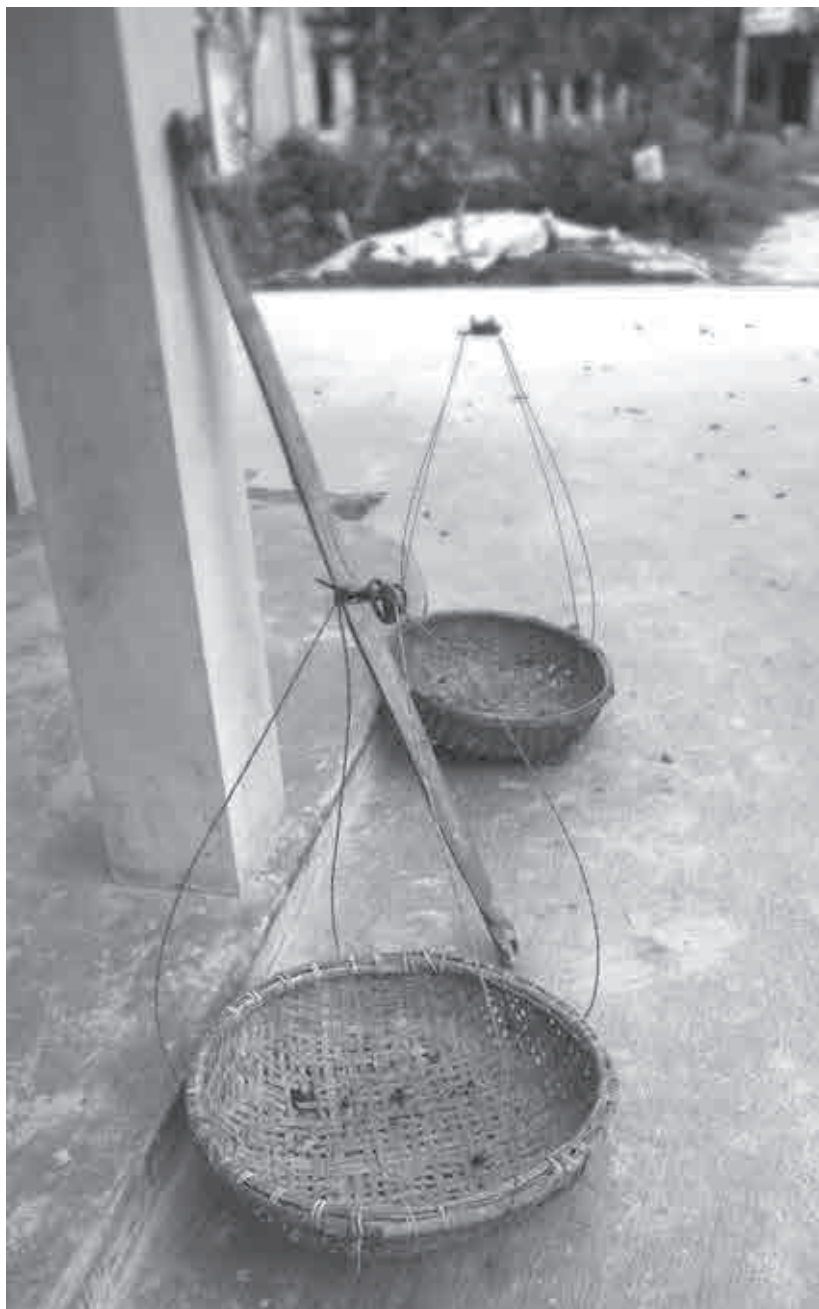
Đêm nay, mẹ tôi không ngủ. Có một cơn bão đang tràn về khắp thị xã. Gió thổi phấp phật kèm theo tiếng rú rít hú hú, hàng cây sao bên đường chao qua chao lại để chống chọi cơn giận dữ của bão giông. Mẹ vẫn ngồi đó lặng im như pho tượng. Chiếc áo ấm xam xám nhập nhòe trong màn đêm. Có lẽ mẹ đang nhớ về quê. Ở đó quanh năm dịu mát, những cơn sóng trắng xóa cứ đập vào bờ như đang kể chuyện, như chở che cho những giống cát phù sa. Mẹ thường nói gió ở quê tôi thật mát dịu, thật ngọt lành, chân chất.

Lần này lên ở với chúng tôi, mẹ cũng không mấy vui. Lúc nào cũng đau đầu nhớ quê. Buổi sáng cứ nhất định ăn cơm nguội hấp lại với món “kho quẹt”, lại nâng nặc đòi tắm nước lạnh và gọi đầu bằng trái bồ kết mẹ mang từ quê ra. Nhớ cái ngày ra đón mẹ ở bến xe, vợ chồng tôi phải giật mình với bao nhiêu dụng cụ mẹ mang theo. Nào là thúng tre, chổi tàu cau, cây đòn gánh và cả quang giông. Về đến nhà, mẹ lặng lẽ xếp những vật dụng mang từ dưới quê lên đặt vào phía trong gầm cầu thang của nhà tôi. Tôi nhớ như in cách đây gần hai mươi năm khi ba tôi mất, cũng giông gánh đó mỗi ngày kéo kẹt trên vai mẹ đi bán sương sâm sương sa hột lựu để nuôi mấy anh em tôi ăn học. Có khi tối mịt mẹ tôi mới về đến nhà. Đòi chân trần đã lị không biết bao nhiêu cây số đường dài đến nỗi chai sần lên thành từng lớp. Chị Hai tôi thường lấy lưới lam gọt đi những lớp vảy chai sần đó, vừa gọt mà hai mẹ con nước mắt rơi tầm tã. Ngày nào đi bán về mẹ cũng mua cho các con khi thì vài trái bắp luộc, lúc thì một mớ khoai lang, khoai mì. Đó là những tháng ngày hạnh phúc nhất của chúng tôi bên mẹ, nghèo nhưng thật ấm cúng.

Mỗi tối, năm anh em tôi và mẹ ngủ chung một chiếc mùng to tướng vá víu rất nhiều chỗ đến nỗi chúng tôi gọi đùa là mùng “cái bang”. Mẹ cẩn thận mắc mùng cứ lo sợ muỗi vào làm chúng tôi không ngủ được. Hôm nào có đứa bệnh là mẹ nằm cạnh bên nhúng khăn nóng lau trán suốt đêm, có khi mệt mỏi quá mẹ thiếp đi một lúc rồi lại giật mình thức giấc sờ trán con. Có lúc tôi tự nghĩ sao đời mẹ vất vả gian nan quá và hình như mẹ sinh ra đời để chịu đựng và lo toan cho chồng con không phút giây nào ngơi nghỉ. Những đêm cùng mẹ thức khuya để vò sương sâm kịp phiên chợ sớm mai, chúng tôi được mẹ kể rất nhiều câu chuyện tôi còn nhớ mãi cho đến bây giờ. Mẹ kể rất hay dù chưa hề được đi học ngày nào. Có lần đi làm về sớm tôi thấy mẹ soạn giông gánh ra rồi cẩn thận lau chúng bằng chiếc khăn sạch. Mẹ trân trọng nâng niu chúng như một bảo vật thiêng liêng lắm. Mắt mẹ cứ rung rức nỗi buồn tiếc nuối một thời đã qua. Hình như hồn quê tôi cứ phấp phật đâu đây, vẫn nghe rì rào trong gió, có tiếng ập ập của con sông rộng, có mùi chan chát mằn mằn của quê hương.

Sáng nay khi thức giấc, tôi đã thấy mẹ thu xếp quần

áo cho vào chiếc giỏ đệm cũ kỹ. Cạnh đó là cây đòn gánh và hai cái giông, chiếc chổi tàu cau được buộc cẩn thận gọn gàng. Mẹ quyết định về quê. Tôi đưa mẹ ra bến xe thị xã. Qua khung cửa sổ nhỏ nhỏ của chuyến xe đò cũ kỹ, tôi thấy mắt mẹ thật buồn, trầm tư nghĩ ngợi. Mái tóc bạc phơ lòa xòa trên vầng trán nhăn nheo cứ bay bay trong gió sớm. Mẹ cố gượng cười nhưng trong nụ cười đó tôi thấy có gì như giận dỗi như trách hờn nhưng cũng đầy sự tha thứ cảm thông. Linh tính mách bảo cho tôi một điều mẹ sẽ không còn đến với vợ chồng tôi nữa, những đứa con đang mất dần hồn quê, đang thờ ơ và bỏ quên quá khứ. ■





Bếp lửa yêu thương

ĐẶNG TRUNG THÀNH

S ắp đến ngày giỗ của ba. Tôi thì đang tất bật vì công việc đầu năm chất chồng như núi. Trong khi mẹ tôi đã lo sốt vó từ nửa tháng nay. Mẹ dọn dẹp nhà cửa cho thơm mát, lên kế hoạch cho việc cúng kiếng, mua sắm, mời bà con hàng xóm... Ngày ngày mẹ đều lấy di ảnh của ba ra lau chùi, mặc dù mẹ biết rằng ảnh đã sạch boong. Mỗi khi lau xong, mẹ ngắm ảnh ba rất lâu với thần thái thật khó tả. Đôi lúc mẹ cười, cũng có đôi khi mẹ khóc. Tôi hiểu, những lúc ấy mẹ đang quay về với ký ức của mình, thuở ba tôi còn sinh thời, là một người đàn ông khỏe mạnh, là trụ cột vững chắc của gia đình.

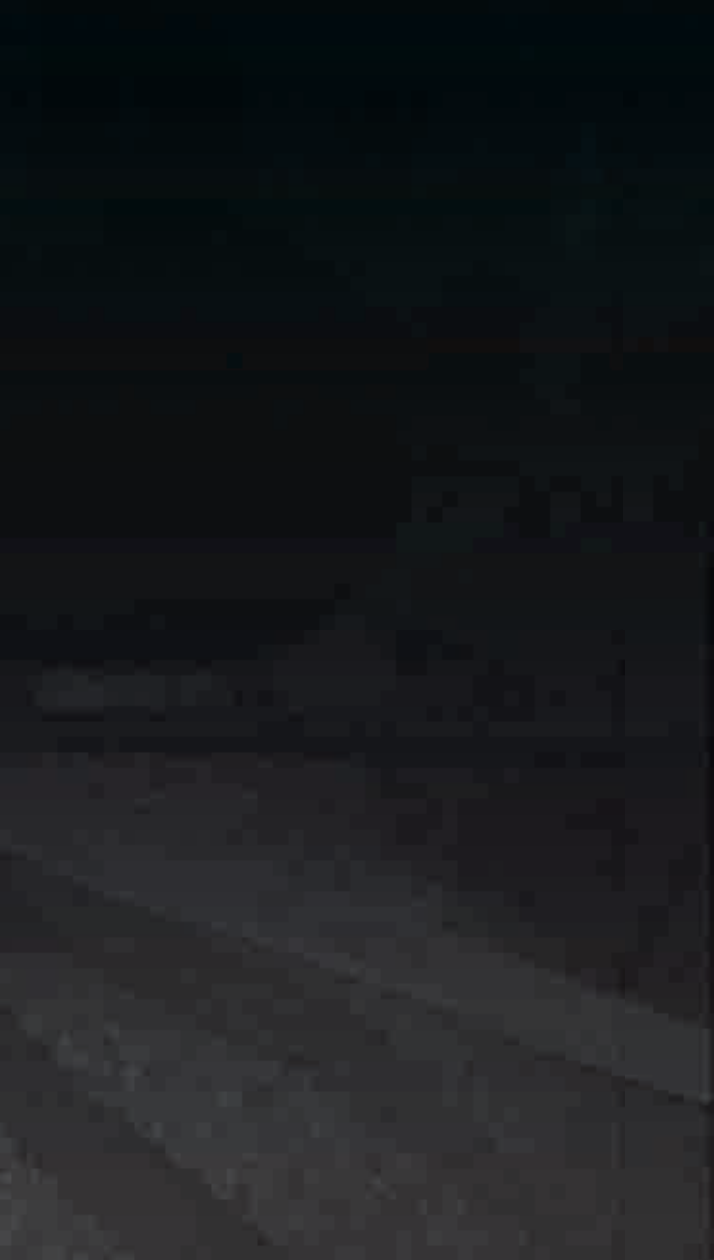
Ba tôi có thói quen dậy sớm từ ba giờ sáng. Ngay khi thức giấc là ba tôi liền nhóm lửa trên bếp để nấu nước sôi pha trà uống và ngồi sưởi ấm. Có lẽ đây là thói quen của ba tôi từ rất lâu, nhưng mãi đến một hôm tình cờ tôi trở mình thức giấc thì mới phát hiện ra trong bóng lửa lập lòe, ba đang ngồi ở góc bếp, nhâm nhi tách trà và suy nghĩ mông lung lắm. Tôi rón rén lại ngồi gần ba và hỏi rất ngây thơ: “Ba thèm trà lắm hay sao mà chưa

sáng đã thức dậy rồi?”. Ba cười và trả lời nhỏ nhẹ, như sợ phá giấc ngủ của mẹ: “Ừ! Ba thèm trà nên phải dậy sớm. Nhưng mà con không uống trà sao cũng thức chi sớm vậy?”. “Tại mùi khói xông vào mắt cay xè, làm con không ngủ được”.

“Vậy để ba dập tắt lửa nha! Con ngoan ngoãn vào giường ngủ đi!”.

“Thôi, con muốn thức với ba. Ba cứ để lửa củi cho sáng, khỏi tốn dầu lửa”.

Thế là hôm ấy tôi thức cùng ba. Ba kể cho tôi nghe nhiều chuyện vui thời đi bộ đội, chuyện ba mẹ làm quen với nhau, và chuyện ông bà ngoại không chấp nhận gả con gái xa xứ... Đến bốn giờ sáng, mẹ thức dậy, chuẩn bị cơm để ra đồng. Nói là chuẩn bị nhưng thực ra mẹ làm trong nháy mắt vì chỉ việc bỏ cơm vào gà-men, chút muối vừng, ít rau sống, vài con cá rô non đã kho tối qua. Bữa cơm đạm bạc đến thế nhưng ba mẹ tôi vẫn lao động hăng say. Ba ra đồng gặt lúa sớm, trong khi mẹ lại bế tôi lên giường ru tôi ngủ cho đến sáng. Trước khi đi, ba không quên mang theo ấm trà để nhâm nhi lúc giải lao.



Hàng ngày, cứ khoảng sáu giờ, mẹ ra đồng thay ba để ba về nhà công tôi đi học. Vì con đường từ nhà tôi đến trường rất lầy lội, phải đi qua mấy cây cầu khỉ, băng qua mấy con đê vòng vèo mới tới nơi. Sức mẹ là phụ nữ nên không thể gánh vác việc này. Tôi nhớ có lần mẹ công tôi đến trường, vì sợ trễ giờ học của tôi nên mẹ nhanh chân lội bì bõm trên cánh đồng đang vào mùa nước nổi. Khốn thay, hôm đó mẹ trượt té, làm hai mẹ con lấm lem sinh đất. Tôi buộc phải nghỉ học, còn mẹ phải nằm ở nhà mấy ngày liền không làm lụng gì được vì đôi chân sưng tấy. Kể từ đó ba không cho mẹ đưa tôi đi học nữa. Đi học với ba vui lắm. Ba vừa công tôi, vừa hát cho tôi nghe, ôn bài giúp tôi, lại còn làm trò cho tôi cười. Mỗi khi đến trước cổng trường, ba đều xoa đầu tôi và bảo: “Ráng học để sau này thành tài nghen con trai!”

Nhớ những đêm mùa đông lạnh thấu xương, nhà chỉ có hai chiếc chăn nhỏ nên ba nhường cho tôi và mẹ đắp, còn ba thì đi nhóm lửa ngồi sưởi ấm. Khốn nỗi củi hết, bếp lửa chỉ le lói vài cây đang sắp tàn khiến cho

chiếc ấm nước không sôi. Ba co rúm trong góc bếp, vừa nhấp ngụm trà hơi ấm vừa ho khục khặc vì lạnh. Tôi lại trở mình thức giấc, vội quấn chiếc chăn xung quanh người và đi đến bên ba:

“Lửa ngưng cháy rồi, sao ba không cho củi vào?”

“Củi hết rồi, con trai ạ! Trời lạnh lắm, con vào giường đi”.

“Ba cũng lạnh kìa! Hay con với ba đắp chung chăn nha?”.

“Chiếc chăn bé nhỏ, sao trùm kín hai cha con mình?”

“Con có ý này. Ba trùm chăn đi, còn con rúc vào lòng ba, như vậy hai cha con mình đều ấm”.

“Thằng này... đáo để thật”.

Tôi lại hỏi ba:

“Trời lạnh như vậy sao ba đi gặt lúa được? Vả lại trời không có trăng, sao ba nhìn thấy lúa mà gặt?”

“Ba mẹ quen rồi! Gặt theo quán tính thôi. Nếu không gặt sớm thì không kịp cho người ta suốt lúa, như vậy lấy gạo đâu mà cả nhà mình ăn đây?”.

Nói rồi ba trầm ngâm, nhìn ra ngoài cửa sổ. Bầu trời tối đen như mực, những cơn gió lạnh rít từng cơn, đong đưa những tàu lá chuối nghe sột soạt, lay chuyển các thân tre sau vườn nhà nghe ken két đến nổi da gà. Nhưng tôi thấy yên tâm hơn khi có ba bên cạnh. Bếp lửa đã tắt từ lâu vậy mà tôi không thấy lạnh, ngược lại trong lòng tôi bùng lên một ngọn lửa ấm áp vô cùng...

Khi tôi vừa học xong lớp 12 cũng là ngày ba bỏ mẹ con tôi để về với đất. Mẹ khóc! Tôi khóc! Nhưng nước mắt không là phép màu để làm ba tôi hồi sinh. Từ đó tôi không khóc nữa. Mẹ thì thay ba nhen bếp lửa mỗi khi trời sáng. Cho dù ngày đông hay trời vào hạ oi bức mẹ cũng không quên thói quen này. Nói mẹ nhớ ba thì mẹ không chịu, nhưng trong lòng tôi rất hiểu, mẹ yêu ba biết nhường nào. Bếp lửa đã nói lên tất cả tấm lòng của mẹ đối với ba tôi. Mẹ không muốn tình yêu gia đình bị rụi tàn, không muốn ký ức tươi đẹp bị phai nhạt. Mà mẹ muốn nó phải sống vĩnh cửu với thời gian. Những đêm hè đổ lửa, giật mình thức dậy, thấy mẹ trầm ngâm bên bếp lửa đang bùng cháy. Trong ánh sáng lập lờ, tôi phát hiện ra rằng mẹ đang khóc. Mẹ khóc khê thôi, nhưng cũng đủ làm tôi đau xót, làm cho ba nơi lòng đất lạnh cũng thấy nhớ thương.

Ký ức cũng vẫn là một thứ gì đó lỗi thời so với hiện tại, và có người còn bảo rằng: “Kẻ luôn ngủ trong ký ức vẫn không thể nào thành công ở hiện tại và tương lai”. Tôi biết thế nhưng làm sao có thể quên được khi bếp lửa yêu thương luôn thường trực mỗi ngày trong tôi, và hình bóng người cha cứ luôn vây kín trí não tôi với những câu nói vỗ về: “Ráng học để sau này thành tài nghen con trai!” Đối với tôi, ký ức vẫn là điểm tựa, là nền tảng vững chắc uốn nắn từng bước chân tôi vào thế giới xô bồ của xã hội. ■



Lời chào

ĐÀO MINH LÂM

Nhớ lại ngày còn nhỏ, đại gia đình tôi lúc ấy gồm có ông bà nội, cô chú, bố mẹ, các anh chị em họ... Mỗi bữa cơm, ông bà nội tôi thường ngồi đầu bàn, kế đến là bố tôi vì bố tôi là con trai cả, sau đó là các cô chú theo thứ tự, cuối cùng mới đến các cháu nội ngoại. Trong nhà lúc bấy giờ tôi là người nhỏ tuổi nhất nên vẫn ngồi sau rốt nhưng lại là người lên tiếng “chào” trước tiên.

Đầu tiên là mời ông bà nội ăn cơm. Sau đó, phải mời bố mẹ, các cô, chú trong gia đình ăn cơm, rồi đến mời các anh chị ăn cơm. Cuối cùng, khi ông nội nói “Cả nhà ăn cơm” thì lúc ấy mới bắt đầu ăn. Ngày nào cũng phải làm “thủ tục” như vậy, cho nên một cậu nhóc như tôi bỗng sợ những bữa cơm, sợ phải “chào mời” một danh sách dài dằng dặc. Ngày đó, lúc mới bước chân vào bậc tiểu học, khi đến trường, tôi đã được cô giáo dạy: “Ra đường, các em phải lễ phép. Thấy ông già, bà lão phải vòng hai tay chào hỏi: ‘Con chào ông bà ạ’. Đi học về đến nhà phải ‘Con chào bố mẹ con mới đi học về’. Chính sách “đi thưa về trình” ngày đó sao mà nghiêm ngặt thế không biết!? Còn chuyện về tới nhà phải thưa gia đình mới đi học về cũng vậy. Nhà đông người nhưng không được thưa đại khái, lấy lệ. Thưa từng người một! Đó cũng là một “cực hình” với tôi vào những ngày xưa ấy.

Nhưng cái nếp sống có vẻ phong kiến ấy lại dạy cho con người ta sự lễ phép, kính trọng và biết sống có trước có sau. Còn như bây giờ tôi thấy có quá nhiều người sống hời hợt. Họ chỉ biết đến cái tôi ích kỷ của bản thân, với họ, họ quan niệm “người ta phải chào mình trước đã”, hoặc có gặp cũng làm bộ tỉnh bơ như không nhìn thấy ai cả. Khi xã hội ngày càng hiện đại, mọi người ngày càng bận rộn thì tiếng chào hỏi dường như cũng được “quy ước” ngầm là cần phải rút ngắn đi hay sao ấy; vì thế, tôi thấy đôi lúc lời chào trở nên thưa thớt. Tuy nhiên, nếu không cất lên tiếng chào, ít ra khi gặp nhau cũng cần biểu hiện sự chào hỏi bằng cái gật đầu, ánh mắt thân thiện, hay nụ cười thì vẫn có thể giúp chúng ta xóa đi

khoảng cách vô hình xung quanh.

Lời chào còn là “phương tiện” tình cảm mở đầu cho việc làm quen với người lạ. Với người quen, lời chào làm tăng thêm tình cảm gắn bó mật thiết với nhau. Giận nhau lâu ngày nếu “đối phương” đã mở lời chào là đã có ý muốn hòa giải giữa hai người. Người nhỏ tuổi đi ra đường gặp người lớn tuổi phải cất lời chào trước. Ở trong nhà, con cháu phải chào ông bà, cha mẹ trước khi đi học, đi làm và khi trở về. Mỗi lần chào các cháu còn khoan tay rất lễ phép. Những năm gần đây tiếng chào hỏi ngày càng giảm, kể cả người lớn lẫn trẻ con; trong đó có cả học sinh, sinh viên. Họ cho đó là chuyện vặt, chuyện nhỏ, không việc gì phải chào hỏi mất lời vô ích. Cất lời chào trước người khác hình như họ cảm thấy bị hạ thấp giá trị của mình. Đối với người trong nhà và người hàng xóm gặp nhau chan chát cả ngày việc gì phải chào hỏi, vẽ chuyện, vô ích! Có người thân quen đẩy gặp nhau không cất lời chào nhưng ngay cả nhếch mép cười tỏ ý thân thiện cũng không, mặt mày cứ căng thẳng như “đằm lè”. Lời chào, cứ tưởng đó là chuyện nhỏ, nhưng nó lại cao hơn mâm cỗ đấy. Nó là một trong những nét đẹp truyền thống có ý nghĩa nhân văn của dân tộc ta, làm sao cố giữ gìn và phát huy nó, đừng để nó bị mai một.

Nhớ lại ngày trước hỏi gia đình tôi ra ở riêng, không còn ở chung với ông bà nội và các cô các chú, các anh chị em họ hàng. Bữa cơm chỉ còn lại “thưa bố mẹ ăn cơm”. Nhưng thỉnh thoảng những dịp họp đại gia đình thì chuyện thưa mời như ngày nào vẫn phải thực hiện. Nhờ vậy mà những câu thưa thốt như thế dù muốn dù không đã là một phần của tôi. Khi lớn lên, đã đi làm nhưng khi vẫn còn ở với bố mẹ, tôi vẫn giữ nếp như vậy. Đi làm thì “Thưa bố mẹ, con đi làm”. Về thì “Bố mẹ à, con mới về”.

Cuộc sống ngày một bận bịu theo vòng quay hối hả. Chiều nay đi làm về, tôi lại mong có dịp nào đó về lại ngôi nhà xưa để nói câu quen thuộc “Thưa mẹ! Con mới đi làm về”. Bỗng giật mình nhận ra, lời mình vừa nói sao ấm áp, thân thương thế! ■

Vấn đi

NGUYỄN SĨ CẨM

Yêu đời đâu cần biết
 Đời vui hay đời buồn
 Sống một ngày sống hết
 Với cả tình yêu thương.

Nhiều năm tháng trôi qua
 Nghĩ đường đời còn xa
 Mà quên đầu trắng tóc
 Và quên đời phơi pha.

Từng bước đi ngăn lại
 Những ngày cũ mờ dần
 Từng đêm còn suy tính
 Đời vui được mấy phần.

Hôm nay bỗng giật mình
 Chậm bước, lòng buồn tênh
 Chút gì như tiếc nuôi
 Về cõi đời mộng mênh.

Sẽ đi, đời sẽ qua
 Hôm nay ta đã già
 Thời gian trôi hờ hững
 Kiếp nào lại có ta!

Trẻ cậy cha Già cậy con

PHAN THÀNH MINH

Mớm cơm nuôi mẹ ngày ngày
 Cơm lưng chừng muổng mà đây lo âu
 Ngoan nào mẹ
 Há miệng nào
 Giải chưa... này thuốc trời trao mẹ nờ

Tính chi bữa tính chi giờ
 Cứ khi mẹ thức con chờ sẵn đây
 Lại bát lại muổng cầm tay
 Lại ru lại dỗ lại cay mắt nhìn

Con giờ bán tín bán tin
 Thuốc hay chẳng thể làm nên chữ thầy
 Bệnh già nhân thế bó tay
 Nhìn mẹ con tính từng ngày héo hon

Đêm thức cùng với nỗi buồn
 Xót xa giọt lệ lăn tròn xót xa
 Ổn từ gan ruột ơn ra
 Công lao dưỡng dục mẹ cha sao đền.



Nghĩ về bước kinh hành

NGUYỄN TIÊU

Từng bước kinh hành không dẫn đo
Niềm vui an lạc vốn sẵn chờ
Công danh khanh tướng hầu vô cảm
Sân hận lắng chìm trong đáy thơ!

Đáy thơ khơi gợi nỗi niềm thương
Quá khứ vô minh kiếp đoạn trường
Mộng gá thân mộng là vọng tưởng
Cắt bước kinh hành thôi vấn vương.

Vấn vương gọi lại gió ngàn khơi
Kinh hành môi chớm nụ cười tươi
Một cõi vô thường còn hay mất
Đời cứ vô tình ta vẫn vui!

Vẫn vui nhìn thẳng lối kinh hành
Niệm Phật mong Ngài độ chúng sanh
Thoát vòng sinh tử tròn tâm nguyện
Nhất tâm an lạc với thiên thanh!

Thiên thanh trắng sáng với bạn thơ
Nguyên tiêu ngọn cỏ gió ru bờ
Kinh hành vọng động trong tâm tưởng
Đưa người lữ khách cõi xa mơ...

Xa mơ văng vẳng tiếng chuông ngân
Chùa xưa vang vọng phút tự tâm
Lắng huyền não nhẹ soi tinh thức
Nghe đời thom ngát một thanh âm!

Em về ngược gió

PHONG LAN

em về ngược gió
cánh hoa bằng lăng cuối cùng lặng ngổ
lời rao nặng nề rơi rớt dọc đường quanh
em về ngược gió
giọt mồ hôi cha trĩu nặng bạc màu
đôi mắt mẹ thâm quầng đêm trắng
hạt gạo mềm oằn lưng cống đôi giống khoai xanh
em về ngược gió
chợt về chẳng trong em những kỷ niệm
tóc thề chạm ngày xanh
bao lời ca vương tròng quang gánh vắng
bồi hồi
em về ngược gió
có ai lợi ngược dòng?
em về ai ở lại?
gió buông lời!

Đòi hoang chim gọi

CHÂU PHƯỚC KIM

Đòi hoang chim gọi thiên thu
Ngàn trường heo hút mây mù chứa chan
Cuối đòi hoang vết cát lan
Dấu chân sóng vỗ ngút ngàn chim bay
Tháng phù sa với mưa ngày
Chìm theo con nước lưu đầy vết xưa
Chùng như gió hú nửa trưa
Mù sương đỉnh đá cũng chưa bao giờ
Thoáng ngùi dâu biển chơ vơ
Hơi oi dầu nổi tình cờ cũng cam
Gió khơi chợt động cây ngàn
Năm nghe sóng vỗ đêm bàng bạc mưa.



Người tá tở

HẢI TRÌNH

Nghĩ đến chiều nay có được mồi tá tở tại nhà bá hộ Khâm, thầy cửu Kiên bỗng thấy vui lên. Số tiền thù lao kha khá cũng đủ mua cho thằng út Khôi chiếc cặp da, mà hằng đêm nằm cạnh cha, nó vẫn thỏ thẻ niềm mơ ước. Ông thương thằng con út nhất nhà; không những vì nó ăn sau chạy dọì mà còn chịu cảnh côi cút quá sớm. Nhà lâm vào cảnh túng quẫn khi người vợ qua đời để lại

ba đứa con dại; đứa gái lớn vừa tròn con giáp, còn thằng út thì đang ở tuổi chưa rời vú mẹ. Tuy nghèo nhưng ông cũng cố mà giữ lấy nếp nhà. Ra đường chẳng ai biết ông đang gặp khó. Áo the thâm, quần lãnh là thẳng nếp, đôi giày Gia Định bóng loáng; trông cũng lịch lãm chẳng kém gì thầy thông, thầy phán. Thầy Cử sắp xếp để đến nhà bá hộ Khâm đúng giờ theo lời mời của vợ chồng lão.

Chiều nay như một ngày trọng đại, vợ chồng lão bá hộ

chuẩn bị tiếp thầy Cửu thật chu đáo. Trên bộ ván ngựa, một khay trà được đặt ngay giữa chiếc chiếu hoa cạp điệu còn thơm mùi cói mới, bên cạnh là đĩa mứt gừng vàng ối và gói thuốc Cotab còn nguyên. Vừa thấy thầy Cửu bước vào sân, vợ chồng bá hộ đã đơn đả ra đón vào. Bá hộ Khâm trịnh trọng rót nước mời khách. Uống chưa cạn chung trà, bà bá hộ đã đứng dậy vào ngay câu chuyện: Hôm nay vợ chồng tôi mời thầy đến đây để nhờ thầy tả tờ xin ly hôn cho đứa con trai của tôi với vợ nó. Thầy Cửu nghiêm giọng: Chuyện gì mà trọng hệ đến thế? Ông bà đã suy nghĩ kỹ chưa? Lão bá hộ chưa kịp trả lời thì bà vừa nhả cái bã trầu đã nhai đến mỏng dính, cảm vệt ra sân, rồi nhanh miệng:

Thầy thử nghĩ coi; ai đời đàn bà mà hư thân mất nét. Dỗ con chẳng được, trơ vào việc gì là hồng việc đó, hễ ai nói đến thì lại còn mồm năm miệng mười, chồng ăn chơi, lười biếng mà chẳng dám can ngăn. Cái hạng người như thế thì còn tiếc gì nữa mà không tổng nó ra khỏi nhà!



Như sợ bà sẽ kéo dài câu chuyện, thầy Cửu bèn ngắt ngang:

‘Thôi được, nhưng tôi ra trước hai điều kiện nếu ông bà chấp thuận thì tôi mới giúp được: Thứ nhất là tiền thù lao phải gấp đôi những việc thông thường vì đây là việc làm húy kỵ, thất đức. Thứ hai là tôi không bảo đảm cái đơn này sẽ làm cho ông bà thỏa mãn; vì xử thế nào là quyền của ngài lý trưởng và các vị trong hội đồng hương chính!’

Nói vậy nhưng thầy đoán chắc là vợ chồng ông bà hộ sẽ thẳng kiện. Bởi lẽ ông lý, ông bộ; những người cầm cân nảy mực ở cái làng nầy đều là chỗ thân tình của họ cả. Những vụ xử lý hôn thường được tiến hành qua loa chiếu lệ. Sau một vài lần hòa giải bất thành; cuối cùng ngài thủ bộ phán: “Đồng tiền chiếc đũa chia đôi”¹. Thế là xong việc. Đường ai nấy đi, mặc cho hậu quả thế nào đi nữa. Họ thường xử theo nhu cầu và cảm tính. Luật lệ thì hầu như dựa vào thói quen, nếp sống lâu đời của làng xã. Thậm chí có vị dân chi phụ mẫu lại mang cái tội “thất xuất”² cổ lỗ sĩ từ thời Hồng Đức ra mà áp dụng cho việc ly hôn. Với số vốn kiến thức khá sâu rộng, thầy Cửu bắt đầu thấy cái vô lý về sự phân quyền của thực dân khi họ giao một công việc hệ trọng của đời người như vậy cho một đám hủ nho bè phái và tham ô quyết định. Chính bản thân thầy cũng là nạn nhân của chính sách ngu dân này. Mặc dù đã được một chân hương sư phụ khuyết, dạy học hơn một năm trời, nhưng cô thế, nên thầy vẫn bị bắt làm lính viễn chinh. Mãi đến giờ mà ông vẫn chưa quên cái cảnh: *Chàng đi Tây bỏ bầy con dại - Đứa đất, đứa bông thảm hại lắm chàng ơi!* Chính vì thế mà thầy quyết đem số vốn học thức tuy ít ỏi cộng thêm với kinh nghiệm mấy năm trong quân ngũ để làm một “thầy kiện” tự phát mà giúp đám dân đen đang chịu nhiều tầng áp bức và cũng như một nghề tay trái. Chứ nếu không, với năm sào ruộng nhĩ đẳng điền, ân tứ của hàm Cửu phẩm hữu danh vô thực; một năm một vụ, thất bát bất thường, làm sao nuôi nổi bốn miệng ăn. Đang suy nghĩ miên man. Bỗng thầy tỉnh người khi nghe bà phú hộ vừa cười vừa nói:

‘Việc nầy tôi hiểu cả, thầy cứ vui vẻ bắt tay vào việc đi!’

Thầy Cửu tần mẩn lấy trong chiếc cặp da một xấp giấy tây kẻ hàng mới tinh, trịnh trọng bước sang chiếc bàn đọc kê sẵn bên cạnh, đoạn ông cẩn thận mở bình mực ra để ngay trước mặt, chấm nhẹ ngòi viết lá tre vào; rồi ông bắt đầu hí hoáy viết. Thịnh thoảng ông ghé vào tai lão bá hộ hỏi nhỏ mấy điều rồi lại ghi ghi chép chép. Ngồi cạnh, vợ lão ra chiếu chăm chú trang trọng. Thấy Cửu dừng tay, ngời bóp trán, rồi lại viết tiếp được mấy dòng. Bỗng đứng thầy đứng phắt dậy, cảm tờ giấy đang viết dở vò nát trong tay rồi vệt ra sân. Vợ chồng lão bá hộ trở mắt nhìn mà chẳng hiểu cơ sự. Ông nhẹ buông người xuống ghế, nhấp hớp trà đã nguội, rồi chậm rãi: ‘Nói thật với ông bà, đã bao lần tôi

định bỏ phút cái nghề bạc béo nảy đi rồi, nhưng ngặt nỗi con còn nhỏ dại quá, nếu không làm thì lấy gì mà lo cho chúng. Các con tôi cũng đã mang nỗi khổ của kẻ mồ côi. Nay vì đồng tiền bát gạo mà tôi lại mang cái họa ấy đến cho người khác hay sao? Tôi còn nhớ như in những ngày đầu vợ tôi mới mất. Đứa con gái lớn vừa mới để chỏm, mà đêm nào cũng phải thức đến canh khuya, cầm bốn tao nôi ru hời ru hời đứa em đang khát sữa và nhớ hơi mẹ. Thuộc chỉ năm sáu câu hò mà phải hát đi hát lại chín lần mười lượt, nhưng em vẫn cứ khóc đòi mẹ. Nói dối mẹ đi chợ sắp về mà em chẳng nín; dỗ em chẳng được rồi chị cũng khóc theo. Nhìn cái cảnh ấy mà tôi nát ruột nát gan. Bởi thế nên tôi không dám thêm bước nữa. Chính vì vậy mà tôi xé lá đơn nảy, mong ông bà thông cảm cho.

Nghe xong, bà phú hộ lặng lẽ bỏ ra nhà sau. Vừa dứt lời, thầy Cửu đã vội bước ra sân mà chẳng chào hỏi ai một tiếng.

Ngồi ru con trong buồng, vợ thằng Tạo đã nghe rõ đầu đuôi câu chuyện. Nó đã bắt đầu lo sợ. Cách mấy hôm trước, trong lúc cho heo ăn, vì vô ý nó đã để đàn heo húc đổ máng, thức ăn vung vãi ra ngoài. Xót của, bà bá hộ lên tiếng la rầy. Đã không biết lỗi, nó lại còn lớn tiếng đòi co:

‘Lỗi tại bầy heo chứ đâu tại tui. Tay đã ôm hai đứa con dại, thì sức đâu mà lo cho xuể việc nhà mà suốt ngày lại bị hạch sách đủ chuyện.’

Bà bá hộ nói như cố tình phân bua:

‘Không phải tôi cố tình hạch sách cô. Đã bao lần rồi tôi bảo, khi cho heo ăn thì phải từ từ đổ thức ăn vào máng, như thế mới tránh được việc đổ tháo ra ngoài, nhưng cô nào có chịu nghe theo.’

Chỉ thế thôi mà vợ thằng Tạo đã mặt nặng đá treo, nó lại lằm bằm trong miệng: ‘Khó quá thì ở một mình chứ ai mà chịu nổi!’

Nghe qua, bà bá hộ bầm gan, tím ruột, nhưng cũng cố ráng nhịn khi nghe tiếng ông bá hộ đã về ngoài sân. Đã nhiều lần bà than trách với chồng về thái độ bướng bỉnh và những lời lẽ đanh đá của con dâu. Nhưng ông bá hộ lại tỏ ra không mấy quan tâm chuyện này. Ông chậm rãi:

‘Để từ từ rồi dạy dỗ lại, nó còn lòng non dạ trẻ trách cứ nó nhiều mà chi, lỡ anh chị sui nghe được người ta sẽ buồn vợ chồng mình. Dẫu sao đi nữa thì nó cũng sinh cho tôi và bà một lúc hai đứa cháu trai kháu khỉnh. Đã ba đời rồi giòng họ tôi cứ khắp khởi lo âu vì lúc nào cũng độc đinh với mấy cái “hũ mắm treo đầu giàn”.’

Cũng chính vì lý do đó mà đôi khi bà bá hộ phải lép vế trước chồng mặc dù rất bực vì đứa con dâu. Vừa đi đâu về, thấy thầy Cửu tay ôm cặp da từ trong nhà bước ra, thằng Tạo đã đoán được việc chẳng lành. Hắn vội theo chân đến nhà thầy ở lại trò chuyện chi đó tới khuya mới về. Đêm ấy hắn chẳng ăn uống gì, ôm chiếu mền ra nhà sau ngủ đến sáng.

Chừng một tuần sau, trong lúc ngồi uống trà sáng một mình trên bộ ván ngựa, thấy vợ chồng phú hộ Khâm đang xăm xăm bước vào, thầy Cửu nói vọng ra:

‘Chà hôm nay hai bác đi đâu mà có đôi có cặp thế?’

Lão bá hộ trả lời lí nhí những gì mà thầy không nghe rõ. Vừa bước vào nhà, bà bá hộ đã vốn vã:

‘Chào thầy, các cháu đi đâu cả mà thầy ở nhà một mình buồn thế?’

‘Thằng nhỏ vừa sang chơi nhà hàng xóm, còn hai chị em nó đang dọn dẹp gì ở đằng sau.’

‘Tội nghiệp, mới chừng ấy tuổi mà phải cáng đáng công việc nhà thay mẹ.’

Giọng buồn buồn, thầy Cửu nhỏ nhẹ:

‘Phận mồ côi thì đành phải chịu thiệt chứ biết làm sao. Vả lại, con gái thì cũng nên tập tành công việc cho quen, để mai kia còn phải đi làm dâu thiên hạ nữa chứ.’

Nghe nhắc đến hai chữ “làm dâu”, bà bá hộ hơi nhột. Vừa ngồi vào ghế bà liền nói ngay với thầy Cửu:

‘Hôm nay vợ chồng tôi đến đây trước là cảm ơn thầy và sau nữa là gửi chút tiền thù lao mà thầy đã bỏ công giúp vợ chồng tôi bữa trước.’

Vừa nói bà vừa để chiếc phong bì đỏ lên bàn. Thầy Cửu vội đưa tay khoát khoát:

‘Nào tôi có giúp được gì cho ông bà đâu mà ơn với nghĩa.’

Bà hộ Khâm liền đứng lên trịnh trọng nói:

‘Kể từ hôm tôi mời thầy đến nhà và cái đêm thằng con trai tôi từ nhà thầy về, vợ chồng nó đã biết ăn năn hối cải và sống đàng hoàng hơn trước nhiều. Tuy thầy không nói ra, nhưng vợ chồng tôi cũng thấu rõ được lòng tốt của thầy. Nói thật, cái công thầy đã thuyết phục được con tôi nó còn cao gấp mấy cái công thầy ngồi tả tở nữa. Vậy xin thầy vui lòng nhận món quà nhỏ để vợ chồng tôi khỏi áy náy.’

Chồng chưa dứt lời thì bà bá hộ đã chen vào:

‘Còn một việc này vô cùng hệ trọng, xin thầy giữ kín cho. Thú thật với thầy mọi việc vừa qua là do một tay tôi sắp đặt. Tôi biết vợ chồng nó hết mực thương nhau. Nhưng thấy gia đình có của ăn của để nên chồng thì phá tán, vợ thì chẳng biết lo toan công việc làm ăn, lại còn không biết cách đối xử với gia nường. Thế nên tôi mới bày ra cái trò “để bỏ” hầu răn đe bọn chúng đó thôi; chứ làm cha làm mẹ ai lại đi làm cái chuyện ác đức ấy. Chính hành động của thầy hôm đó đã cảm hóa được đứa con dâu bướng bỉnh của nhà tôi đến mức độ vợ chồng tôi không ngờ được. Thầy đúng là vị cao mưu túc trí nhất của cái làng này!’

Tiền hai vị khách đặc biệt ra về, nhìn theo cho đến khi khuất dạng, vào nhà uống tiếp chung trà, thầy Cửu Kiên tùm tùm cười: ‘Đàn bà như bà bá hộ Khâm xưa nay đã có được mấy ai!’

Chú thích:

1. Là biểu hiện giá trị pháp lí cho việc li hôn.
2. Bày tội mà người đàn bà nào phạm phải cũng bị đuổi ra khỏi nhà chồng. (Bao gồm: không con, dâm dật, không thờ cha mẹ chồng, nhiều lời, trộm cắp, ghen tuông và có ác tật). ■

Tim về dòng sông tuổi thơ

NGHĨA HUỖNH

Dòng sông của tuổi thơ tôi thật êm đềm. Sau bao năm thảng vật lộn với đời để mưu tìm điều mà người ta gọi là hạnh phúc, tôi cũng đã trải qua lúc vui lúc buồn, lúc vận mệnh nổi trôi, lúc thành công và cũng nhiều lúc bị cuộc đời hất hủi, để cuối cùng rồi con tim tôi cũng quay về chốn ấy. Những thành thị tráng lệ, những cảnh tượng thiên nhiên hùng vĩ xứ người mà tôi từng đặt chân đến, chẳng nơi nào sánh nổi với miền đất mộc mạc quê nhà, nơi tôi đã được gắn gũi, được học hỏi nhiều điều sâu lắng từ ông bà ngoại. Đó là dải đất hiền hòa màu mỡ, có dòng sông Đồng Nai ôm trọn vào lòng như mẹ và con, mang tên Cù Lao Phố, một cái tên độc đáo, mang âm hưởng công cuộc kinh dinh đất mới của người Minh hương khi họ đã chấp nhận Việt Nam làm tổ quốc.

Tiếng “về ngoại” đã nhập vào tiềm thức tôi tự thuở nào như một tiếng vọng đầy yêu thương. Hồi nhỏ, cứ đến gần cuối tuần, khi ba tuyên bố “về ngoại” là lòng tôi rộn rã. Sài Gòn thời ấy không có phương tiện giải trí; đi Biên Hòa thăm ngoại cũng là được đi chơi, được đi đây đi đó, một dịp để được ra khỏi thành phố. Mà về ngoại thì còn hơn thế, vì tôi còn được vui chơi thỏa thích bên cạnh dòng sông, lại được ở gần ông ngoại để nghe ngoại dạy bảo. Trong quãng đời trôi giạt xứ người hơn 30 năm qua, hầu như lúc nào lòng tôi cũng hướng về chốn ấy. Đối với tôi, hành trình “về ngoại” bao giờ cũng là một hành trình yên vui không thể tả được. Trong ký ức của mình, tôi vẫn tìm thấy được một vùng đất diệu kỳ, một góc hạnh phúc thật bình dị, thật đầy đủ, thật yên vui đủ làm rộn nhịp tim tôi mỗi khi nghĩ đến. Tôi vẫn thấy lại dòng sông tuổi thơ với những buổi sáng ngồi tĩnh tâm bên cạnh ngoại. Tôi chợt



ngộ ra rằng nơi đó chính là cái nôi của tâm hồn mình, là nơi tôi có thể tìm về để đón nhận và ban phát lòng yêu thương giữa con người với con người. Nơi đó không có nỗi sợ hãi, ám ảnh, không có khổ đau và những bon chen dằn vặt của cuộc sống, là nơi có tình yêu thương chân thật và đẹp nhất trong cuộc đời tôi.

Vùng đất diệu kỳ đó thật ra chỉ là một mảnh đất nhỏ xíu thuộc về một địa phương có cái tên rất đơn sơ mộc mạc: xã Hiệp Hòa. Nơi đó hiện giờ là chỗ yên nghỉ của ông bà ngoại và ba má tôi. Tôi tự hỏi phải chăng đó là lý do mà hình ảnh của ấp Tân Giám, xã Hiệp Hòa, Cù Lao Phố vẫn liên tục trở về trong tâm tưởng tôi vào mỗi buổi sáng thanh tĩnh.

Nhà ngoại nằm sát bờ sông, êm đềm với hàng dừa nghiêng mình rất điệu nghệ soi bóng trên dòng nước đậm chất phù sa. Mỗi lần từ Saigon lên thăm ngoại, ba tôi lái

chiếc xe Simca cũ kỹ bò theo con đường đất nhỏ hai bên là ruộng lúa ngút ngàn, được một đỗi thì quẹo tay trái theo con đường đất nhỏ hơn nữa, cây cối bên đường bắt đầu chạm vào thành xe sột soạt. Con sông từ từ hiện ra trước mặt, không khí đối khác rõ rệt với làn gió mát làm dịu hẳn cái nóng bức của một ngày nắng đẹp. Con đường càng gập ghềnh hơn, chỉ đủ cho một chiếc xe len lách thờ dài với các ổ gà tứ tung, lúc bên phải lúc bên trái. Đoạn đường ven sông này đẹp nhất vì có lẽ nó đã mang đến cho tôi nhiều cảm giác háo hức. Mỗi lần khi thấy được bóng dáng dòng nước từ trên xe, bao giờ tôi cũng ngoài người về bên trái để nhìn ngắm, để thu nhận cái hình ảnh thân thương này vào tim óc. Chiếc xe oằn mình được một đỗi qua lũy tre rậm rạp thì nhà ngoại hiện ra bên tay phải.

Chung quanh nhà là dãy hàng rào, có các loại dây leo, bìm bìm phủ kín. Cổng vào trông thật kiên cố, hình như trên đầu có một dàn cho cây leo. Ngoại trồng bông quỳnh hay bông dung. Bông quỳnh có màu vàng rất tươi, cánh hoa lớn và mềm óng như nhung. Hồi nhỏ lũ chúng tôi thường bằm ra trộn với nước, để lâu một chút thì nó đông sệt lại như thạch. Tha hồ mà chơi “đồ hàng” bán đồ ăn bằng món sương sâm giả này cho nhau.

Trong ký ức, tôi bắt gặp hình ảnh của hai cánh cổng nhà cũ kỹ, hai bên là hai cột trụ xi măng. Các lớp sơn quét vôi đã bong ra gần hết theo năm tháng. Rêu xanh thì nhau bám vào thân trụ, càng gần mặt đất thì càng xanh.

Mỗi lần xe ba về đến nơi, vừa đậu trước cổng nhà thì ông ngoại đã bước ra, theo sau tiếng sủa của mấy con chó. Dáng ngoại cao lẫm, khoan thai bước đi trên khoảng sân rộng. Ngoại có tướng khuynh khuynh hai chân, cái quần rộng bay phất phơ trong gió khiến ngoại càng cao hơn.

Nhà có nền khá cao nên từ ngoài nhìn vào có dáng dấp hiên ngang ngạo nghễ một chút. Tuy vậy, màu sơn xanh lá cây lại làm dịu đi vẻ đồ sộ của nó giúp căn nhà như ẩn mình vào vườn cây xanh lá xum xuê xung quanh. Không biết lúc xây nhà, ngoại có xem phong thủy hay địa lý gì không mà căn nhà nằm xéo xẹo so với mảnh đất và con đường trước mặt.

Nổi bật nhất là cái hồ sen. Đây là một cái hồ nổi trên mặt đất, sen mọc kín cả mặt hồ, có vòi nước phun ở giữa hồ. Mùa hè hoa sen nở rộ trông như một bó hoa khổng lồ giữa khu vườn. Vặn nước vòi phun lên, các giọt nước biến thành các viên ngọc óng ánh lăn tròn trên nền lá sen mềm như nhung.

Từ cổng bước vào, phải đi chếch sang trái một đoạn mới thấy được chánh diện nhà ngoại. Bước lên vài bậc tam cấp là đến dãy hành lang thật rộng chạy dài từ trái qua phải mang lại cảm giác khoáng khoáng thoáng mát và thân mật, nơi tôi đã suốt ngày tung tăng mỗi dịp về với ngoại.

Căn nhà có rất nhiều cửa. Gian giữa có tới bốn cánh cửa cao và rộng, gian bên phải nơi ngoại đặt bàn thờ Phật có một cánh cửa cũng rộng nhưng gian bên trái, nơi ngoại thường ngồi đọc báo thì cánh cửa nhỏ hơn.



Tất cả các cửa này đều hướng trực diện với dòng sông nên làn gió mát bao giờ cũng đến được với mọi góc của căn nhà. Tôi không quên được cái cảm giác êm đềm khi thức dậy sau một buổi ngủ trưa trên đi-văng phòng khách. Gió khá mạnh từ dòng sông, mang theo mùi không khí ẩm ẩm, mùi bùn đất phù sa trộn lẫn mùi cây lá trong vườn. Tiếng cây lá xào xạc nghe lạ tai lắm, như một khúc nhạc, lúc trầm lúc bổng.

Tôi nhớ mỗi khi về nhà ngoại, tôi thường ngồi quan sát ngoại và những việc ngoại làm sau buổi cơm chiều. Ông đi thấp nhang với một bó nhang khá lớn, bắt đầu từ bàn thiên trước sân đến bàn thờ gia tiên, rồi sau cùng là bàn thờ Phật. Có thời gian tôi được ba má cho về ở với ngoại vài ngày. Tôi nhớ nhất những buổi sáng tinh sương, trời còn tờ mờ sáng, tôi thức dậy trong không khí mát mẻ. Gió mang mùi thơm cây trái, mùi nước sông, và mùi lá cây ngoại đốt ngoài sân ngào ngạt khắp không gian. Sống ở thành thị nhà cửa chen chúc, tôi bao giờ cũng mơ được ngắm bình minh trên ruộng đồng bình yên; và ở với ngoại, tôi đã thỏa niềm mơ ước ấy. Những lần ở lại với ngoại, tôi có dịp làm quen với cuộc sống hàng ngày ở ấp Tân Giám này.

Người dân ở đây sống hết sức hiền hòa chậm chạp, tương phản hẳn với những biến động chiến tranh trong nước ngày càng gia tăng. Ở đây tôi không thấy mùi bom đạn, và người dân quê quanh tôi sống đơn sơ đạm bạc. Họ sống lặng lẽ như muốn ghì níu lại cái thanh bình thuở trước.

Tôi cũng thích đạp xe đi thăm các ngôi chùa quanh vùng. Thích nhất là chùa Ông, có kiến trúc kiểu Trung Hoa, vị trí thì rất đẹp nằm ngay bờ sông, y hệt như một điểm du lịch. Từ sân chùa thật rộng người ta có thể nhìn thấy cây cầu Ghềnh bằng sắt bắc ngang sông Đồng Nai, nối Cù Lao với đất liền. Đi xích vào phía trong lại có chùa Chúc Thọ, cái tên có một không hai.

Buổi trưa đến, trời nóng dần theo vòng quay của kim đồng hồ. Tôi thường thơ thẩn ngồi thả hồn bên bờ

sông. Sông êm lắm. Nhà ngoại có một chiếc cầu ván bắc ra sông ở trước nhà. Lúc thủy triều lên, phân nửa chiếc cầu đã ngâm mình trong nước. Khi nước ròng, cây cầu lại trở về nguyên vẹn, nhưng mặt cầu đã phủ đầy phù sa, trơn như bôi mỡ. Vậy mà bọn trẻ chúng tôi chạy nhảy chơi đùa trên chiếc cầu này tinh bơ hằng giờ. Cảnh cây cầu là chiếc ghe của ngoại được cột và khóa lại ở một đầu. Tụi tôi thích chơi với cái ghe này lắm. Nhưng lúc nhỏ có bao giờ tụi tôi được phép tự ý chèo xuống một mình đâu. Dù bị cấm, chúng tôi cũng tìm cách phá phách, leo vào khoang thuyền, mở dây ở một đầu rồi đẩy chiếc ghe lao qua từ bên này qua bên kia, hết tấp vào cây cầu rồi lại cập vào sát bờ sông.

Đặc biệt con sông có nhiều lục bình lắm. Loài thủy sinh này chẳng ai chăm sóc nuôi nấng, vẫn tự sống mạnh mẽ. Lục bình có màu xanh lục rất tươi, các lá tròn tròn úp vào nhau như cánh hoa, thân thật láng và nhẵn mặt, cuống lá phình phình lên như bong bóng, mùa hè lại có hoa tím rất đẹp. Từng đám lục bình cứ trôi nhờn nhờn bình thản theo dòng nước lớn nước ròng chảy xiết.

Bây giờ chẳng biết ngôi nhà xưa của ngoại có còn như trước? Cuộc đời là vô thường và nhà ngoại thay đổi cũng là một việc tất nhiên; nhưng tôi vẫn mơ có một ngày được trở về đó, được tắm lần nữa trong dòng sông yêu thương, được nhìn lại các cảnh vật ngày xưa chưa bị thời gian xóa mòn. Tôi ao ước ngày đó không phải chỉ có một mình tôi, mà có cả cậu dì, anh chị em trong họ, một ngày hội ngộ, ngày trở về mái nhà xưa của đại gia đình tôi. Tôi cũng ao ước được dịp dẫn con tôi, rồi về sau nữa là cháu nội cháu ngoại của tôi, trở về quê ngoại để được đắm chìm trong ký ức rồi cho chúng nhận thức được đâu là nguồn cội.

Xin thấp một nén hương lòng dâng lên cho ngoại và ba má thương yêu.

Và dòng sông, dòng sông của tuổi thơ tôi ơi, tôi tha thiết mong ngày trở lại. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Năm ngoái, nhân đưa gia đình về quê vợ ăn Tết, tôi dành thời gian qua thăm một người trưởng bối trên tôi một khóa đại học. Lâu ngày gặp lại, bên tách trà nóng, mọi người bàn luận với nhau về đủ chuyện, cả chuyện thời tiết miền Trung năm nay quá lạnh khiến cho mai không nở được. Bị cuốn hút vào câu chuyện, tôi không nghe ngoài đường có một chiếc xe cấp cứu đang hú còi inh ỏi chạy ngang qua. Trưởng bối của tôi đang nói bỗng bỏ tách trà xuống và ngồi yên lặng. Thấy ông ấy ngừng nói, tôi vội lên tiếng nói chuyện của mình và không quan tâm đến tiếng còi hú ngoài kia. Mãi đến khi không còn tiếng còi hú cho thấy chiếc xe đã chạy xa lắm, trưởng bối mới tiếp tục trở lại với cuộc trò chuyện. Cũng phải một lúc sau tôi mới để ý đến thái độ ấy. Được hỏi tại sao lại phải im lặng khi chiếc xe cấp cứu đi qua, người trưởng bối nhẹ nhàng giải thích, “Xe cấp cứu hú còi có nghĩa là có người đang lâm nguy đến tính mạng; vì sao chiếc xe cấp cứu lại có đặc điểm đó, vì nó muốn nói với mọi người rằng đang có người lâm nguy đến tính mạng. Tuy mình không giúp được gì, nhưng mình vẫn có thể dành cho người đang lâm nguy một phút im lặng để cầu nguyện cho người ấy vượt qua được cơn nguy kịch. Việc làm này tuy không giúp ích trực tiếp đến người bệnh nhưng ít ra mình cũng thể hiện được lòng từ bi của Đức Phật đã dạy và cũng hợp với tình người”. Nghe xong tôi cảm thấy mình còn có nhiều điều để học hỏi nơi tính cách của trưởng bối mình. Trở về với phố xá đông đúc của TP.Sài Gòn, những lúc đang làm việc hay trên đường trở về nhà, mỗi khi nghe tiếng xe cấp cứu vang lên, tôi lại nhớ đến lời của trưởng bối; tôi cũng im lặng tâm tu trong giây phút để cầu nguyện cho người bệnh trong chiếc xe được qua cơn hiểm nguy. Mỗi lần như vậy tôi đều thấy giây phút sống hiện tại của mình ấm áp hơn. Những giây phút ấm áp đó đã thúc đẩy tôi chủ động tìm đến với những công việc từ thiện mà mình có thể thực hiện được trong những lúc rảnh rỗi, để thể hiện cụ thể sự chia sẻ giữa người với người trong cuộc đời. Càng ngày, tôi càng cảm thấy cuộc sống của mình thực sự có ý nghĩa. Tôi thật sự cảm ơn tính cách của người trưởng bối, đã gián tiếp cho tôi biết vị ngọt của một cuộc sống có quan tâm đến người khác.

Lê Sinh, Đông Hà, Quảng Trị

Chiều ngày thứ Hai, 5-3-2012, tôi từ Gò Vấp hăm hở chạy xe gắn máy lên nhà ga xe lửa Sài Gòn ở Hòa Hưng để làm thủ tục nhận hàng từ nhà quê gửi vào. Đến nơi, đứng trước quầy giao nhận hàng, tôi mới phát hiện là mình không mang theo vận đơn, mặc dù số vận đơn thì tôi đã thuộc nằm lòng. Nghĩ đến việc phải về nhà để lấy vận đơn, tôi thấy ngại quá. Chần chừ một lát, tôi bước thẳng đến quầy giao nhận. Phụ trách quầy là một người phụ nữ còn trẻ. Tôi nói, “Thưa chị, em đến nhận hàng mà quên vận đơn. Nhưng em có nhớ số vận đơn. Nhà em ở xa, chị vui lòng giúp em”. Cô phụ trách nhìn tôi, tỏ vẻ không hài lòng; thế rồi cô bỏ qua tôi để giải quyết cho những người đến sau. Tôi lặng yên chờ. Khi không còn khách, cô lấy ra cho tôi một mẫu tờ khai, hướng dẫn tôi điền vào mọi chi tiết, bảo tôi trình giấy chứng minh nhân dân. Kiểm tra và thấy những lời khai của tôi đều phù hợp, cô viết phiếu cho tôi vào kho nhận hàng. Mừng quá, tôi vội cầm phiếu vào kho, quên cả cảm ơn. Mang hàng ra sân, tôi gọi thêm một người xe ôm giúp tôi chuyển hàng về. Chết hàng lên xe và ràng rịt tử tế xong, ông xe ôm loay hoay mãi không nổ được máy xe, phải nhờ một người đồng nghiệp đẩy xe khi ông đã gài số. Người đồng nghiệp của ông ấy cười nói, “Mới sáng nay cậu đã nhờ tôi một việc”. Ông xe ôm chở hàng cho tôi cũng cười trả lời, “Chuyện sáng nay khác, chuyện này khác mà anh; mà em còn nhờ anh nhiều nữa chứ”. Ấy vậy nhưng rồi họ cũng giúp nhau. Chiếc xe nổ máy, ông chở hàng cho tôi cười toe cảm ơn người đồng nghiệp. Tự nhiên, lòng tôi ngập tràn cảm xúc trước sự tử tế của những người tôi vừa được gặp. Tôi xin cảm ơn những thuận duyên đã cho tôi thấy ý nghĩa của tình người, và xin được gửi đến người phụ trách quầy giao nhận ga xe lửa Sài Gòn lời cảm ơn muộn.

Nguyễn Xuân Quốc Dũng, Q.Gò Vấp, TP.HCM



Đổi trị chứng THIỂU NĂNG TUẦN HOÀN

Tiến sĩ NGUYỄN KIM GIANG

Máu là một mô lỏng lưu hành khắp cơ thể với các chức năng rất quan trọng: Hô hấp (chuyên chở khí oxy và CO2 giữa phế nang và các tế bào), dinh dưỡng (mang dưỡng chất từ ruột non đến tế bào), đào thải (đưa chất cặn bã đến thận, ruột... để bài tiết), điều hòa hoạt động các cơ quan, nhiệt độ cơ thể, bảo vệ cơ thể (chứa các loại bạch cầu, kháng thể, tiêu diệt mầm bệnh). Máu lưu thông tốt là điều kiện cần để các cơ quan được nuôi dưỡng và hoạt động tốt.

■ Đau đầu, hoa mắt, chóng mặt, ù tai

Não là cơ quan trọng nhất. Tuy khối lượng chỉ bằng vài % nhưng nhận được hơn 20% lượng máu nuôi dưỡng cơ thể. Ngưng tuần hoàn não 6-7 giây sẽ ngất, ngừng 5 phút các tế bào não sẽ chết.

Thiếu năng tuần hoàn não (TNTHN) là trạng thái suy giảm lượng máu đến não và ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, đặc biệt là hệ thần kinh trung ương với các triệu chứng: Đau đầu, đau vị trí phía sau (không có điểm cố định) ở cả khu vực chẩm, cổ, đau không xuất hiện thường xuyên mà xen kẽ với các biểu hiện khác, chóng mặt, mắt thăng bằng, đôi khi đột ngột, choáng váng, khụy xuống rất nhanh song vẫn tỉnh táo, hết cơn lại đi lại được, hoa mắt, thị lực giảm thoáng qua vài giờ rồi trở lại bình thường khi cơn qua, ù tai và thính lực giảm tạm thời, rối loạn cảm giác tạm thời. Rối loạn giấc ngủ rất hay gặp, khó chịu, khó chữa, với nhiều biểu hiện đa dạng như: Người thì mất ngủ (không buồn ngủ, khó đi vào giấc ngủ, không ngủ sâu, sáng thức dậy không sáng khoái, tỉnh táo), người thì rối loạn nhịp ngủ, nửa đêm thức giấc, mình mẩy, chân tay tê buồn, trần trọc không ngủ được, gấn sáng lại ngủ, ban ngày ngủ gà ngủ gật. 80% số người bị mất ngủ kinh niên là do TNTHN. Rối loạn cảm xúc, người luôn bồn chồn, không tự chủ, dễ cáu giận, suy giảm trí nhớ, mất tập trung, học tập, làm việc trí óc khó khăn, mất tỉnh táo, sa sút trí tuệ, lú lẫn. Bệnh tiến triển có thể gây nhũn não, xuất huyết não gây liệt nửa người hoặc chết đột ngột.

Nguyên nhân có thể là do bẩm sinh, cơ địa, thoái hoá cột sống cổ, sự chèn ép của khối u, các mạch máu bị hẹp do xơ vữa động mạch, huyết khối, thiếu máu, bệnh tim... thường gặp ở tuổi trung niên và người già, cũng gặp ở những người lao động trí óc với cường độ cao, trong thời gian dài như: sinh viên ôn thi, doanh nhân, chính trị gia làm việc với cường độ cao, trong thời gian dài, cần tăng lượng máu đến não để làm việc hiệu quả.

Điều trị: Tân dược thường dùng các thuốc chỉ chữa được triệu chứng như: Piracetam cải thiện dẫn truyền thần kinh, giảm các triệu chứng TNTHN.

■ Đau mỏi vai gáy, đau cứng cổ

Khí huyết ứ trệ, kém lưu thông, lượng máu đến vùng vai gáy cổ suy giảm gây đau mỏi vai gáy, tê đau cứng cổ. Đau khi thì âm ỉ, khi thì đau trội thành từng cơn, đau nhiều về ban đêm. Đau thường lan lên vùng chẩm và lan xuống vai, các cánh tay (đặc biệt đau và tê tay tăng lên dữ dội khi gơ tay lên đầu, sang bên đối diện), cơ cổ co đau cứng gáy khó khăn khi cúi xuống, nghiêng, quay đầu tự nhiên, gặp lạnh càng đau. Bệnh lâu ngày sẽ dẫn tới TNTHN. Đau mỏi vai gáy, tê cứng cổ có thể gặp ở mọi lứa tuổi: thanh niên, nhân viên văn phòng... nhưng thường gặp nhất là người trung, cao tuổi.

■ Đau mỏi cơ bắp, tê bì chân tay

Thiếu máu, giảm tuần hoàn ở các chi gây chuột rút, run chân tay, đau mỏi cơ bắp, đặc biệt là bắp chân tay (đau tăng lên khi đi, vận động và giảm khi nghỉ ngơi), gây ra chứng tê bì, rối loạn cảm giác kéo dài ở bàn chân tay, lạnh các đầu chi, nặng hơn có thể gây tím tái, hoại tử đầu chi, đặc biệt là đối với bệnh nhân tiểu đường. Chứng chân tay tê bì thường xảy ra ở những người trung, cao tuổi, bệnh khớp và bệnh nhân tiểu đường. Đau mỏi cơ bắp cũng xảy ra với trẻ em khi cơ bắp phát triển nhanh mà lượng máu cung cấp cho chúng không đủ.

Điều trị: Vật lý trị liệu, xoa bóp vùng cổ, vai, gáy, đùi, cánh tay, bắp, ngón chân tay, tập vận động nhẹ nhàng cổ, khớp vai, chiếu tia hồng ngoại sóng ngắn, đắp bùn. Châm cứu, điện châm cổ, vai, gáy, chân, tay. Dùng thuốc giảm đau như Paracetamol, kháng viêm không steroid như Diclofenac, thuốc giãn cơ như Mydocalm, thuốc bổ trợ thần kinh Neurontin, tiêm thuốc tê như Novocaine, thuốc giảm thoái hoá khớp và đĩa đệm, cột sống như MSM. Chỉ can thiệp bằng phẫu thuật khi có chèn ép rễ thần kinh nhiều và điều trị nội khoa không đạt kết quả.

■ Suy nhược toàn thân, bệnh lâu khỏi

Thiếu năng tuần hoàn, ứ trệ, thiếu máu đến nuôi dưỡng các tế bào, các mô, cơ quan (như não, dạ dày, phổi, gan, tim, thận, tụy...) sẽ làm chúng thiếu dinh dưỡng, suy giảm chức năng, làm suy yếu toàn thân và là nguyên nhân của nhiều bệnh, đặc biệt là các bệnh tim mạch, huyết áp...

Khi máu lưu thông kém, số lượng bạch cầu, các tế bào miễn dịch đến các mô, cơ quan sẽ giảm, vì vậy làm giảm sức đề kháng, chống

lại, tiêu diệt bệnh tật của chúng. Khi điều trị các thương tổn bằng thuốc (đường uống hay tiêm) các hoạt chất của thuốc được dẫn đến vùng bệnh bởi máu. Máu huyết lưu thông kém làm giảm khả năng dẫn thuốc từ đó làm giảm tác dụng của thuốc, làm bệnh lâu khỏi.

Điều trị suy giảm tuần hoàn bằng NO:

Gần đây người ta dùng liệu pháp bổ sung NO (oxitnitric) của giáo sư L.J. Ignarro (giải thưởng Nobel) có tác dụng làm giãn cơ trơn mạch máu, từ đó làm tăng lưu thông máu. Nhưng liệu pháp này cũng không chữa bệnh tận gốc, phải uống sản phẩm bổ sung NO hàng ngày và khá tốn kém.

Điều trị TNTH bằng thảo dược:

Phần lớn các bác sĩ chưa mặn mà lắm với thuốc thảo dược vì cho rằng tác dụng của chúng không rõ rệt như tân dược. Thực tế nếu chỉ sản xuất các bài thuốc cổ phương theo sách Đông y thì khó mà có thuốc công dụng vượt trội. Bởi vì cùng công thức như nhau nhưng tác dụng của thuốc có thể rất khác nhau, phụ thuộc chủ yếu vào phương pháp bào chế.

Nhưng cũng có một số thuốc có công dụng vượt trội, hiệu quả thực sự, không chỉ làm giảm, làm hết các triệu chứng mà trong nhiều trường hợp chữa bệnh tận gốc, làm nên điều kỳ diệu: Bệnh khỏi hoàn toàn, kể cả nhiều trường hợp bệnh nan y dai dẳng khó chữa, hay tái phát mà tân dược bó tay. Thường thì những thuốc này được bào chế theo phương pháp độc đáo của nhà thuốc gia truyền danh tiếng mà uy tín đã được khẳng định qua nhiều thế hệ.

Trong điều trị thiếu năng tuần hoàn, người ta thường dùng các vị thuốc có tác dụng bổ huyết, hoạt huyết, giảm đau như: *Bạch quả* hoạt huyết, giảm đau đầu, chóng mặt, hoa mắt; *Đinh lăng* bổ huyết, chữa thiếu máu; *Đương qui* bổ huyết, hoạt huyết, giảm đau dùng khi thiếu máu, ứ trệ; *Thục địa* dưỡng huyết, trị thiếu máu, hoa mắt, chóng mặt ù tai, *Xuyên khung* bổ huyết, hoạt huyết, dùng khi thiếu máu, đau đầu, hoa mắt; *Ích mẫu* bổ huyết, hoạt huyết, tan ứ, giảm đau; *Xích thược* hoạt huyết, thông mạch, tan ứ, giảm đau; *Ngưu tất* hoạt huyết, tan ứ. Các dược liệu này có thể dùng đơn lẻ hoặc phối hợp theo để làm tăng hiệu quả điều trị.

(Nguồn Vietba Media – Báo Công An TP.HCM)

Tham gia chuyên đề:
Pháp Tuệ, Đồng Tâm và sự tài trợ của

NHÀ HÀNG CHAY THÁI LAN
HƯƠNG THIÊN
CỬA HÀNG NGỌC BÍCH
NEPHRITE

359 Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q.3, TP.HCM
ĐT: (08) 5404 3752

Chuông ngân trên đỉnh non thiêng

Bài, ảnh NGUYỄN BÔNG

Chuyến về thăm Huế lần này, chúng tôi đến viếng các chùa và thăm thắng tích của cố đô. Khi chiều tà chúng tôi đến viếng bái tôn tượng Đức Quán Thế Âm Bồ tát, đáng Mẹ hiền từ bi luôn cứu khổ chúng sanh, ngự trên đỉnh non thiêng Tứ Tượng, xã Thủy Bằng, huyện Hương Thủy thuộc Trung tâm Du lịch Tâm linh Phật giáo Quán Thế Âm.

Theo đoàn có mẹ tôi tuổi đã 91, đi đứng rất khó khăn, du sơn ngoạn thủy lần này cũng có lẽ là lần cuối của mẹ, với tâm thành muốn lên đỉnh non thiêng để viếng bái Đức Bồ-tát, nhưng đôi chân đã yếu, mẹ không mong gì vượt qua được hai tầng cấp với nhiều nấc thang để lên đỉnh. Thấy mẹ tha thiết, tôi thắm cầu nguyện và như được một sức mạnh, mẹ tôi bảo thì cứ đi thử đi con và lạ lùng thay, tôi dìu mẹ bước lên từng bậc cấp một cách nhẹ nhàng, trước sự kinh ngạc của mọi người...

Trời chạng vạng tối, từ đài chuông, tiếng đại hồng chung đã ngân vang. Trong không gian yên tĩnh và u tịch, tiếng chuông ngân có âm hưởng rất dài, vang vọng cả vùng đồi núi một cách thanh thoát, tạo cho hành giả cảm giác khinh an, rũ bỏ mọi ưu phiền của cõi hồng trần, khổ lụy... Tìm hiểu được biết là đại hồng chung do nghệ nhân Nguyễn Văn Sở đúc thành. Tôi rất mừng vì trước khi ra Huế, thấy tôi có dặn tìm hiểu kỹ các cơ sở đúc đồng để thấy ra Huế đặt đúc đại hồng chung cho ngôi chùa mới ở Vĩnh Cửu, Đồng Nai.

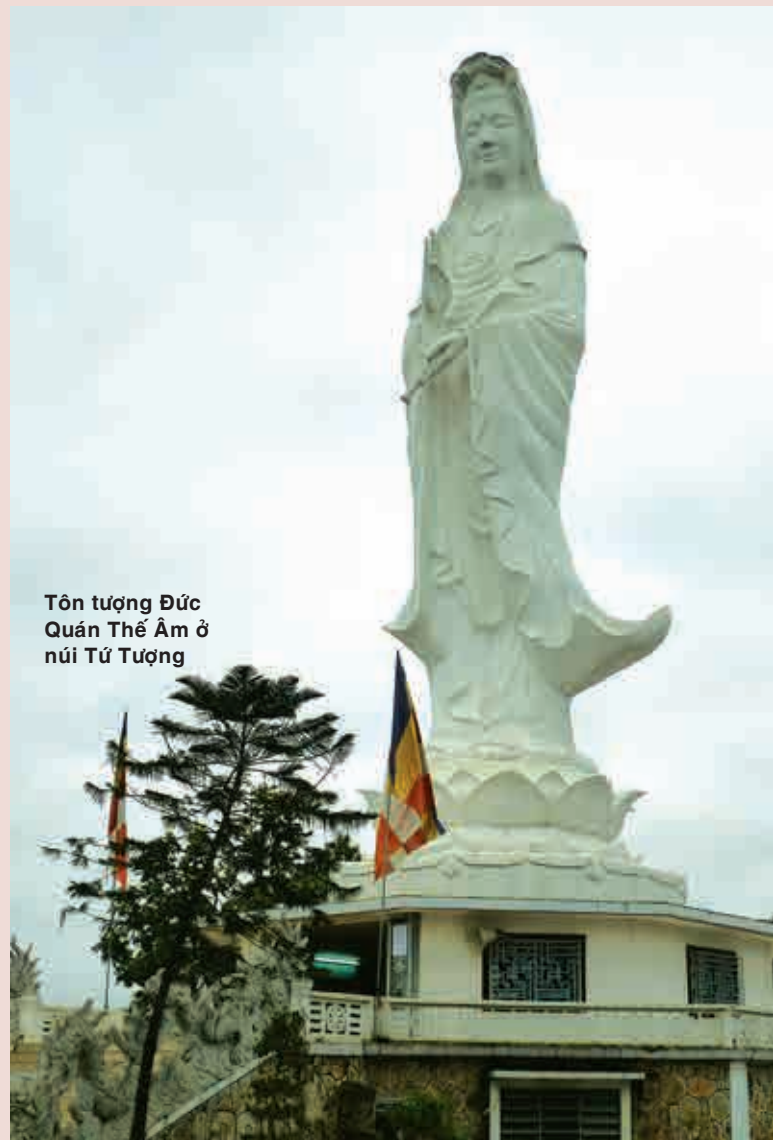
Phường Đức nằm bên bờ Hương giang với 5 xóm: Giang Dinh, Giang Tiên, Kinh Nhơn, Bản Bộ, Trường Đồng. Không mấy khó khăn để tìm đến cơ sở đúc đồng của nghệ nhân Nguyễn Văn Sở, ở 15 khu vực 4, kiệt 257 đường Bùi Thị Xuân, phường Thủy Xuân, TP. Huế. Cụ Sở tuổi hạc đã cao, vui vẻ tiếp chúng tôi.

Được biết cụ là một trong số những nghệ nhân tài hoa ở đất Thần kinh. Cụ đã góp phần cho sự phát triển và thăng hoa những sản phẩm bằng đồng và nổi tiếng nhất là đúc đại hồng chung của Phường Đức Huế.

Hậu duệ của cụ là người con trai trưởng Nguyễn Văn Phương và cháu nội Nguyễn Văn Lộc. Cụ là Phật tử thuần thành, pháp danh Nguyên Tại với nguyện lành và sự tâm huyết trong nghề nghiệp. Từ ngày khởi nghiệp cho đến nay, cụ đã có duyên đúc đại hồng chung nặng hàng tấn cho các chùa gần cũng như chùa xa ở tận Bà Rịa-Vũng Tàu (Niết Bàn tịnh xá – quả chuông nặng 3 tấn, chùa Bát Nhã - quả chuông nặng 6 tấn, v.v...). Và những năm gần đây, Cơ sở đúc đồng của cụ hữu duyên đúc chuông cho Quảng trường thị xã Quảng Trị - quả chuông nặng 9 tấn, cao 4m, đường kính 2,2m; Tiếp đến Công ty Xuân Trường (Ninh Bình) đặt và đúc thành tựu viên mãn quả chuông nặng 22,480 tấn, cao 4,7m, đường kính 3m và năm sau đúc tiếp một quả chuông nặng 30 tấn, cao 5,40m,



Quả chuông do nghệ nhân Nguyễn Văn Sở đúc ở núi Tứ Tượng



Tôn tượng Đức Quán Thế Âm ở núi Tứ Tượng

đường kính 3,40m để kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội; Nhận đúc cho chùa Bái Đính – quả chuông nặng 20 tấn, cao 5,50m, đường kính 3,70m... cũng như cụ đã nhận nhiều đơn đặt hàng lớn nhỏ về tượng Phật, chuông gia trì, tượng phù điêu cùng nhiều mặt hàng mỹ nghệ.

Với nhiều năm khổ luyện trong nghề, anh Phương - con trưởng của cụ tâm sự: “Nghề đúc đồng cũng lắm gian nan, đòi hỏi người thợ phải có đủ kinh nghiệm để xử lý những tình huống trong suốt quá trình sản xuất như: khâu chuẩn bị nguyên liệu, rập khuôn, rót đồng, theo dõi dòng chảy kim loại vào khuôn bằng cảm nhận của mình về dòng chảy đang luân lưu vào khoảng trống quyết định của sự thành bại sản phẩm... Nên trong thời gian đúc tượng Phật và đại hồng chung, ba và tôi cùng các bạn thợ thường chay tịnh để cầu nguyện...”.

Chia tay Phường Đức Huế, tôi nhận ra rằng cụ Sở, anh Phương, cháu Lộc cùng với bà con làng nghề truyền thống Phường Đức Huế đã để lại dấu ấn cho đời những nét đan thanh cao quý về tinh hoa đúc đồng, đó là quá trình kỹ thuật - truyền thống luôn được giữ vẹn và lưu truyền...



Ngọc Bích-Nephrite

Website: www.ngocbich-nephrite.com

Nơi chuyên cung cấp nhiều loại mẫu mã,
kiểu dáng đẹp về trang sức bằng ngọc bích



Đặc biệt giảm giá

40%

kể từ ngày 10/3 đến ngày 20/4



○ Cửa hàng: 359 Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q.3, TP.HCM
ĐT: (08) 5404.3752



Mở rộng lòng từ

Hiện nay tại thôn Tân Hiến, xã Sơn Phước, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên có 2 gia đình không may bị mất cả cha lẫn mẹ. Đó là gia đình cháu Sô Thị Chi với 3 chị em – Chi là chị đầu 9 tuổi và em út 5 tuổi còn gia đình cháu Sô Thị Yên có 4 chị em – Yên là chị đầu 12 tuổi và em út là 4 tuổi. Trong cảnh côi cút, các chị em nương nhờ lẫn nhau với sự giúp đỡ một phần của địa phương và sự cứu mang đùm bọc của chùa Liên Sơn thông qua Phật tử hàng tháng khi đến chùa tụng sám hối, giúp đỡ kẻ ít người nhiều trong khoảng 200.000đ/tháng. Vì đây là địa phương nghèo nên sự giúp đỡ cũng có giới hạn.



Với mong muốn giúp đỡ lâu dài và căn cơ cho việc ăn ở và học hành của các cháu, Thầy trụ trì bốn tỵ kính mong các nhà hảo tâm và quý Phật tử mở rộng lòng từ tương trợ. Mọi liên lạc xin gặp thầy Thích Nguyên Đại, trụ trì chùa Liên Sơn, ĐT: 0907956518, chủ tài khoản Nguyễn Đức Hồng, mã số tài khoản 5900211092490, Ngân hàng Phát triển Nông thôn tỉnh Phú Yên. Hoặc thông qua tòa soạn Tạp chí VHPP nhờ chuyển giúp.



Nuôi lớn mầm yêu thương
Nourish compassion

Viết Chay[®]

Trần trọng Khai Trương địa chỉ mới

Số 290/21A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP. HCM
Bên cạnh Thiền Viện Quảng Đức (VP2)

Vào tháng 4 năm 2012



Nhân dịp Khai trương địa chỉ mới

Nhà hàng Việt Chay xin gửi đến chư Tôn Đức, Quý khách hàng những chương trình sau:

- **Cung dưỡng chư Tôn Đức Tăng Ni 1.000 về buffet.**
- **Tặng coupon mệnh giá từ 50.000 VND đến 1.000.000 VND cho Quý khách hàng**
- **Quà tặng tâm linh đầy ý nghĩa**

Đặc biệt

- **Giảm giá 20%, dành cho tiệc cưới (trong năm 2012)**
- **Giảm giá 15%, dành cho tiệc "outside" (trong năm 2012)**

ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN, XIN VUI LONG LIÊN HỆ CÔ NGỌC DIỆP (ĐT: 0913 808 338)



**Thật bất ngờ!
Thật mới lạ!
Thật đáng tin!**

SỐNG KHỎE VÔ BỆNH KHÔNG DÙNG THUỐC

Sách và đĩa ca nhạc Rừng Tiên.
Nói về Nguồn Phúc Chân Thiện Mỹ.
Nó tác dụng trị hết bệnh đau.
Phát huy tinh thần thân thương nhau.
Văn minh cao thượng vì mọi người.
Cùng nhau chung hưởng an vui cuộc đời.



Sách và đĩa có bán tại tiệm đàn
Số 34A đường Phan Đăng Lưu, P.6, Q.Bình Thạnh
TP. Hồ Chí Minh, ĐT: 38031421 - 35108164

Khu ẩm thực chay sân vườn

Thiên Ý

- ❑ Phục vụ các món ăn thuần chay ngon lạ, hấp dẫn
- ❑ Thú Bày & Chủ nhật hàng tuần có món bánh xèo rau rừng, bánh canh Tráng Bàng
- ❑ Buffet ngày Rằm và Mừng Một hàng tháng từ 10 giờ sáng đến 22 giờ

Đặc biệt có chương trình hòa tấu nhạc cụ dân tộc (từ 18h – 21h)

Nhận đặt tiệc

- Liên hoan – Sinh nhật – Hội nghị và phục vụ đón tận nơi theo yêu cầu
- Sân vườn thoáng mát, phong cảnh đẹp, không khí thiên nhiên trong lành, thanh tịnh

Diện tích lớn, bãi đậu xe ô tô thuận tiện tổ chức các buổi hội nghị lớn

PHÒNG PHÁT HÀNH VHP PHẬT GIÁO HƯƠNG SEN

- ❖ Phục vụ các ấn phẩm Phật giáo: Kinh sách, băng đĩa, pháp phục, vật dụng thờ cúng, tranh tượng Phật, v.v.
- ❖ Đặc biệt: **TRANG SỨC TÂM LINH** (trang sức vàng bạc có khắc câu thần chú của Bồ-tát Quán Thế Âm Om Mani Padme Hum)

36 Trần Quý Cáp, P.11, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 08.3516.7475 - 0913916036

QUÁN CHAY



*Nơi thưởng thức ẩm thực chay
tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần*

17/4 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYỂN - ĐT. 35.035.579



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

Phục vụ điếm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com

PHƯỜNG ĐỨC HUỆ CƠ SỞ ĐÚC ĐỒNG NGUYỄN VĂN SỞ

- ❑ Nghệ nhân **NGUYỄN VĂN PHƯƠNG**
- ❑ Chuyên nhận đúc đồng với chất lượng cao, kiểu dáng đẹp: Tượng Phật, đại hồng chung, chuông gia trì, tượng phù điêu cùng các mặt hàng mỹ nghệ...
- ❑ Địa chỉ: 15 khu vực 4, kiệt 257 Bùi Thị Xuân, P. Thủy Xuân, TP. Huế
- ❑ ĐT: 05433845143



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHỆ CO., LTD.
MÉNH THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

- ❑ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
 - ❑ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
- Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

❑ Quý độc giả có nhu cầu **QUẢNG CÁO**

○ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Thu Sương**

○ ĐTDD: **0918 032 040**

✉ Email: thusuong69@gmail.com

QUANG NGHE CO., LTD.
VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tu
tướng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một
xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát
huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

THÔNG BÁO

Chiêu sinh lớp Sơ cấp Phật học - khóa II TP.Vũng Tàu

Ban Đại diện Phật giáo TP.Vũng Tàu.

Ban Chủ nhiệm Lớp Sơ cấp Phật học TP.Vũng Tàu.

Thông báo khai giảng khóa II - Niên khóa 2012 - 2014

Tại: LINH SƠN CỔ TỰ, Văn phòng Ban Đại diện Phật giáo TP.Vũng Tàu.

104 Hoàng Hoa Thám, P.2, TP.Vũng Tàu.

Cho tất cả Tăng Ni sinh các hệ phái.

Khai giảng vào ngày **19-04 Nhâm Thìn (09-05-2012) thứ Tư.**

Tăng Ni sinh ghi tên và nhận hồ sơ tại LINH SƠN CỔ TỰ, Văn phòng

Ban Đại diện Phật giáo TP. Vũng Tàu. 104 Hoàng Hoa Thám, P.2, TP.Vũng Tàu.

Tăng Ni sinh theo học 2 năm nội trú, hoàn toàn miễn phí.

Tăng Ni sinh chưa tốt nghiệp văn hóa cấp 2, cấp 3 thì được Ban Chủ nhiệm bảo

trợ cho đi học.

Thời gian phát và nhận hồ sơ đăng ký, kể từ ngày đăng thông báo.

Điện thoại liên lạc:

Văn phòng: LINH SƠN CỔ TỰ 0643.855.272

Chủ nhiệm: Ty kheo THÍCH MINH THƯỜNG 0903.611.727

Phó Chủ nhiệm: Thượng tọa THÍCH GIÁC TRÍ 0937.099.508

Thượng tọa THÍCH THÔNG THIÊN 0909.311.109

Chánh Văn phòng: Sư cô THÍCH NỮ TÂM THẢO 0908.46.56.46

TM/ BAN CHỦ NHIỆM
CHỦ NHIỆM

Ty kheo THÍCH MINH THƯỜNG

Đang phát hành

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Đóng bộ **Tập 2** năm 2011

Từ số 132 đến số 143

Giá: **210.000đ/cuốn**



Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại các bộ toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ

2010 (2 tập): 380.000VNĐ

2009 (2 tập): 360.000VNĐ

2011 (2 tập): 420.000VNĐ

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ : Tòa soạn Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

SỐ 150

Phát hành ngày 1 - 4 - 2012

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Cô Nguyễn Phương
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QB
ĐT: 0917 703 325

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tỷ
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Cửa hàng Thanh Nhã
124 Lê Đình Dương, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113565021
(Chị Ty)

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Ký, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng
Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 17.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG